

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU



BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY
CAP SAINT JACQUES

HỨA THỊ HƯƠNG

**NGOẠI GIAO VĂN HÓA NHẬT BẢN VÀ QUÁ
TRÌNH TIẾP NHẬN VĂN HÓA NHẬT BẢN Ở
VIỆT NAM TỪ NĂM 1993 ĐẾN NĂM 2022**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Bà Rịa-Vũng Tàu, tháng 09 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU



BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY
CAP SAINT JACQUES

HỨA THỊ HƯƠNG

**NGOẠI GIAO VĂN HÓA NHẬT BẢN VÀ QUÁ
TRÌNH TIẾP NHẬN VĂN HÓA NHẬT BẢN Ở
VIỆT NAM TỪ NĂM 1993 ĐẾN NĂM 2022**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Ngành: Đông Phương học

Mã số ngành: 8310608

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. TRẦN THỊ HẢI YẾN**

Bà Rịa-Vũng Tàu, tháng 09 năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn Thạc sĩ “Ngoại giao văn hóa Nhật Bản và quá trình tiếp nhận văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2022” là công trình nghiên cứu của tôi, dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Trần Thị Hải Yến. Các tư liệu tham khảo, số liệu, trích dẫn trong nội dung của luận văn là tư liệu đảm bảo tính chính xác, tin cậy và hoàn toàn trung thực.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Học viên thực hiện luận văn

Hứa Thị Hương

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo Viện Đào tạo sau đại học – Trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu đã tận tình giảng dạy, hướng dẫn và tạo điều kiện tốt nhất cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn.

Đặc biệt, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến TS. Trần Thị Hải Yến – Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đã tận tình giúp đỡ và hướng dẫn, hỗ trợ và định hướng cho tôi để nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè đã hỗ trợ, động viên để tôi có thể tham gia học tập và phát triển bản thân.

Gia Lai, tháng 09 năm 2023

Tác giả

Hứa Thị Hương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ	vii
Danh mục biểu đồ	vii
Danh mục các bảng	vii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	2
3. Mục tiêu nghiên cứu	5
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	6
5. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	6
6. Phương pháp nghiên cứu	7
7. Đóng góp mới của đề tài	8
8. Cấu trúc luận văn	8
NỘI DUNG	10
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NGOẠI GIAO VĂN HÓA GIỮA NHẬT BẢN – VIỆT NAM	10
1.1. Cơ sở lý luận	10
1.1.1 Khái niệm về ngoại giao văn hóa	10
1.1.2 Khái niệm về quyền lực mềm	13
1.2. Bối cảnh và tình hình ngoại giao văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam	15
1.2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực sau chiến tranh lạnh	15
1.2.2. Tình hình phát triển của Nhật Bản và Việt Nam giai đoạn sau 1993	20
1.2.2.1. Tình hình Nhật Bản	20

1.2.2.2. Tình hình Việt Nam.....	23
1.3. Quan hệ ngoại giao văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản giai đoạn trước năm 1993	27
CHƯƠNG 2: NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI Ở VIỆT NAM	32
2.1. Ngoại giao văn hóa Nhật Bản và ngoại giao văn hóa với Việt Nam.	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của ngoại giao văn hóa Nhật Bản.	32
2.1.2 Mục tiêu của Nhật Bản trong việc thực hiện ngoại giao văn hóa.	38
2.1.3. Hình thức và tổ chức của ngoại giao văn hóa Nhật Bản.....	40
2.2. Quá trình triển khai ngoại giao văn hóa ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2022	45
2.2.1. Tầm quan trọng của Việt Nam trong Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản. .	45
2.2.2. Giai đoạn hình thành và tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật Bản trước năm 1993.....	47
2.3. Quá trình triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam giai đoạn 1993 – 2022.	53
2.3.1. Hoạt động truyền thông đối ngoại.	53
2.3.2. Hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật.	57
2.3.3 Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và nhân lực.....	64
2.3.3.1.Hoạt động giáo dục, đào tạo tiếng Nhật tại Việt Nam	64
2.3.3.2 Chính sách ngoại giao văn hóa thông qua việc hỗ trợ du học sinh.	72
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN VÀ QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN Ở VIỆT NAM.....	83
3.1. Đặc điểm ngoại giao văn hóa của Nhật Bản ở Việt Nam	83
3.2. Tác động của ngoại giao văn hóa Nhật Bản tới Việt Nam và quan hệ Việt Nam – Nhật Bản.....	85
3.2.1 Tác động đối với Nhật Bản	85
Tác động tích cực	85
Thách thức	89
3.2.2. Tác động đối với Việt Nam.....	91
Tác động tích cực	91
Thách thức	95
3.2.3. Tác động đến quan hệ Việt – Nhật.....	96

3.2.4. Một số khuyến nghị cho ngoại giao văn hóa của Việt Nam	100
3.3. Dự báo xu hướng triển khai ngoại giao văn hóa Nhật Bản – Việt Nam trong thời gian tới.	101
3.3.1 Xu hướng triển khai ngoại giao văn hóa Nhật Bản thời gian tới.....	101
3.3.2 Xu hướng ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam.....	104
Tiểu kết chương 3	105
KẾT LUẬN	107
Khuyến nghị cho nghiên cứu tiếp theo.....	109
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	111

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Viết đầy đủ bằng tiếng Anh	Viết đầy đủ bằng tiếng Việt
ADB - JSP	The Asian Development Bank - Japan Scholarship Program	Ngân Hàng Phát triển Châu Á & Quỹ Học bổng Nhật Bản
ADP	Asian Development Bank	Ngân hàng phát triển châu Á
APEC	Asia - Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEM	The Asia - Europe Meeting	Hội nghị Thượng đỉnh Á - Âu
CNXH		Chủ nghĩa xã hội
CTTG		Chiến tranh Thế giới
CPTPP	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
JASSO	Japan Student Services Organization	Tổ chức phụ trách về dịch vụ cho sinh viên tại Nhật Bản
JATA	Japan Association of Travel Agents	Hiệp hội Du lịch Nhật Bản
JETRO	Japan External Trade Organization	Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản
JF	Japan Foundation	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
JICA	Japan International Cooperation Association	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
JINTO	Japan National Tourism Organization	Cơ quan Xúc tiến Du lịch Nhật Bản
MEXT	Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology – Japan	Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản
NGVH		Ngoại giao văn hóa
ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ Phát triển Chính thức
TAC	Treaty of Amity and Cooperation in Southeast Asia	Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ số người học tiếng Nhật theo từng cấp học ở Việt Nam năm 2018 ..	66
Biểu đồ 2.2 Số lượng người học tiếng Nhật và giáo viên dạy tiếng Nhật và tại một số nước Đông Nam Á năm 2018.....	68
Biểu đồ 2.3. Biến động số lượng du học sinh Việt Nam từ 2012 đến 2020.....	74

Danh mục các bảng

Bảng 3.1. ODA Nhật Bản cho Việt Nam (2010 – 2020)	94
---	----

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngoại giao văn hóa (NGVH) là hình thức tham gia vào các hoạt động văn hóa nhằm quảng bá hình ảnh, nền tảng tình cảm và nhận thức của con người, từ đó thiết lập, duy trì quan hệ ngoại giao và tạo sức ảnh hưởng. Hầu hết các quốc gia, không chỉ các nước phát triển, các nước có nền văn hóa truyền thống mà cả các nước đang phát triển cũng muốn truyền bá văn hóa của mình ra nước ngoài, thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế. Hầu hết mọi người trên thế giới ít nhiều đều hiểu rằng Nhật Bản được biết đến là đất nước mặt trời mọc, mùa xuân có hoa anh đào, mùa thu có lá đỏ, mùa đông có tuyết trắng. Đất nước có những món ăn nổi tiếng trên khắp thế giới như sushi, sashimi, trang phục như kimono, yukata đẹp mắt... Và với những con người đầy tính kỷ luật cao, tự giác và chăm chỉ. Người Nhật luôn khiến thế giới biết đến và thán phục từ những hành động nhỏ nhất của mình. Nhật Bản cũng là điểm dừng chân tuyệt đẹp bởi phong cảnh, đường phố sạch sẽ, ẩm thực đa dạng và hoạt động kinh tế thương mại sầm uất nổi tiếng. Thêm nữa, Nhật Bản với một nền văn hóa riêng có tầm ảnh hưởng trên thế giới nhất định. Nhận thức được điều này và hiểu được ý nghĩa của việc đẩy mạnh ngoại giao thông qua văn hóa Nhật Bản đã rất tích cực truyền tải thông tin và thực hiện nhiều chính sách ngoại giao văn hóa nhằm giúp thế giới hiểu hơn về văn hóa và đất nước Nhật Bản.

Sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa hiện nay diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới, các vấn đề chính trị và sự cân bằng quyền lực của các cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Quốc... cũng diễn biến thay đổi liên tục. Các nhà lãnh đạo, các chính phủ đã nhận thức sâu sắc về sức mạnh quốc gia và bản sắc văn hóa của mình do đó những cụm từ như “sức mạnh mềm” hay “quyền lực mềm” được đưa ra thảo luận phổ biến trên khắp các phương tiện xã hội. Các nước đã nghiên cứu sử dụng hiệu quả “sức mạnh mềm” đó là sự phát huy sức mạnh của giá trị mỗi quốc gia trong đó bao gồm các giá trị về văn hóa, thể chế xã hội, về chính sách quốc gia để cạnh tranh với thế giới. Trong đó văn hóa

là một “sức mạnh mềm” có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ nhất, khái niệm “ngoại giao văn hóa” đã trở nên quen thuộc khi mỗi quốc gia muốn thực hiện những chính sách đối ngoại.

Nhật Bản hiểu rõ “sức mạnh mềm” quan trọng như thế nào trong các chính sách hoạt động phát triển đất nước. Ngay sau chiến tranh Thế giới thứ 2 (CTTG thứ 2) Nhật Bản đã thực hiện nhiều chủ trương, chương trình ngoại giao ở các khu vực cũng như trên toàn Thế giới. Cùng với sự phát triển vượt bậc về kinh tế hình ảnh và vị thế của nước Nhật cũng phát triển tích cực nổi bật nhờ vào hoạt động ngoại giao văn hóa của chính phủ Nhật Bản.

Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản có lịch sử gần 1300 năm, có nhiều dấu ấn lịch sử về giao lưu văn hóa, kinh tế và chính trị giữa hai nước. Hiện nay, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản đã có sự phát triển mạnh mẽ. Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 4 và là nhà cung cấp ODA lớn nhất cho Việt Nam... Trong lĩnh vực văn hóa, hợp tác văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản cũng đặc biệt được chú trọng. Chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Việt Nam và quá trình tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật ở Việt Nam trở thành một trong những trọng tâm trong quan hệ hai nước. Sự quan tâm của chính phủ cũng như nhân dân hai nước đối với vấn đề này ngày càng tăng. Xuất phát từ lý do trên, tôi chọn đề tài “*Ngoại giao văn hóa Nhật Bản và quá trình tiếp nhận văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2022*” làm nội dung cho luận văn của mình. Đề tài được thực hiện với mong muốn có một cái nhìn tổng quan hơn về mối quan hệ ngoại giao văn hóa giữa hai nước trong quá trình 30 năm hợp tác phát triển từ đó rút ra những đánh giá nhận thức cũng như dự đoán triển vọng của mối quan hệ này trong tương lai.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Những công trình liên quan đến ngoại giao văn hóa Nhật Bản

Các công trình tiêu biểu liên quan đến ngoại giao văn hóa của Nhật Bản trên thế giới bao gồm một số công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh của các học giả nước ngoài như:

Japanese Diplomacy: The Role of Leadership của H. D. P. Envall: là một nghiên cứu sâu sắc và nổi bật về vai trò của các nhà lãnh đạo Nhật Bản trong ngoại giao, từ thời Chiến tranh Lạnh đến hiện nay, và cách họ ảnh hưởng đến nhận thức và hành động của Nhật Bản trên trường quốc tế.

Japan's Foreign Relations: A Global Search for Economic Security của Gerald L. Curtis: là một phân tích tổng quan về chính sách ngoại giao của Nhật Bản từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai đến cuối thế kỷ 20, với tập trung vào các vấn đề kinh tế, an ninh và văn hóa trong quan hệ của Nhật Bản với các đối tác chính như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga và Đông Nam Á.

Ngoài ra một số sách, ấn phẩm của tác giả người Nhật được dịch sang tiếng Việt về các vấn đề ngoại giao trên mọi phương diện như:

Ngoại giao Nhật Bản - Từ Minh Trị Duy Tân Đến Hiện Đại, tác giả Irie Akira, dịch giả Lê Thị Bình - Nguyễn Đức Minh, xuất bản năm 2015. Sách này ghi lại những suy nghĩ của tác giả về quan hệ đối ngoại của Nhật Bản cận đại, từ thời kỳ mở cửa đến thời kỳ hậu Chiến tranh thế giới thứ hai và thời đại toàn cầu hóa.

Ngoại giao Nhật Bản - Sự lựa chọn của Nhật Bản trong thời đại toàn cầu hóa, tác giả Irie Akira, dịch giả Nguyễn Thị Hồng Nhung, xuất bản năm 2017. Sách này thể hiện cách nhìn độc đáo về nền ngoại giao Nhật Bản, kết quả quá trình nghiên cứu lâu dài và sâu sắc của tác giả về lịch sử ngoại giao Nhật Bản đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa

Những công trình liên quan đến quan hệ văn hóa giữa Việt Nam – Nhật Bản

Lịch sử nghiên cứu các vấn đề giao lưu văn hóa hai nước là một lĩnh vực quan trọng để hiểu rõ hơn về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản qua các thời kì. Có nhiều tác phẩm

và công trình nghiên cứu đã được xuất bản về chủ đề quan hệ văn hóa Việt Nam – Nhật Bản và ảnh hưởng của văn hóa Nhật Bản đến Việt Nam, điển hình như:

Cuốn sách “Các vấn đề lịch sử - văn hóa – xã hội trong giao lưu Việt Nam – Nhật Bản” do Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á và Trung tâm Giao lưu nghiên cứu và hợp tác KHXH Việt Nam – Nhật Bản biên soạn. Cuốn sách gồm 16 bài viết của các nhà khoa học trong và ngoài nước phân tích các khía cạnh lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của quan hệ hai nước từ thế kỷ 16 đến nay.

Công trình nghiên cứu “Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản: Quá khứ, hiện tại và tương lai” của hai tác giả Ngô Xuân Bình và Trần Quang Minh đã nghiên cứu một mối quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia xuyên suốt chiều dài lịch sử. Cuốn sách đã đánh giá hiện trạng, phân tích sự thành công cũng như điểm còn hạn chế và triển vọng ngoại giao trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa...

Sách “Lịch sử giao lưu Việt Nam – Nhật Bản” do Bộ môn Nhật Bản học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội biên soạn. Cuốn sách trình bày các giai đoạn giao lưu giữa hai dân tộc từ thời xa xưa cho đến cuối thế kỷ 20.

Ngoài ra có thể kể đến cuốn “Việt Nam & Nhật Bản Giao Lưu Văn Hóa” của nhà sử học Vĩnh Sính với ba phần: phần 1 là những tiểu luận về giao lưu giữa hai nước, phần 2 là công trình dịch thuật và khảo cứu của Vĩnh Sính: An Nam cung dịch kỷ sự và Phong tục An Nam, phần 3 là một số bài viết của các nhà khoa học khác liên quan đến chủ đề.

Số công trình nghiên cứu về quan hệ ngoại giao Nhật Bản – Việt Nam của các nhà khoa học, học giả người Nhật có thể kể đến như “Những bài học về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản” của Kimura Hiroshi, “Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam 1951 – 1987” của Shiraishi M. Hay tiêu biểu như cuốn sách “Văn hóa Việt Nam qua góc nhìn của người Nhật” của nhà văn và nhà báo nổi tiếng Nhật Bản - Ông Tsurumi Shunsuke. Cuốn sách là kết quả của 30 năm nghiên cứu và trải nghiệm về văn hóa Việt Nam của ông, bao gồm các chủ đề như lịch sử, chính trị, xã hội, tôn giáo, văn học và nghệ thuật.

Cuốn sách “Việt Nam - Một quốc gia đang thay đổi” của Giáo sư Matsuda Motoji - một trong những chuyên gia hàng đầu về Việt Nam tại Nhật Bản. Cuốn sách là tập hợp các bài viết phân tích sâu sắc về các khía cạnh kinh tế, chính trị và xã hội của Việt Nam từ sau chiến tranh cho đến thời kỳ đổi mới. Số còn lại chủ yếu là các bài báo cáo tại các hội thảo chuyên ngành tổ chức tại Việt Nam và Nhật Bản.

Như vậy đề tài nghiên cứu có thể đã được đề cập đến trong các công trình của các nhà nghiên cứu đi trước, Tuy nhiên đề tài luận văn này có những đóng góp mới cũng như có tính chuyên sâu cụ thể cho vấn đề ngoại giao và tiếp nhận ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Việt Nam.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề về ngoại giao văn hóa, đặc điểm ngoại giao văn hóa của Nhật Bản và hoạt động ngoại giao văn hóa Nhật Bản và Việt Nam được đưa ra phân tích làm rõ. Tìm hiểu, nghiên cứu chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Việt Nam. Các hoạt động tiếp nhận văn hóa của Nhật Bản qua các giai đoạn, đặc biệt giai đoạn 1993 đến 2022. Trình bày một cách có hệ thống tiến trình thực hiện các hoạt động văn hóa thông qua lĩnh vực giáo dục và nhân lực, trong lĩnh vực hoạt động văn hóa nghệ thuật, và lĩnh vực du lịch dịch vụ. Đánh giá kết quả cũng như hạn chế và bài học kinh nghiệm rút ra cho ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

- Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu các vấn đề ngoại giao văn hóa của Nhật Bản và quá trình tiếp nhận văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Phân tích các chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản.

+ Các hoạt động tiếp nhận văn hóa của Nhật Bản trong giai đoạn 1993 đến 2022.

+ Đánh giá kết quả cũng như hạn chế và bài học kinh nghiệm rút ra cho ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn với ba chương nhằm giải quyết 3 nhiệm vụ nghiên cứu chính là:

Thứ nhất: Tổng quan quan hệ Việt Nam – Nhật Bản, phân tích các chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản.

Thứ hai: Làm rõ các hoạt động ngoại giao văn hóa của Nhật Bản ở Việt Nam tập trung vào ba hoạt động chính: hoạt động truyền thông đối ngoại, giao lưu văn hóa nghệ thuật và lĩnh vực giáo dục nhân lực.

Thứ ba: Đánh giá, nhận xét các thành tựu và tồn tại, rút ra bài học cho Việt Nam cũng như dự báo xu hướng triển khai ngoại giao văn hóa của Nhật Bản trong tương lai.

5. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Ngoại giao văn hóa Nhật Bản và quá trình tiếp nhận văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam

Phạm vi thời gian: Từ năm 1993 đến năm 2022

Năm 1993 là năm “Kỷ niệm 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản”. Năm 1993, Nhật Bản đã chính thức nối lại viện trợ cho Việt Nam sau một thời gian tạm dừng do tình hình chính trị khu vực. Nhật Bản đã trở thành đối tác viện trợ lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm qua. Đồng thời tháng 11/1993, Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã đến thăm Nhật Bản, là chuyến thăm cấp cao đầu tiên của Việt Nam tới Nhật Bản kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao. Trong chuyến thăm, hai bên đã ký Tuyên bố chung về việc xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, ổn định và lâu dài giữa Việt Nam và Nhật Bản. Cũng thời gian này các hoạt động giới thiệu văn hóa Việt Nam tại Nhật Bản diễn ra tích cực và sôi nổi, đã có những buổi biểu diễn lớn, những cuộc triển lãm, hội thảo về văn hóa Việt Nam được người Nhật Bản đón nhận. Đây cũng là những lý do chính mà luận văn này chọn nghiên cứu về ngoại giao văn hóa Nhật Bản và quá trình tiếp nhận văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2022, để tiến đến kỷ niệm

50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao hai nước vào năm 2023 này với chủ đề “Việt Nhật đồng hành, Hướng tới tương lai – Vươn tầm thế giới”

Phạm vi không gian: Nhật Bản và Việt Nam.

Phạm vi nội dung: Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản, ảnh hưởng của văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam.

6. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được kết quả nghiên cứu khách quan, đáng tin cậy, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu: Khai thác tài liệu, dữ liệu, nghiên cứu, làm rõ hoạt động ngoại giao văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay. Phương pháp Tổng hợp và phân tích tài liệu nhằm mục đích tổng hợp và phân tích các tài liệu thứ cấp, giúp tác giả sử dụng các nguồn tư liệu khác nhau có liên quan đến đề tài nghiên cứu, đánh giá và phân loại các nguồn tư liệu trong quá trình nghiên cứu, đồng thời phân tích, luận giải cơ sở lý luận về ngoại giao văn hóa Nhật Bản và sự tiếp nhận văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam.

Phương pháp điều tra, khảo sát, phỏng vấn sâu để đánh giá sự tiếp nhận văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam.

Phương pháp phân tích logic: Tập trung quan sát biến động của vấn đề theo sự vận động của thời gian, đi sâu phân tích, tổng hợp để tìm ra bản chất và quy trình của các hoạt động ngoại giao văn hóa Nhật Bản – Việt Nam. Phương pháp này cần áp dụng các lý thuyết và mô hình khoa học trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, ngoại giao và truyền thông. Là một phương pháp tiếp cận đa chiều và linh hoạt để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ngoại giao văn hóa của hai quốc gia.

Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê so sánh, liệt kê và đối chiếu các sự kiện.

7. Đóng góp mới của đề tài

Đóng góp về mặt khoa học:

Từ những nghiên cứu đã được thực hiện trong luận văn các vấn đề về ngoại giao văn hóa, đặc điểm ngoại giao văn hóa của Nhật Bản và quá trình tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam xuyên suốt từ năm 1993 đến năm 2022 được đưa ra phân tích, tìm hiểu. Những hoạt động ngoại giao văn hóa thông qua bốn lĩnh vực chính là “truyền thông - đối ngoại, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục – nhân lực” được trình bày một cách có hệ thống, từ đó cung cấp cơ sở dữ liệu cho việc nghiên cứu các hoạt động ngoại giao văn hóa giữa Việt Nam – Nhật Bản để hướng đến năm 2023 kỷ niệm 50 năm hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, cùng nhìn nhận quá khứ và hướng đến tương lai.

Đóng góp về mặt thực tiễn.

Đặc biệt luận văn còn đưa ra được những vấn đề còn tồn tại, xu hướng phát triển về ngoại giao văn hóa Nhật Bản cũng như xu hướng ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam trong thời gian tới. Cũng như đóng góp những khuyến nghị, rút ra bài học cho Việt Nam hoàn thiện chính sách ngoại giao văn hóa trong thời kỳ mới, nhiều biến động như hiện nay.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh từ viết tắt và phụ lục. Nội dung của luận văn gồm 03 chương: Trong đó phần Nội dung với ba chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của ngoại giao văn hóa Nhật Bản – Việt Nam

Chương 2: Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản và quá trình triển khai ở Việt Nam.

Chương 3: Đánh giá nhận xét ngoại giao văn hóa của Nhật Bản và quá trình tiếp nhận ở Việt Nam

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NGOẠI GIAO VĂN HÓA GIỮA NHẬT BẢN – VIỆT NAM

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1 Khái niệm về ngoại giao văn hóa

Ngoại giao văn hóa (Cultural diplomacy) (NGVH) dưới góc độ quan hệ quốc tế có thể khái quát như sau. Ngoại giao văn hóa là hình thức ngoại giao sử dụng các phương tiện văn hóa để thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ đối ngoại nhằm đạt được các lợi ích cơ bản của quốc gia. Ngoại giao văn hóa sử dụng văn hóa như một công cụ và phương tiện để đạt được các mục tiêu của chính sách đối ngoại. Và ngoại giao văn hóa giúp làm cho nền văn hóa của một quốc gia được thế giới biết đến, nâng cao hình ảnh và uy tín của một quốc gia, đồng thời thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia.

Nhiều nhà nghiên cứu và học giả đã đưa ra những định nghĩa tổng thể và chức năng của ngoại giao văn hóa.

Theo nhà nghiên cứu người Mỹ Milton Cummings – giáo sư Đại học John Hopkins, ngoại giao văn hóa được coi là “sự giao lưu về ý tưởng, thông tin, nghệ thuật và những khía cạnh khác của văn hóa giữa các quốc gia cũng như giữa người dân của các quốc gia này nhằm nuôi dưỡng sự thấu hiểu chung.” Còn theo Juliet Sablowsky thuộc Đại học Goergetown thì ngoại giao văn hóa là “sự đầu tư mang tính lâu dài, được tiến hành nhằm thúc đẩy quan hệ giữa chúng ta với nhân dân các nước khác, để thúc đẩy hiểu biết hai bên, để nhân dân các nước hiểu tốt hơn về lợi ích và chính sách quốc gia của chúng ta”.

Học giả người Nhật Kazuo Ogura cho rằng “*Ngoại giao văn hóa của một quốc gia là tận dụng văn hóa với mục đích nâng cao sức ảnh hưởng chính trị của quốc gia*

đó”. Nhật Bản hàng năm công bố về các đường lối, chính sách ngoại giao của chính phủ từ năm 1957 đến nay. Năm 2005 cụm từ “ngoại giao văn hóa” mới xuất hiện nhiều hơn, còn trong những hoạt động trước đó thường sử dụng các cụm từ như “giao lưu văn hóa quốc tế”, “giao lưu quốc tế”, “giao lưu văn hóa”. Trên trang chính của Bộ Ngoại giao, Nhật Bản khẳng định việc chính phủ tăng cường ngoại giao văn hóa – truyền thông là bởi nhiều học giả đã chỉ ra tầm quan trọng của “ngoại giao công chúng” và “sức mạnh mềm”. Từ đó cho thấy, hai lý thuyết này có ảnh hưởng mạnh mẽ tới ngoại giao văn hóa Nhật Bản hiện đại.

Ngoại giao công chúng (Public Diplomacy) là một lĩnh vực của quan hệ quốc tế vượt ra ngoài khuôn khổ của ngoại giao truyền thống: định hướng dư luận của chính phủ ở các nước khác sự tương tác giữa các nhóm lợi ích phi chính phủ của nước này với nước khác; tuyên truyền về công tác đối ngoại và tác động của nó đến chính sách. Ngoại giao công chúng cũng là cách tiếp cận đa văn hóa, học hỏi lẫn nhau dựa trên đối thoại. Nhiệm vụ của ngoại giao công chúng là chuyển tải thông tin về chính sách nhằm thu hút, thuyết phục đối tượng và xây dựng các mối quan hệ tin cậy, cấu trúc xã hội để thúc đẩy các mục tiêu chính sách. Ngoại giao công chúng cũng nhằm phát huy “sức mạnh mềm” của một nước và hỗ trợ cho ngoại giao nhà nước. Theo Nicholas J. Cull, ngoại giao công chúng được phân loại bởi 5 yếu tố: Lắng nghe, tuyên truyền chính sách, ngoại giao văn hóa, ngoại giao lưu và phát sóng quốc tế. Theo như cách phân loại này thì ngoại giao văn hóa là một bộ phận của ngoại giao công chúng.

Chính sách ngoại giao văn hóa Nhật Bản được xem xét như một trong những cách thực hiện ngoại giao công chúng khi chính sách này hướng tới đối tượng chủ yếu là công chúng. Chủ thể tiến hành chính sách này là Bộ Ngoại giao Nhật Bản chủ yếu là thông qua Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản. Mục tiêu của nó là không chỉ nhằm cải thiện hình ảnh mà còn tạo sự của các nước đối với Nhật Bản. Có thể hiểu gọn chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản là tổng thể các hoạt động ứng xử, giao lưu, hợp tác về văn hóa của

Nhật Bản với các nước khác với mục tiêu là nhằm tăng cường sự hiểu biết với các quốc gia láng giềng, giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của mình tới toàn thế giới, tạo sức mạnh mềm để đạt được các mục tiêu kinh tế và chính trị. Ngoài ra, chính sách này còn nhấn mạnh vào sự quan trọng của di sản văn hóa, góp phần làm phong phú cho văn hóa nhân loại và thúc đẩy sự cộng sinh và đối thoại giữa các nền văn hóa khác nhau.

Chính sách này được ban hành với ba trụ cột của NGVH Nhật Bản là truyền bá văn hóa, hấp thu văn hóa và cộng sinh văn hóa. Truyền bá văn hóa là việc giới thiệu và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của Nhật Bản tới thế giới. Hấp thu văn hóa là việc tiếp nhận và coi trọng các nền văn hóa khác nhau. Cộng sinh văn hóa là việc xây dựng một xã hội đa dạng và phong phú trong đó các nền văn hóa có thể tồn tại song song và giao lưu lẫn nhau.

Ở Việt Nam, khái niệm ngoại giao văn hóa được nhìn nhận khá khác biệt, có khác và có tương đồng. Ở góc độ ngoại giao, ngoại giao văn hóa được coi là một hình thức ngoại giao thông qua văn hóa để thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ đối ngoại.¹ Vụ Văn hóa Bộ Ngoại giao Việt Nam và UNESCO định nghĩa ngoại giao văn hóa là các hoạt động đối ngoại do nhà nước tổ chức, tài trợ và bảo trợ, được thực hiện trong những thời kỳ cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu chính trị và đối ngoại cụ thể bằng các loại hình văn hóa như nghệ thuật, lịch sử, tư tưởng, truyền thống, ẩm thực, điện ảnh, xuất bản và văn học.² Ở góc độ văn hóa, có quan điểm cho rằng, ngoại giao văn hóa sử dụng các phương tiện văn hóa để đạt được mục tiêu ngoại giao, ngoại giao là hoạt động đặc thù dùng để đánh giá cao vẻ đẹp của văn hóa.

Cách nhìn nhận, quan điểm ngoại giao văn hóa ở Việt Nam có nhiều xuất phát điểm khác nhau nên sẽ tương đối đa. Ngay trong “Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến

¹ Phạm Sanh Châu. ‘Ngoại giao văn hóa – Một trụ cột quan trọng nền ngoại giao toàn diện Việt Nam’. *Tạp chí đối ngoại*, số 3-2009, truy cập ngày 20.06.2023

² Bộ Ngoại Giao: Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc, NXB Chính Trị Quốc Gia Hà Nội, 1995, 18.

năm 2020” được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2011 cũng nêu rõ: “Ngoại giao văn hóa cùng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị là ba trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại của Việt Nam”.

Với những điểm nêu trên, cách tiếp cận ngoại giao văn hóa của Việt Nam có thể được hiểu như sau. *Thứ nhất*, đó là một hình thức ngoại giao sử dụng các công cụ văn hóa. *Thứ hai*, thực hiện các lợi ích cơ bản của nhà nước: phát triển, an ninh và ảnh hưởng, đồng thời tôn trọng các giá trị văn hóa. *Thứ ba*, là kênh ngoại giao hiệu quả để gia tăng sức mạnh mềm. Xây dựng niềm tin và quảng bá hình ảnh quốc gia. *Thứ tư*, là kênh tiếp thu văn hóa nhân loại và làm phong phú, giàu có thêm nền văn hóa nước nhà. *Thứ năm*, nó được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm cả hình thức không chính thức cũng như hình thức chính thức của nhà nước. *Thứ sáu*, nó có thể được sử dụng một cách linh hoạt và có hiệu quả lâu dài.

1.1.2 Khái niệm về quyền lực mềm

Trong những năm gần đây cụm từ “quyền lực mềm” trở nên phổ biến và có sức ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động, biến đổi trên toàn Thế giới. Có nhiều học giả quan tâm đến khái niệm này “Quyền lực mềm là khả năng ảnh hưởng đến người khác bằng cách sử dụng sức hút văn hóa, giá trị và chính sách thay vì sử dụng quân sự hay kinh tế”. Quyền lực mềm có thể giúp một quốc gia hay tổ chức thu hút được sự ủng hộ và hợp tác của người khác” Theo như Giáo sư Joshef S. Nye của Đại học Havard (Mỹ) người đưa ra khái niệm này đầu tiên.³

“Quyền lực mềm” Có tác dụng rất lớn trong thế giới hiện đại, khi mà các quốc gia và tổ chức cần hợp tác với nhau về những thay đổi cục diện an ninh, biến đổi khí hậu, phát triển... Quyền lực mềm giúp tạo ra sự tin tưởng, lòng tin và sự ủng hộ từ người khác.

³ Đức Lê (2011). Đôi nét về “Quyền lực mềm” trong quan hệ quốc tế, *Tạp chí Quốc phòng* toàn dân, truy cập ngày 20/07/2023 <http://tapchiquptd.vn/vi/an-pham-tap-chi-in/doi-net-ve-quyen-luc-mem-trong-quan-he-quoc-te/3410.html>

Quyền lực mềm cũng giúp thể hiện bản sắc và giá trị của một quốc gia hay tổ chức. Đo lường quyền lực mềm không phải là một việc dễ dàng, vì nó liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau và có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh và đối tượng. Một số cách đo lường quyền lực mềm có thể là: xem xét sự hài lòng và tin tưởng của người khác đối với một quốc gia hay tổ chức; xem xét sự thu hút của văn hóa, giáo dục, du lịch, xuất khẩu... của một quốc gia hay tổ chức; xem xét sự ảnh hưởng của một quốc gia hay tổ chức trong các diễn đàn quốc tế và khu vực. Chúng ta có một số ví dụ điển hình để hiểu rõ hơn về khái niệm này như:

- Ảnh hưởng về văn hóa, lịch sử và ngoại giao quốc gia: sự hấp dẫn của Hollywood, Disney, K-pop, giá trị của UNESCO...
- Sức hấp dẫn của các giá trị, tư tưởng và lý tưởng của một quốc gia: Dân chủ, nhân quyền, Tự do...
- Khả năng kiểm soát hành vi của người khác bằng sự thu hút và thuyết phục: Đàm phán, Hợp tác, Truyền thông...

Trái với quyền lực mềm chính là “Quyền lực cứng” là sự sử dụng các biện pháp quân sự và đôi lúc là kinh tế nhằm tác động đến hành vi ứng xử hoặc mối quan tâm của các thực thể chính trị khác. Quyền lực cứng dựa vào sự đe dọa và dụ dỗ. Ví dụ như: Can thiệp quân sự, trừng phạt các hoạt động liên quan đến kinh tế hay giảm rào cản thương mại... Các thành tố của sức mạnh cứng bao gồm những thứ cơ bản như (tài nguyên cơ bản của quốc gia, lực lượng quân sự, lực lượng và tiềm lực kinh tế) vốn đã được các cường quốc vận dụng từ xưa để phô trương sức mạnh hay xâm phạm các nước khác.

Quyền lực mềm và quyền lực cứng là hai loại công cụ chính sách đối ngoại mà các quốc gia sử dụng trong quan hệ của họ với các nước khác. Quyền lực mềm là quyền lực có được nhờ những phẩm chất, sự hấp dẫn chứ không phải ép bức hay dụ dỗ. Quyền

lực mềm khi kết hợp với quyền lực cứng sẽ tạo ra quyền lực thông minh, là khả năng sử dụng các nguồn lực hiệu quả để đạt được mục tiêu trong bối cảnh khác nhau⁴.

Khi xã hội ngày càng phát triển như hiện nay ngoại giao văn hóa là một loại ngoại giao sử dụng quyền lực mềm hiệu quả, để trao đổi ý tưởng, thông tin, nghệ thuật và các khía cạnh khác của văn hóa giữa các quốc gia và dân tộc các nước nhằm bồi dưỡng sự hiểu biết lẫn nhau. NGVH có thể giúp thúc đẩy hòa bình, hợp tác và phát triển.

1.2. Bối cảnh và tình hình ngoại giao văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam

1.2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực sau chiến tranh lạnh.

Bối cảnh quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ 2 là bối cảnh của một thế giới đang chuyển biến sâu sắc và phức tạp. *Thứ nhất; Hoa Kỳ vẫn là cường quốc số một thế giới sau Chiến tranh Lạnh.* Chiến tranh lạnh là thời kỳ căng thẳng và đối đầu giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ, kéo dài từ cuối thế chiến II (1945) đến sự tan rã của Liên Xô (1991). Chiến tranh lạnh không phải là một cuộc chiến trực tiếp giữa hai bên, mà là một cuộc chiến tranh ảnh hưởng, tranh giành ưu thế về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa trên toàn thế giới. Chiến tranh lạnh đã tạo ra sự phân chia thế giới thành hai khối: khối Đông do Liên Xô dẫn đầu, gồm các nước xã hội chủ nghĩa; và khối Tây do Mỹ dẫn đầu, gồm các nước tư bản chủ nghĩa. Hai khối này đã thành lập các liên minh kinh tế, chính trị và quân sự để đối phó với nhau, như NATO và Vác-xa-va. Chiến tranh lạnh đã kết thúc vào năm 1991 khi Liên Xô tan rã thành các quốc gia độc lập. Sự sụp đổ của Liên Xô được coi là kết quả của những yếu tố nội tại và ngoại lai, như sự suy yếu kinh tế, sự bất mãn của dân chúng, sự cải cách của Gorbachev, sự can thiệp của Mỹ và các đồng minh...

⁴ Bùi Việt Hương (2014). ‘Quyền lực cứng, quyền lực mềm, quyền lực thông minh trong nền dân chủ’. *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, truy cập 20/06/2023
https://tcnn.vn/news/detail/5468/Quyenn_luc_cung_quyenn_luc_mem_quyenn_luc_thong_minh_trong_nen_dan_chu_all.html

Thế giới sau chiến tranh lạnh cũng đã chứng kiến những biến đổi lớn về quan hệ quốc tế. Một số biến đổi chính là: sự xuất hiện của một thế giới đa cực với nhiều trung tâm quyền lực; sự gia tăng của các vấn đề toàn cầu như khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu, khủng bố quốc tế..., sự phát triển của các tổ chức quốc tế và khu vực như Liên Hợp Quốc, ASEAN, EU..., sự hình thành của các diễn biến mới như toàn cầu hóa, thông tin hóa, dân chủ hóa... Mỹ là một siêu cường duy nhất sau năm 1991, khi Liên Xô sụp đổ và kết thúc Chiến tranh Lạnh. Mỹ đã có ảnh hưởng đến thế giới trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hóa... Với vai trò lãnh đạo của mình Mỹ đã liên tiếp gây dựng sự ảnh hưởng của mình đối với thế giới trong giai đoạn từ năm 1993 đến 2010 với nhiều hoạt động như:

Mỹ đã dẫn đầu các cuộc can thiệp quân sự và ngoại giao ở nhiều nước và vùng lãnh thổ như Somalia (1993), Haiti (1994), Kosovo (1999), Afghanistan (2001), Iraq (2003), Iran (2006), Libya (2011)... để bảo vệ an ninh quốc gia của Mỹ, chống khủng bố và vũ khí hạt nhân, thúc đẩy dân chủ và nhân quyền, ổn định khu vực... Năm 1993 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ của Tổng thống Bill Clinton, người đã thực hiện các chính sách về kinh tế, an ninh, ngoại giao và xã hội như ký Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ NAFTA (1994). Sau đó là APEC (1994), WTO (1995), TPP (2005)... để mở rộng thị trường và bảo vệ lợi ích kinh tế của Mỹ và các đối tác.

Mỹ đã phát triển và lan tỏa các công nghệ mới như internet, máy tính cá nhân, điện thoại thông minh, mạng xã hội... để tạo ra những cơ hội kinh tế, giao tiếp và giáo dục cho người dân trên toàn thế giới. Mỹ cũng là nơi thu hút các nhà khoa học và doanh nhân tài năng từ khắp nơi trên thế giới. Mỹ đã truyền bá và tác động đến văn hóa của nhiều nước khác qua các sản phẩm văn hóa như điện ảnh, âm nhạc, thời trang, thể thao,... Mỹ cũng là một điểm du lịch và giáo dục phổ biến nhất thế giới. Thêm nữa Mỹ luôn giữ vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, phát triển con người... Mỹ đã tham gia và ảnh hưởng đến các tổ chức quốc

tế và khu vực như Liên Hợp Quốc, NATO, G7, G20... để duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật pháp và cởi mở, hỗ trợ các đồng minh và đối tác của mình.

Thứ hai, Trung Quốc bắt đầu trỗi dậy, nâng cao sức mạnh quốc gia và mở rộng ảnh hưởng ra khu vực và thế giới. Sau năm 2010 Thế giới cũng đã chứng kiến sự chuyển dịch quyền lực và sự điều chỉnh chiến lược của các cường quốc. Mỹ vẫn là siêu cường duy nhất nhưng đã phải đối mặt với sự suy yếu về kinh tế, quân sự và uy tín. Mỹ đã thực hiện chiến lược xoay trục sang châu Á - Thái Bình Dương để đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trung Quốc đã trở thành cường quốc quân sự và cường quốc kinh tế có ảnh hưởng ngày càng lớn đến thế giới. Trung Quốc đã tham gia và khởi xướng nhiều dự án hợp tác khu vực và toàn cầu như Nhà máy Điện hạt nhân Thượng Hải (SCO), Khu vực Thương mại Tự do Toàn diện Khu vực (RCEP), Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI)... Nga cũng đã phục hồi vai trò của mình trên thế giới bằng cách can thiệp vào các cuộc xung đột ở Ukraine, Syria... và gia nhập các liên minh chiến lược với Trung Quốc, Iran... EU cũng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn như Brexit, khủng hoảng tài chính, khủng hoảng di dân... và tìm cách duy trì vai trò của mình trong thế giới đa cực.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc có thể được coi là một trong những sự kiện quan trọng nhất của thế kỷ XXI. Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp cải cách và mở cửa kinh tế từ cuối những năm 1970, hấp dẫn vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường thương mại quốc tế và tham gia các tổ chức kinh tế quan trọng như WTO, APEC, ASEAN+3. Trung Quốc đã có những thành tựu đáng kinh ngạc về tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo, phát triển công nghệ và vũ trụ, đầu tư hạ tầng và năng lượng... Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ và có khả năng vượt Mỹ vào năm 2035. Trung Quốc đã mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước láng giềng và các nước đang phát triển. Đồng thời cũng đã tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế và khu vực như Liên Hợp Quốc, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, BRICS...

Sự trỗi dậy của Trung Quốc đã gây ra những thách thức và căng thẳng cho Mỹ và các đồng minh của Mỹ ở khu vực. Mỹ cho rằng Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh duy nhất có khả năng kết hợp sức mạnh kinh tế, ngoại giao, quân sự và công nghệ để thách thức hệ thống quốc tế ổn định và cởi mở do Mỹ lãnh đạo. Hai quốc gia này đã có nhiều cuộc đối đầu và xung đột ở nhiều lĩnh vực như thương mại, công nghệ, quân sự, nhân quyền, dịch bệnh... Mỹ cũng đã tăng cường sự hiện diện và hỗ trợ cho các đồng minh và đối tác ở khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Ấn Độ... để duy trì trật tự dựa trên luật pháp và cân bằng chiến lược. Trung Quốc cũng đã cố gắng tìm kiếm các đồng minh và đối tác ở khu vực để phá vỡ sự bao vây của Mỹ, tranh giành thị trường và nguồn lực, phục vụ cho lợi ích quốc gia của Trung Quốc. Trung Quốc đã hợp tác với Nga, Iran, Pakistan, Campuchia... để tăng cường quan hệ chính trị, kinh tế và quân sự.

Thứ ba, châu Á – Thái Bình Dương trở thành trung tâm của thế giới trong phát triển kinh tế và cạnh tranh ảnh hưởng các nước lớn. Châu Á – Thái Bình Dương là một khu vực rộng lớn và đa dạng, bao gồm nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ có nền kinh tế, văn hóa và lịch sử khác nhau. Khu vực này cũng có nhiều diễn đàn hợp tác kinh tế, chính trị và an ninh, như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn An ninh Khu vực (ARF), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Hội đồng Hợp tác Kinh tế Thái Bình Dương (PECC) và Ban Thư ký Diễn đàn các Đảo Thái Bình Dương (PIF). Các diễn đàn này nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, hòa bình và ổn định ở khu vực. Đây cũng là một trong những khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới trong những thập kỷ qua. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của khu vực này đã tăng từ 8.600 tỷ USD vào năm 2000 lên 31.900 tỷ USD vào năm 2019, chiếm khoảng 40% GDP thế giới. Các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Singapore, Đài Loan và Việt Nam đã trở thành những cường quốc kinh tế hàng đầu trong khu vực và thế giới. Khu vực này cũng là một thị trường tiêu dùng lớn và sôi động, với khoảng 60%

dân số thế giới sinh sống ở đây. Riêng về Nhật Bản, sau khi thất bại và bị chiếm đóng bởi Hoa Kỳ, Nhật Bản đã phát triển kinh tế và trở thành một đối tác thương mại và an ninh của nhiều nước trong khu vực. Nhật Bản cũng tham gia vào các tổ chức hợp tác khu vực như ASEAN, APEC và TPP3... cạnh tranh với các nước khác ở khu vực châu Á Thái Bình Dương về kinh tế, chính trị và quân sự. Hiện nay Nhật Bản vẫn đối mặt với những thách thức như tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc, Triều Tiên và Nga, cũng như những căng thẳng lịch sử với các nước láng giềng. Nhật Bản cũng phải cân bằng giữa việc duy trì quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ và hợp tác với các nước đang phát triển trong khu vực này.

Thứ tư, xu hướng toàn cầu hóa là một trong những đặc điểm nổi bật của thế giới sau chiến tranh lạnh. Xu hướng này mang lại nhiều cơ hội và lợi ích cho các quốc gia và dân tộc. Các quốc gia có thể hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực, tận dụng nguồn lực và thị trường, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng cuộc sống. Các quốc gia cũng có thể mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường, phòng chống khủng bố... Các dân tộc có thể giao lưu và hiểu biết lẫn nhau, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng đặt ra nhiều thách thức và nguy cơ cho các quốc gia và dân tộc. Các nước có nguy cơ mất đi sự độc lập tự chủ, bị phụ thuộc vào các siêu cường hoặc các tập đoàn đa quốc gia. Ngoài ra cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt về kinh tế, chính trị và quân sự. Các dân tộc có nguy cơ bị xâm lấn văn hóa hoặc mất dần bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời cũng phải chịu ảnh hưởng của các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, bệnh dịch, khủng bố... Vì vậy, để tham gia vào tiến trình toàn cầu hóa một cách chủ động và tích cực, các quốc gia và dân tộc cần có những chính sách phù hợp để phát triển kinh tế xã hội của mình, bảo vệ lợi ích quốc gia và dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và góp phần xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và phát triển.

Với những biến động mạnh mẽ của thế giới và khu vực các chính sách ngoại giao của Nhật Bản bao gồm cả ngoại giao văn hóa đều phải có tính toán cân nhắc và thận trọng.

1.2.2. Tình hình phát triển của Nhật Bản và Việt Nam giai đoạn sau 1993

1.2.2.1. Tình hình Nhật Bản

Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao: *Thứ nhất*, Sau khi thủ tướng Obuchi Keizo bị đột quy chính trị Nhật Bản liên tục thay đổi thủ tướng, chỉ có thủ tướng Koizumi Junichiro của Đảng dân chủ Tự do nắm quyền lực từ 2001 đến 2006. Sau đó chính trường Nhật Bản liên tục thay đổi và không có sự ổn với sự ra đi của các đời thủ tướng lần lượt là Abe Shinzo, Fukuda Yasuo, Aso Taro, Hatoyama Yukio, Kan Naoto, Noda Yoshihiko cùng nội các và liên tục thay đổi lãnh đạo của các chính Đảng cầm quyền. Các chính sách thay đổi liên tục và không phù hợp khiến cho nội bộ Nhật Bản gặp nhiều biến động cũng như khó khăn, do đó việc ngoại giao cũng bị hạn chế. Năm 2017, Abe Shinzo của Đảng Dân chủ Tự do giành lại chiến thắng với 313 ghế trong Hạ viện trở thành thủ tướng và đây là nhiệm kỳ thứ 4 của ông. Sự thắng cử trở lại của thủ tướng Shinzo Abe đã đem đến cho nước Nhật những kỳ vọng mới về cải cách nội bộ cũng như trang mới trong chính sách ngoại giao của nước này. Ngay sau khi giành lại quyền điều hành đất nước, thủ tướng Abe đã thực hiện các chuyến thăm tới các nước châu Á. Đây được đánh giá không chỉ là một phần trong chính sách đối ngoại của Nhật mà còn là đề gia tăng sự cạnh tranh với các nước lớn trong khu vực. Xung quanh các chuyến thăm khu vực Đông Nam Á của chính phủ Nhật Bản, thủ tướng Abe đã chứng tỏ rằng, bất chấp những khó khăn, nước này vẫn là đối tác kinh tế quan trọng đối với các nước Đông Nam Á và là đối trọng chính trị và kinh tế đáng kể trong khu vực cạnh tranh với Trung Quốc. Trên thực tế, Đông Nam Á đã và đang là một trong những khu vực cạnh tranh truyền thống giữa Trung Quốc và Nhật Bản, thể hiện cả trong chính trị và kinh tế. Nếu trước kia, ảnh hưởng về kinh tế và chính trị của Nhật đều rất mạnh mẽ tại khu vực này,

thì trong những năm qua Trung Quốc đã bắt đầu vượt qua Nhật Bản giành lại ảnh hưởng, Nhật đang đẩy nhanh những bước đi tăng cường hợp tác chiến lược với các nước Đông Nam Á để không bị bỏ lại phía sau.

Thứ hai, sau chiến tranh Lạnh năm 1991 Nhật Bản vẫn duy trì liên minh an ninh chặt chẽ với Mỹ nhưng cũng đa dạng hóa các quan hệ với các nước khác trong khu vực và toàn cầu. Tuyên bố an ninh Mỹ Nhật là một tài liệu chính trị được hai nước công bố vào năm 1996 để khẳng định lại việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật. Tuyên bố này nêu rõ rằng “Điều 5 trong Hiệp ước an ninh Mỹ Nhật có thể được mở rộng vào lĩnh vực không gian và mạng lưới máy tính”. Theo Điều 5, Mỹ sẽ bảo vệ Nhật Bản nếu Nhật Bản bị tấn công. Tuyên bố này cũng nhấn mạnh vai trò của liên minh Mỹ - Nhật trong việc duy trì hòa bình và ổn định khu vực châu Á-Thái Bình Dương.⁵

Thứ ba, Nhật Bản cũng tham gia tích cực vào các tổ chức như Liên Hợp Quốc, ASEAN, APEC, ARF... để góp phần duy trì hòa bình và ổn định khu vực và thế giới. Nhật Bản phải đối mặt với nhiều thách thức an ninh từ các nước láng giềng như Trung Quốc, Nga, Triều Tiên... Bên cạnh đó Nhật Bản đã cố gắng cải thiện các quan hệ song phương với các nước này nhưng cũng đã tăng cường khả năng phòng thủ của mình. Nhật Bản cũng đã có những tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc, Nga và Hàn Quốc về các quần đảo Senkaku/Diaoyu, Kuril Nam và Dokdo/Takeshima. Ngoài ra đối với các nước trong khu vực Nhật Bản cũng mở rộng quan hệ như can dự vào các vấn đề an ninh khu vực và giữ gìn hòa bình tại Campuchia năm 1993. Năm 2000 Nhật Bản chủ trì “Hội nghị Khu vực Chống cướp biển và Cướp Vũ trang trên Tàu thủy” với sự tham gia của Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, ASEAN, Bangladesh và Srilanka. Nhật tham dự vào Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (TAC) ở khu vực Đông Nam Á năm 2004. Đến năm 2007, Nhật Bản và Australia đã ký kết Hiệp ước an ninh tăng cường và phối hợp chống khủng bố,

⁵ Nguyễn Ngọc Nghiệp (2016). Hiệp ước an ninh Nhật – Mỹ và tác động đối với Nhật Bản, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 11 (189) 11-2016, truy cập ngày 15/06/2023
https://sti.vista.gov.vn/file_DuLieu/dataTLKHHCN//CVv183/2016/CVv183S112016003.pdf

chia sẻ thông tin tình báo, cứu hộ cứu nạn. Việc mở rộng hợp tác với NATO cũng được chú trọng hơn.

Trong lĩnh vực kinh tế: Nhật Bản đã trải qua một thời kỳ trì trệ kinh tế kéo dài được gọi là thập niên mất mát, do sự vỡ bong bóng tài sản vào đầu những năm 1990. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản thấp hẳn, lạm phát thấp hoặc âm, nợ công cao và ngân hàng gặp khó khăn do nợ xấu. Nhật Bản đã áp dụng các biện pháp kích thích kinh tế như cắt giảm lãi suất, tăng chi tiêu công và cải cách tài chính ngân hàng để thoát khỏi khủng hoảng. Tuy nhiên, các biện pháp này không mang lại hiệu quả cao do sự thiếu linh hoạt của thị trường lao động, sự bảo thủ của các doanh nghiệp và sự chậm chạp của chính phủ.

Tuy nhiên với tinh thần và tiềm lực con người của mình Nhật Bản đã tiếp tục duy trì vai trò là một trong những nền kinh tế xuất khẩu lớn nhất thế giới, chủ yếu là các sản phẩm công nghiệp cao cấp như ô tô, máy tính, điện tử... Nhật Bản cũng đã mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN. Nhật Bản đã đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các nước khác trong lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là Trung Quốc và Hàn Quốc. Nhật Bản đã phải đầu tư nhiều vào nghiên cứu và phát triển để duy trì lợi thế cạnh tranh và tạo ra những sản phẩm mới và sáng tạo.

Ngoài ra Nhật Bản đã chịu ảnh hưởng tiêu cực từ các biến động kinh tế quốc tế như khủng hoảng tài chính châu Á (1997-1998), khủng hoảng tài chính toàn cầu (2007-2008) và cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung (2018-nay). Những sự kiện này đã làm giảm xuất khẩu, đầu tư và niềm tin của người tiêu dùng của Nhật Bản.

Trong lĩnh vực văn hóa – xã hội: Nhật Bản là một quốc gia từ xa xưa đã có tính đồng nhất về sắc dân và văn hóa. Người dân không phải nguồn gốc Nhật chỉ chiếm hơn 1% tổng dân số vào năm 1993. Người có sắc dân thuộc nước ngoài đông nhất là Triều Tiên nhưng hầu hết họ là Triều Tiên sinh ra và lớn lên tại Nhật Bản thấm nhuần văn hóa

cũng như ngôn ngữ không khác gì người Nhật Bản. Không những là một đất nước có lịch sử lâu đời và giàu truyền thống mà người Nhật còn luôn coi trọng giáo dục, văn hóa, tôn giáo và phong tục tập quán của mình. Dân tộc Nhật Bản luôn biết cách kết hợp những tinh hoa trong nét đẹp văn hóa truyền thống với hiện đại, giữa bản sắc quốc gia và sự hòa nhập quốc tế. Nhật Bản là một trong những nước đầu tiên, tiên phong trong lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là điện tử, máy tính, robot... Người Nhật cũng rất yêu thích các sản phẩm văn hóa như phim ảnh, âm nhạc, truyện tranh, trò chơi điện tử... và đã truyền bá chúng khắp thế giới. Nhật Bản đã mở rộng phạm vi và nội dung của các hoạt động NGVVH để phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và đa dạng hóa. Nhật Bản đã không chỉ quảng bá văn hóa truyền thống mà còn giới thiệu văn hóa hiện đại và đương đại của mình, như anime, manga, J-pop, thời trang... Nhật Bản cũng rất tôn trọng và luôn học hỏi, tìm hiểu các giá trị hay và cốt lõi của các nền văn hóa khác, đặc biệt là các quốc gia châu Á.

Nhật Bản đã tiếp tục thực hiện các học thuyết Fukuda và Kaifu nhằm tăng cường và phát triển quan hệ kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội với các nước Đông Nam Á nói chung và tổ chức ASEAN nói riêng. Đặc biệt đối với vấn đề NGVVH tại Việt Nam, bên cạnh đó cũng đã nỗ lực hỗ trợ Việt Nam trong việc phát triển nguồn nhân lực, cải thiện môi trường sống, bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên, thúc đẩy giao lưu giữa các nghệ sĩ, nhà văn, nhà báo và sinh viên. Tận dụng các cơ quan và tổ chức chuyên trách để thực hiện các hoạt động ngoại giao văn hóa một cách hiệu quả và chuyên nghiệp. Các cơ quan và tổ chức này bao gồm: Quỹ Giao lưu Văn hóa Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation), Trung tâm Văn hóa Nhật Bản (Japan Cultural Center), Hội Văn hóa Nhật Bản (Japan Society), Hội Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan International Cooperation Agency - JICA), Hội Khuyến học Nhật Bản (Japan Student Services Organization - JASSO)...

1.2.2.2. Tình hình Việt Nam

Sau chiến tranh thế giới thứ hai Việt Nam trải qua một giai đoạn lịch sử đầy biến động và khó khăn. Đến sau năm 1975 Việt Nam mới thống nhất về mặt lãnh thổ và chính

trị. Tuy nhiên, hai miền Nam Bắc đều phải khắc phục hậu quả của chiến tranh để lại, đẩy mạnh mục tiêu khôi phục phát triển kinh tế, văn hóa xã hội để đi lên CNXH.

Trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao, Đại hội VII năm 1991 đã đưa ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991-1995. Đó là vượt qua khó khăn, thách thức, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố ổn định chính trị, xóa bỏ những tiêu cực, bất công xã hội, thực chất đưa nước ta thoát khỏi đói nghèo. Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, hữu nghị với các nước vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Bên cạnh đó, Việt Nam duy trì quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, đóng góp tích cực vào các vấn đề an ninh và sự phát triển chung của các nước láng giềng trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với các nước có tầm ảnh hưởng quan trọng trong khu vực và toàn cầu, trong đó có Trung Quốc (1991), Hoa Kỳ (1995), Nhật Bản (1992), Ấn Độ (1992), Nga (1992) và các nước châu Âu. Việt Nam đã xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với một số nước và quan hệ hợp tác toàn diện với một số nước khác⁶. Việt Nam tiếp tục tham gia các hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và chuẩn bị tham gia Hiệp ước Cấm vũ khí hạt nhân (NPT). Thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) nhằm thúc đẩy hợp tác hữu nghị với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước phát triển đồng thời bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia ở Biển Đông. Hiện nay, Việt Nam duy trì quan hệ ngoại giao với 192/200 quốc gia trên thế giới, trong đó có 30 đối tác chiến lược và toàn diện, tạo cơ sở để Việt Nam và các nước nâng cao mức độ hợp tác vì lợi ích của mình, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á và trên thế giới⁷.

⁶ Tư liệu văn kiện “Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hệ thống tư liệu - văn kiện Đảng, 16/04/2018.

⁷ Ngoại giao Việt Nam Nâng tầm vị thế quốc gia – Mega Story, truy cập 16/07/2023

Trong lĩnh vực kinh tế, Việt Nam đã tiếp tục thực hiện chính sách đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do với các nước và khối kinh tế lớn, như ASEAN, APEC, WTO, TPP, RCEP... Việt Nam cũng đã phát triển quan hệ hợp tác về giáo dục - đào tạo, văn hóa - xã hội, kinh tế, khoa học - công nghệ với nhiều nước và tổ chức quốc tế. Duy trì mức tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong nhiều năm liên tiếp, vượt qua khủng hoảng kinh tế châu Á (1997-1998) và khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008-2009). Tổng GDP quốc nội đã tăng từ 6.299 tỷ đồng năm 1993 lên 5.007.000 tỷ đồng năm 2019, gấp 795 lần. GDP bình quân đầu người đã tăng từ 1.024.000 đồng năm 1993 lên 54,5 triệu đồng năm 2019, gấp 53 lần. Việt Nam đã cải thiện được cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng của nông - lâm - ngư nghiệp và tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ. Nông - lâm - ngư nghiệp đã giảm từ chiếm 38,7% GDP năm 1993 xuống còn 13,96% GDP năm 2019. Công nghiệp và xây dựng đã tăng từ chiếm 22,9% GDP năm 1993 lên 34,49% GDP năm 2019. Dịch vụ đã tăng từ chiếm 38,4% GDP năm 1993 lên 41,64% GDP năm 2019. Hiện nay đã giảm đáng kể tỷ lệ người nghèo và cải thiện đời sống nhân dân. Với phần trăm người nghèo theo tiêu chuẩn quốc gia từ 58,1% năm 1993 còn 7,1% năm 2015. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng từ khoảng 100 USD/năm vào cuối thập niên 1980 lên khoảng 2.800 USD/năm vào cuối thập niên 2010. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đã tăng từ 0,475 năm 1990 lên 0,693 năm 2018.⁸

Kinh tế Việt Nam năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh và khó lường, tính bất ổn cao. Lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, buộc các nước phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược và địa chính trị giữa các nước phát triển, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine. Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, bão lũ, hạn hán... làm gia tăng rủi ro về thị trường

⁸ Báo cáo Phát triển con người năm 2019, Bất bình đẳng trong Phát triển con người ở thế kỷ 21, truy cập ngày 16/06/2023 https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/vn/2.-Brief-Viet-Nam---HDI-update_VN.pdf

tài chính, an ninh năng lượng và khủng hoảng lương thực toàn cầu. Với quyết tâm phục hồi và phát triển, đất nước ta đã phục hồi mạnh mẽ trên nhiều mặt, kinh tế từng bước ổn định, lạm phát được kiềm chế, bảo đảm cân đối quan trọng. Một số lĩnh vực đang cho thấy mức tăng trưởng cao hơn so với những năm trước COVID-19. Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ lạm phát thấp nhất so với khu vực. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam sẽ lần đầu tiên vượt 400 tỷ USD vào năm 2022. Theo Cục Thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2022 ước tính đạt 95,6 triệu đồng, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Đặc biệt, GDP năm 2022 của Việt Nam ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm qua với mức tăng 8,02% so với năm trước⁹.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, Việt Nam đã phát huy các giá trị truyền thống của đất nước và bảo tồn, phát triển nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Việt Nam có gần 30 di sản văn hóa được UNESCO công nhận là Di sản thế giới, trong đó là 8 di sản văn hóa, 2 di sản thiên nhiên và 13 di sản văn hóa phi vật thể. Có nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nghệ sĩ được công chúng trong và ngoài nước đón nhận, công nhận. Việt Nam cũng đã tổ chức thành công nhiều sự kiện văn hóa quốc tế, như Liên hoan phim Hà Nội, Liên hoan âm nhạc quốc tế Mùa thu Hà Nội, Liên hoan Huế...

Việt Nam xây dựng quan hệ văn hóa - xã hội với các nước, các tổ chức quốc tế và tích cực hoạt động các chương trình, dự án hợp tác về văn hóa. Ký kết nhiều hiệp định, bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác văn hóa - xã hội với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tham gia vào các tổ chức quốc tế về văn hóa, giáo dục, khoa học, thông tin truyền thông, như UNESCO, ASEAN, ASEM... Theo GS.TS Phạm Xuân Nam – Viện Khoa học Xã hội Việt Nam: “Việt Nam đã cải thiện được các chỉ số xã hội liên quan đến giáo dục, y tế, an sinh xã hội. Năm 2019, tỷ lệ biết chữ của người từ 15 tuổi trở lên đã đạt 95%, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đã đạt 95%, tỷ lệ sinh thường

⁹ Cẩm Tú – Quỳnh Thương (2023). 2022 nhìn lại GDP cao kỷ lục và điểm sáng kinh tế Việt Nam, Báo Thanh Niên, Thời sự, 01/01/2023. <https://thanhnien.vn/2022-nhin-lai-gdp-cao-ky-luc-va-diem-sang-kinh-te-viet-nam-1851537768.htm>

của phụ nữ mang thai đã đạt 93%, tỷ lệ người có bảo hiểm y tế đã đạt 90%”¹⁰. Đến năm 2022, tỷ lệ người biết chữ đã lên 99,65%, tiềm chủng mặc dù ảnh hưởng của đại dịch Covid cùng những khó khăn về thiếu nguồn vacxin do các hạn chế về vận chuyển nhưng vẫn đạt hơn 90%.

Được đánh giá là rất năng động bởi dân số trẻ và đông, Việt Nam trong thế kỷ 21 đang thu hút sự chú ý ngày càng tăng của các nhà ngoại giao và kinh tế Nhật Bản. Trong thời gian này, Việt Nam đã trở thành điểm sáng cho các nhà đầu tư toàn cầu, với những thế mạnh về nhân tài, tiềm lực kinh tế và văn hóa truyền thống. Tất nhiên, chính sách đối ngoại của chính phủ Nhật Bản và Việt Nam được thúc đẩy và quan tâm nhiều hơn. Hai nước đã từng bước đạt được thỏa thuận hợp tác cả về chính trị và kinh tế.

1.3. Quan hệ ngoại giao văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản giai đoạn trước năm 1993

Giai đoạn trước năm 1973:

Ngoại giao văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam về cơ bản bắt đầu từ cuối thế kỷ 16 khi các thương nhân Nhật Bản đến Việt Nam buôn bán. Các thương nhân Nhật Bản thường lui tới các vùng biển Đông Nam Á để buôn bán, bao gồm cả vùng Đại Việt trong thời nhà Lê. Lúc này các tàu hải cẩu của Nhật đã vào lãnh thổ Việt Nam. Vào thế kỷ 17, Việt Nam cho phép thương nhân Nhật Bản đến buôn bán và định cư tại Hội An. Bằng chứng rõ ràng nhất về sự hiện diện đông đảo của thương nhân Nhật Bản trong thế kỷ 16 đến thế kỷ 18 là Hội An, nơi có cây cầu có mái che được xây dựng vào năm 1593 (còn được gọi là Cầu Nhật Bản hoặc Lai Viễn Kiều) và nhiều công trình lăng mộ và đền thờ còn tồn tại cho đến ngày nay. Mạc phủ Tokugawa Ieyasu còn trao đổi công văn thương

¹⁰ Phạm Xuân Nam, ‘*Tổng quan về xã hội Việt Nam trong quá trình đổi mới*’, Viện Khoa học xã hội Việt Nam

mại với chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên còn gả cả công nữ Ngọc Hoa cho thương nhân nổi tiếng Araki Shutaro ¹¹.

NGVH Việt Nam Nhật Bản cuối thế kỷ 19 bị ảnh hưởng bởi Luật bế quan tỏa cảng (Tòa Quốc) từ năm 1635, Nhật Bản lúc bấy giờ hạn chế giao thương trừ Trung Quốc, Triều Tiên và Hà Lan nên sự giao thương với Việt Nam bị gián đoạn. Các khoản viện trợ quốc tế cũng như thị trường xuất khẩu và nhập khẩu bị thu hẹp đáng kể, khiến cho sự giao thương và giao lưu văn hóa giữa hai nước bị gián đoạn. Quan hệ NGVH giữa Việt Nam Nhật bản cuối thế kỷ 19 cũng bị ảnh hưởng bởi sự can thiệp của các nước phương Tây vào khu vực Đông Nam Á, khiến cho Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ mất dân tộc và chủ quyền. Tuy nhiên quan hệ ngoại giao văn hóa giữa Việt Nam Nhật bản cuối thế kỷ 19 cũng có những tia sáng khi một số người Việt Nam nhìn Nhật Bản là một tấm gương để học tập và cải cách. Phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu là một ví dụ điển hình. Ngoài ra cũng có những sự tiếp xúc và trao đổi qua các hoạt động của các nhà truyền giáo, các nhà thám hiểm, các nhà nghiên cứu và các nhà văn của hai nước.

Sau khi chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, Nhật Bản xây dựng hình ảnh một quốc gia yêu chuộng hòa bình và dân chủ thay thế một quốc gia quân sự tham chiến như trước đây. Năm 1951 Nhật tham gia tổ chức UNESCO để thể hiện nỗ lực của mình. Ở giai đoạn này các hoạt động NGVH tại nước ngoài thường tập trung vào quảng bá các loại hình nghệ thuật truyền thống nhẹ nhàng như: trà đạo, nghệ thuật cắm hoa Ikebana, hình ảnh về núi Phú Sĩ, hoa anh đào...Tuy nhiên ở giai đoạn những năm 1950 đến 1960 Nhật Bản không có nhiều vai trò tích cực trên trường quốc tế.

Cho đến Thế vận hội Tokyo 1964, chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tiếp tục chuyển đổi từ một quốc gia yêu hòa bình sang một nền kinh tế phát triển cao.

¹¹ Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam, Wikipedia. Truy cập ngày 26/06/2023
https://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_h%E1%BB%87_Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n_%E2%80%93_Vi

Nhật Bản tích cực ngoại giao xây dựng hình ảnh một thành viên có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế và khu vực. Bên cạnh đó Nhật Bản cũng có những bước đi riêng trong công tác ngoại giao với Việt Nam, tháng 02/1972 một phái đoàn mật dịch Nhật đã đến thăm Hà Nội, kết quả là chính phủ Nhật đã cấp tín dụng dài hạn cho Việt Nam, cùng lúc đó Bắc Việt Nam đã nhập khẩu thép, phân bón thiết bị giao thông từ Nhật Bản.

Giai đoạn từ 1973 đến năm 1993

Ngoại giao văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam từ năm 1973 đến năm 1993 bắt đầu bằng việc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 21 tháng 9 năm 1973. Là một phần của cam kết với Tổng thống Hoa Kỳ Nixon, chính phủ Nhật Bản đã cung cấp 50 triệu đô la Mỹ từ ngân sách bổ sung để tài trợ cho chương trình phục hồi kinh tế của miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên cũng trong thời điểm này sau Hiệp định Paris (27/02/1973) Nhật Bản tỏ ra quan tâm tới miền Bắc Việt Nam. Hai chính phủ chính thức mở các cuộc hội thảo về bình thường hóa quan hệ. Ngày 21/09/1973 Chính phủ Nhật Bản và Bắc Việt Nam tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao, trao đổi đại diện. Đến tháng 04/1975 Việt Nam hoàn toàn giải phóng. Năm 1976 Nhật trở thành bạn hàng đứng thứ hai sau Liên Xô (Liên Xô cũ) trong buôn bán với Việt Nam. Năm 1977, Nhật Bản đã bắt đầu viện trợ cho Việt Nam thông qua các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các tổ chức quốc tế (UNDP, UNICEF, WHO...). Đến năm 1978 quan hệ hai nước lại rơi vào căng thẳng do các vấn đề chiến tranh biên giới với Trung Quốc và Campuchia, đồng minh Mỹ và các nước phương Tây thực hiện cấm vận, bao vây và cô lập Việt Nam, viện trợ chính thức cho Việt Nam đã bị Nhật đình chỉ năm 1979. Tuy nhiên quan hệ ngoại giao văn hóa vẫn có duy trì qua các hoạt động của các nhà truyền giáo và các nhà nghiên cứu giữa hai nước một cách nhỏ lẻ. Đến cuối những năm 1980 đến đầu những năm 1990 kinh tế Nhật Bản phát triển cao, Nhật Bản có vị thế nhất định trên đấu trường quốc tế. Kể từ đó, Chính sách NGVH trở thành một trong ba trụ cột của chính sách đối ngoại Nhật Bản.

Từ năm 1986 các doanh nghiệp Nhật Bản đã tìm mọi cách và mọi con đường để hợp tác với Việt Nam trên hai lĩnh vực đầu tư kinh tế và thương mại. Nissho Iwai đã vào Việt Nam bằng con đường chính thức với chính tên của mình. Các tập đoàn lớn khác thành lập các công ty con để vào Việt Nam, tránh bị Hoa Kỳ trừng phạt. Những cái tên Meiwa, Shinwa, Shinyetsu... trở nên quen thuộc ở Việt Nam thời đó. Nhiều người Nhật đã vào Việt Nam làm việc. Những năm cuối thập niên 1980, xu hướng bình thường hoá quan hệ với Việt Nam ngày càng mạnh. Tháng 9/1989, Thủ tướng Phan Văn Khải đã có chuyến thăm chính thức sang Nhật nhằm khôi phục và phát triển quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Thủ tướng Nhật Watanabe Michio đã khẳng định rằng, quan hệ Nhật Việt sẽ nhanh chóng phát triển trên cả ba lĩnh vực: quan hệ Chính phủ, quan hệ doanh nghiệp và giao lưu nhân dân¹².

Năm 1993 là năm đánh dấu “Kỷ niệm 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản”. Năm 1993, Nhật Bản đã chính thức nối lại viện trợ cho Việt Nam sau một thời gian tạm dừng do tình hình chính trị khu vực. Nhật Bản đã trở thành đối tác viện trợ lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm qua. Đồng thời năm 1993, Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã thăm Nhật Bản vào tháng 11, là chuyến thăm cấp cao đầu tiên của Việt Nam tới Nhật Bản kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao. Trong chuyến thăm, hai bên đã ký Tuyên bố chung về việc xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, ổn định và lâu dài giữa Việt Nam và Nhật Bản. Cũng thời gian này các hoạt động giới thiệu văn hóa truyền thống đậm nét Việt Nam tại Nhật Bản diễn ra tích cực và sôi nổi, không chỉ những buổi biểu diễn lớn, mà cả những cuộc triển lãm, hội thảo về văn hóa Việt Nam được người Nhật Bản đón nhận. Ngoài ra, quan hệ văn hóa cũng được thúc đẩy qua các chương trình trao đổi sinh viên và giáo viên, cũng như các sự kiện kỷ niệm quan hệ hai nước. Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh vực văn hóa qua nhiều dạng viện trợ khác nhau.

¹² Bài phát biểu “Chuyện của chúng tôi” và hành trình hợp tác Việt Nam - Nhật Bản_ Võ Hồng Phúc, nguyên Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ở Tokyo Kaikan (Đông Kinh Hội Quán), trung tâm tổ chức sự kiện bậc nhất của Tokyo, Nhật Bản.

Đây cũng là những lý do chính mà luận văn này chọn nghiên cứu về ngoại giao văn hóa Nhật Bản và quá trình tiếp nhận văn

Nhật Bản ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2022, để tiến đến kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao hai nước vào năm 2023 này với chủ đề “Việt Nhật đồng hành, Hướng tới tương lai – Vươn tầm thế giới”

Tiểu kết chương 1

Sau những thất bại của mình ở chiến tranh Thế giới thứ hai chính phủ Nhật Bản lựa chọn chính sách ngoại giao ôn hòa, chú trọng đẩy mạnh ngoại giao văn hóa với “sức mạnh mềm” đã có những thành quả đáng mong đợi. Hai quốc gia Việt Nam - Nhật Bản đã ý thức được tầm quan trọng của giao lưu văn hóa, đẩy mạnh và xúc tiến nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực nhằm cùng với ngoại giao kinh tế và chính trị đưa đất nước lên sự phát triển bền vững và ổn định. Trong quan hệ với Việt Nam vì cùng là đất nước thuộc Châu Á, hai nước có những điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa nhất định. Tuy nhiên trải qua những biến động không ngừng của lịch sử phát triển chính sách ngoại giao đặc biệt là ngoại giao văn hóa của Nhật Bản cũng như quá trình tiếp nhận NGVH của Nhật Bản ở Việt Nam có nhiều thay đổi rất khác nhau. Ngoài bối cảnh quốc tế, khu vực thì bản thân mỗi nước cũng có những ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ hợp tác ngoại giao văn hóa. Những vấn đề này sẽ tiếp tục được triển khai cụ thể ở chương tiếp theo của luận văn này.

CHƯƠNG 2: NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI Ở VIỆT NAM

2.1. Ngoại giao văn hóa Nhật Bản và ngoại giao văn hóa với Việt Nam.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của ngoại giao văn hóa Nhật Bản.

Với vị thế là một trong những quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn ở khu vực, Nhật Bản đã thực hiện nhiều chính sách ngoại giao hiệu quả nhằm tận dụng “quyền lực mềm” của mình để nâng cao hình ảnh, tăng sự ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế. Trong quá khứ Nhật Bản đã tiến hành ngoại giao văn hóa từ rất sớm nhưng đáng chú ý là từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai.

Giai đoạn từ 1950 đến những năm 1960: Sau Chiến tranh Thế giới lần 2, Nhật Bản thua trận dẫn đến tình trạng suy thoái kinh tế và khủng hoảng nghiêm trọng. Chính sách ngoại giao văn hóa Nhật Bản cố gắng gây dựng lại từ hình ảnh một quốc gia hiếu chiến, quân sự mạnh mẽ thay đổi hình ảnh trở thành một quốc gia thân thiện, hướng đến hòa bình và bình đẳng. Việc đầu tiên thể hiện sự thay đổi đó của Nhật Bản là việc Nhật Bản tự nguyện tham gia tổ chức UNESCO vào năm 1951. Đối với các hoạt động văn hóa ở nước ngoài, Chính phủ Nhật Bản nhấn mạnh đến văn hóa truyền thống của mình như trà đạo (Ocha), Bonsai (nghệ thuật cây cảnh) hay Ikebana (nghệ thuật cắm hoa)...những nét văn hóa mang tính thân thiện, hướng con người về tự nhiên, tu tập và tĩnh tâm hơn. Các hoạt động truyền thông như lịch, Chính phủ Nhật Bản phát lịch cho nhân dân trong và ngoài nước có quan hệ ngoại giao về hình ảnh nghệ thuật cắm hoam cây cảnh của Nhật, hoạt động này cho đến ngày nay vẫn còn tiếp tục, tài liệu quảng cáo, tờ rơi, ấn phẩm về Nhật Bản trong thời gian này thường sử dụng hình ảnh của loài hoa đặc trưng như hoa anh đào, hoa cúc nhiều màu sắc hay núi Phú Sĩ phủ tuyết trắng khiến người xem sẽ ấn tượng về một nước Nhật với phong cảnh đẹp của thiên nhiên, con người thân thiện yêu chuộng hòa bình với cộng đồng quốc tế. Thêm nữa, các hoạt động văn

hóa ở quốc tế cũng rất được chú ý, Chính phủ Nhật cố gắng tránh những gì liên quan tới samurai, kiếm đạo hay vũ khí chiến tranh những thứ có thể gợi nhớ đến hình ảnh một nước Nhật quân sự phát xít trước đây.

Giai đoạn từ cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970: Sau Thế vận hội Tokyo 1964, ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đã phát triển nhanh chóng bằng cách sử dụng các nguồn lực sẵn có, tiếp tục biến hình ảnh một quốc gia yêu chuộng hòa bình của Nhật Bản thành một quốc gia có nền kinh tế tiên tiến. Mặc dù nền kinh tế Nhật Bản đang dần phục hồi và tăng trưởng nhưng việc đưa các sản phẩm của Nhật Bản ra bên ngoài gặp rất nhiều khó khăn như có khiếu nại rằng các hàng hóa của Nhật Bản đang gây những loạn thị trường và bán phá giá, và rằng các sản phẩm của Nhật Bản có giá rẻ nhưng chất lượng kém. Để thay đổi và đảo ngược tình thế đang bị chỉ trích, ngoại giao văn hóa có sứ mệnh quảng bá hình ảnh mới của Nhật Bản là một nền kinh tế phát triển với công nghệ tiên tiến và sản phẩm chất lượng cao. Nhật Bản được cho là đã tích cực hơn trong chính sách ngoại giao văn hóa vào cuối những năm 1960 và 1970.

Điều đặc biệt trong giai đoạn này là mọi hoạt động ngoại giao của Nhật Bản đều giống với hoạt động của một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Đây được coi là một điểm mới trong ngoại giao của Nhật, xu hướng này được phản ánh trong việc Nhật Bản tăng cường các hoạt động văn hóa ở nước ngoài. Nhật Bản đã rất nỗ lực để xây dựng các văn phòng và các trung tâm văn hóa của ở các nước. Thành lập các trung tâm văn hóa và thông tin trực thuộc các đại sứ quán, hay năm 1962 thành lập Hiệp hội tiếng Nhật cho người nước ngoài, ký kết một loạt các thỏa thuận trao đổi văn hóa với các nước cụ thể năm 1969 ký thỏa thuận với Nam Tư, năm 1979 là Trung Quốc. Ngoài ra, Nhật Bản đang đẩy mạnh việc giới thiệu hai loại hình nghệ thuật biểu diễn là Kabuki và Noh với cộng đồng thế giới.. Quỹ giao lưu văn hóa quốc tế Nhật Bản được thành lập năm 1972 với số vốn 20 tỷ yên, sau này được tăng lên 50 tỷ yên. Các hoạt động chính của quỹ này là: (1) Hỗ trợ giáo dục tiếng Nhật ở nước ngoài. (2) giao lưu văn hóa, bao

gồm giao lưu giữa nghệ sĩ và nhạc sĩ, và (3) xúc tiến du học Nhật Bản. Việc thành lập Quỹ giao lưu văn hóa quốc tế là minh chứng cho việc tăng cường hoạt động của chính phủ Nhật Bản trong lĩnh vực ngoại giao văn hóa. Để đáp ứng sự tăng trưởng kinh tế và những cố gắng của chính phủ nhằm đẩy mạnh nghiên cứu và trao đổi tiếng Nhật tại nước ngoài, chú trọng tập trung vào nghiên cứu kinh tế, Quỹ Tanaka đã được thành lập để hỗ trợ việc học tiếng Nhật tại 10 trường đại học lớn của Hoa Kỳ. Quỹ đã ủng hộ 1 triệu USD cho từng trường, góp phần rất lớn vào việc mở rộng nghiên cứu về Nhật Bản tại Hoa Kỳ trong những năm này.

Theo lịch sử từ xưa Nhật Bản đã rất chuộng phương Tây, đặc biệt thời kỳ Minh Trị Duy Tân đã có những cải cách rất phương Tây đã gây ấn tượng mạnh mẽ với người dân châu Á. Do đó khi Nhật bước đầu phát triển kinh tế để chống lại sự hỗ trợ đầu tư và bị phụ thuộc vào các hoạt động kinh tế thương mại đã xuất hiện lên những hoạt động được xem là phản đối Nhật ở các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Các nước Châu Á cho rằng người Nhật không hiểu và không giống người châu Á bởi họ mang suy nghĩ kiểu phương Tây nhiều hơn. Bấy giờ nhắc đến Nhật Bản là nghĩ đến các sản phẩm công nghệ có tiếng như xe Honda, đồ điện của Sony... mà không có nhiều ấn tượng tốt đặc trưng tính cách của người Nhật Bản. Nhận thức ra rằng Nhật Bản cần suy nghĩ về ngoại giao văn hóa ở châu Á và có những hành động thích hợp. Việc nhấn mạnh vào việc thành lập các văn phòng của Quỹ Giao lưu Văn hóa Nhật Bản (Japan Foundation) ở hầu hết các nước Đông Nam Á là bằng chứng rõ ràng của chính sách mới. Đây cũng là tiền đề của nền tảng. Trung tâm Văn hóa ASEAN tại Nhật Bản được thành lập vào cuối những năm 1990 và trở thành một tổ chức nhằm giới thiệu văn hóa của Nhật Bản đến ASEAN nhằm tăng cường hiểu biết và thể hiện sự quan tâm của Nhật Bản đối với các nước Đông Nam Á. Ở Đông Bắc Á, ban đầu là ở Trung Quốc, Viện Ohira được thành lập để tiến hành các nghiên cứu về Nhật Bản ở quốc gia đó, chủ yếu nhằm thúc đẩy quan điểm của Nhật Bản về chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế và hỗ trợ định hình chính sách hiện đại hóa của Trung Quốc. Bộ trưởng Ngoại giao Takeo Fukuda,

người lãnh đạo việc thành lập Quỹ Giao lưu Văn hóa, cho biết: "Nhật Bản nên hướng tới sự thịnh vượng của chính mình giữa sự thịnh vượng của thế giới và toàn bộ quốc gia phải nhận thức được mục tiêu này." Cả chính phủ và người dân Nhật Bản phải nhận thức chính sách ngoại giao văn hóa và sự tham gia của Nhật Bản vào các vấn đề quốc tế.

Giai đoạn cuối những năm 1980 đến đầu 1990: Vị thế thế giới của Nhật Bản trên trường quốc tế đã tăng lên đáng kể, đây là thời kỳ nền kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai sau Hoa Kỳ. Chính phủ Nhật Bản từ đó đã xác định ngoại giao văn hóa là một trong “ba trụ cột” trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Nhật Bản là quốc gia đi đầu trong việc đóng góp cho các hoạt động gìn giữ hòa bình và các hoạt động tương trợ, Là quốc gia đứng thứ hai về hỗ trợ phát triển chính thức và viện trợ kinh tế. Khái niệm "hợp tác văn hóa" bắt đầu đóng một vai trò quan trọng trong ngoại giao văn hóa của Nhật Bản trong thời kỳ này. Hợp tác văn hóa là tất cả các hoạt động như giúp các nước phát triển các hoạt động truyền thông, biểu diễn nghệ thuật, cung cấp các thiết bị văn hóa như thiết bị chiếu sáng, ghi âm hay thậm chí là trang trí nội thất trưng bày trong bảo tàng, hỗ trợ quản lý nghệ thuật. Năm 1990, Nhật Bản thành lập một quỹ đặc biệt trong UNESCO với mục đích bảo tồn di sản văn hóa của các nước đang phát triển. Ngoài ra, một trong những mục tiêu của ngoại giao văn hóa Nhật Bản cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990 là thay đổi và xóa bỏ cảm giác “mối đe dọa Nhật Bản” ở các nước châu Âu và Hoa Kỳ trước sự xâm nhập ngày càng mạnh mẽ của nền kinh tế Nhật Bản.

Giai đoạn này ở Nhật đã bắt đầu xuất hiện các ý kiến phản đối Mỹ sau nhiều năm chịu sự bảo hộ. Có thể kể đến tác phẩm “Nhật Bản có thể nói không”, do tác giả Akira Morita và tác giả Shintaro Ishihara đã có nêu ra những suy nghĩ, ý kiến riêng. Có thể thấy rằng “chủ nghĩa xét lại” của Mỹ đối với Nhật trong giai đoạn này đã gây ra những ác cảm và ý chống lại Mỹ ở những người thuộc giới tri thức Nhật Bản ngày càng tăng. Chính phủ Nhật Bản nhận ra đó là một điểm yếu trong chính sách của mình, từ đó cần

có những hoạt động ngoại giao giúp người dân Nhật Bản tích cực chia sẻ suy nghĩ và tình cảm của mình với công dân các nước khác, đồng thời mở rộng mối liên hệ với cộng đồng quốc tế. Chính phủ kêu gọi toàn nước Nhật mở cửa văn hóa và giao lưu trí tuệ với cộng đồng quốc tế. Từ đó các chính quyền địa phương thành lập các bộ phận trao đổi văn hóa ra khu vực. Chương trình JET, đã tạo điều kiện cho hàng trăm giáo viên ngoại ngữ và điều phối viên bắt đầu được mời sang Nhật Bản mỗi năm nhằm giao lưu học tập quảng bá hình ảnh, một nỗ lực hơn nữa trong ngoại giao văn hóa của các địa phương ở Nhật Bản bắt đầu dần hoàn thiện.

Ngoại giao công chúng được chính phủ sử dụng để nhấn mạnh ước vọng hình thành quan hệ đối tác trong cộng đồng quốc tế, đặc biệt là với các quốc gia phát triển khác nhằm giảm suy nghĩ lo ngại của Mỹ và phương Tây. Năm 1992 Nhật Bản thành lập Trung tâm Quan hệ đối tác toàn cầu (CGP) với mục đích nhằm thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hóa và trao đổi nghiên cứu với Hoa Kỳ cùng khoản hỗ trợ 50 tỷ yên, CGP dự định sẽ hỗ trợ cho việc phát triển các chương trình, như “chương trình nghị sự toàn cầu”... Một số chương trình nhằm thúc đẩy đối thoại giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản trên các mặt ở các chương trình nghị sự chung, chẳng hạn như dân chủ hóa tại các nước đang phát triển, các vấn đề môi trường và các bệnh truyền nhiễm. CGP cũng tìm cách để thúc đẩy hoạt động trao đổi giữa công dân hai nước, đẩy mạnh trao đổi giữa các tổ chức phi chính phủ. Cùng thời điểm Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Mỹ đã đưa ra các Chương trình nghị sự chung về hợp tác toàn cầu, cho phép các chuyên gia Mỹ và Nhật Bản thực hiện dự án có ý nghĩa toàn cầu trong đó các lĩnh vực như dân chủ ở El Salvador và bảo tồn rừng san hô ở Thái Bình Dương... Những động thái cuối những năm 1980 và đầu 1990, một lần nữa cho thấy những nỗ lực của một đất nước Nhật mong muốn thiết lập bản sắc mới trong cộng đồng quốc tế, biết chịu trách nhiệm, tôn trọng các nước, không

ích kỹ, phấn đấu để thực hiện hòa bình thay đổi cái nhìn theo hướng tích cực, thịnh vượng và an ninh toàn cầu¹³.

Giai đoạn từ thập niên 1990 đến nay: Từ những năm 1990 trở đi, Nhật Bản đã thực hiện một chính sách ngoại giao văn hóa mới, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và đa dạng hóa văn hóa. Nhật Bản không chỉ quảng bá văn hóa của mình, mà còn tôn trọng và bảo vệ tính đa dạng văn hóa của các quốc gia khác, góp phần nuôi dưỡng giá trị và quan niệm văn hóa chung của toàn nhân loại. Nhật Bản cũng đã thúc đẩy các hoạt động trao đổi và hợp tác văn hóa giữa các nước, nhất là trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đến nay hầu như được thực hiện thông qua tất cả các kênh và phương tiện khác nhau, như: các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức phi lợi nhuận (NPO), các tổ chức xã hội dân sự (CSO), các tổ chức quốc tế (IO), các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức phi lợi nhuận (NPO), các tổ chức xã hội dân sự (CSO), các tổ chức quốc tế (IO), các cơ quan ngoại giao (Đại sứ quán...), các cơ quan văn hóa (Nhà Văn hóa Nhật Bản, Viện Văn hóa Nhật Bản...), các cơ quan thông tin (Cơ quan Thông tin Chính phủ, Cơ quan Thông tin Quốc gia...), các cơ quan giáo dục (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ, các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu...), các cơ quan truyền thông (nhà xuất bản, đài phát thanh, truyền hình, báo chí...), các cơ quan nghệ thuật (Bộ Văn hóa, các viện nghệ thuật, các nhà hát, các rạp chiếu phim...), các cơ quan thể thao (Bộ Thể thao, các liên đoàn thể thao, các đội tuyển quốc gia...), các cơ quan du lịch (Bộ Du lịch, Cục Du lịch Nhật Bản, các công ty du lịch...), các cơ quan kinh tế (Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp, Cục Thương mại Quốc tế Nhật Bản, các hiệp hội doanh nghiệp...), các cá nhân và nhóm cá nhân có uy tín và ảnh hưởng trong lĩnh vực văn hóa (nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu, nghệ sĩ, diễn viên, ca sĩ...). Nhật Bản thực hiện ngoại giao đã đạt được nhiều kết quả về văn hóa góp

¹³ Thu Hiền lược dịch (Nguồn Kazuoka Ogoura.l) (2017). ‘*Chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản*’, Công thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tin tức và Sự kiện, 23/02/2017. <https://bvhttdl.gov.vn/ chinh-sach-ngoai-giao-van-hoa-cua-nhat-ban-9493.htm>

phần nâng cao ảnh hưởng của Nhật Bản trên thế giới. Nhật Bản được coi là một trong những quốc gia có nền văn hóa phong phú và đa dạng, có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Nhật Bản cũng được biết đến là một quốc gia có sự đóng góp tích cực vào sự phát triển của văn hóa nhân loại, qua việc bảo tồn và phục hồi di sản văn hóa thế giới, qua việc tài trợ và hỗ trợ cho các hoạt động văn hóa của các quốc gia khác.

2.1.2 Mục tiêu của Nhật Bản trong việc thực hiện ngoại giao văn hóa.

Trong xu thế chung hiện nay chính sách ngoại giao văn hóa cùng sự thịnh vượng của Thế giới Nhật Bản hướng tới tìm kiếm sự thịnh vượng riêng của mình. Chính phủ cùng người dân Nhật Bản cần phải nhận thức sâu sắc về NGVH và sự tham gia của Nhật Bản trong các hoạt động quốc tế.

Chiến lược ngoại giao văn hóa của Nhật Bản được phản ánh trong tài liệu văn kiện Ngoại giao Văn hóa Quốc gia "Giao lưu văn hóa của quốc gia hòa bình" được đưa ra vào năm 2005. Phải mất sáu tháng để chuẩn bị tài liệu này, và nó đã được Thủ tướng Junichiro Koizumi khi đó phê chuẩn. Ông đã thành lập "Hội nghị khẩn cấp thúc đẩy ngoại giao văn hóa" và mời các học giả và chuyên gia hàng đầu của Nhật Bản làm việc về các vấn đề như nâng cao sức mạnh văn hóa của Nhật Bản, thực hiện ngoại giao văn hóa và nâng cao ảnh hưởng quốc tế của Nhật Bản. Các mục tiêu của chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản có thể được nhìn thấy từ những điểm chính sau đây.

Một là, thúc đẩy sự hiểu biết quốc tế về Nhật Bản, cải thiện hình ảnh của Nhật Bản và giành được sự uy tín và tin cậy. Người Nhật tin rằng nếu không có sự tin tưởng lẫn nhau về văn hóa thì không thể có vũ đài văn hóa quốc tế cũng không nhận ra ảnh hưởng quốc gia, nếu không có sự thúc đẩy hiểu biết thì việc nâng cao hình ảnh văn hóa của một quốc gia chẳng qua là một tuyên bố trống rỗng. Do đó, Nhật Bản đã thông qua các hình ảnh văn hóa để tăng cường sức mạnh văn hóa của mình và đã nhận được sự tin tưởng của người dân ở các quốc gia khác. Ở một góc độ khác, văn hóa là sự quảng cáo, đề cao sự tín nhiệm.

Hai là, tránh xung đột và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa và văn minh khác nhau. Một báo cáo về NGVH của Nhật Bản nói rằng trong thời đại chúng ta đang sống, việc trao đổi văn hóa và tin tưởng lẫn nhau là vô cùng khó khăn, và tất cả các loại xung đột và đối đầu trên khắp thế giới đã khiến mọi người không tin tưởng lẫn nhau. Vì vậy, giá trị đặc biệt của ngoại giao văn hóa và giao lưu văn hóa ngày càng trở nên quan trọng.

Ba là, bồi dưỡng và phát huy những giá trị văn hóa và suy nghĩ quan niệm chung cho toàn nhân loại, chiến lược ngoại giao và văn hóa của Nhật Bản dựa trên tiền đề rằng toàn cầu hóa sẽ làm sâu sắc thêm mối quan hệ phụ thuộc và nương tựa lẫn nhau trong mọi mặt của đời sống. Đồng thời, việc bảo vệ và tôn trọng sự đa dạng văn hóa không ngừng làm tăng sự cần thiết của khái niệm giá trị chung được hình thành giữa các cộng đồng người từ các nền tảng văn hóa và văn minh khác nhau.

Trong đó, Chính phủ Nhật Bản đưa ra 3 trụ cột tinh thần của ngoại giao văn hóa nước này bao gồm:

1) Truyền bá: “Truyền bá văn hóa được coi là trụ cột lớn nhất, thông qua các hoạt động được coi là công cụ truyền bá, như: phổ cập tiếng Nhật, giao lưu văn hóa nghệ thuật, trò chơi, phim hoạt hình, truyện tranh, âm nhạc, điện ảnh, truyền hình, thời trang...”

2) Hấp thu: “Lịch sử văn hóa Nhật Bản là lịch sử “hấp thu” các tinh hoa của các nền văn hóa khác nhau, trên các lĩnh vực khác nhau. Chính vì vậy, hấp thu - được coi là nguồn kích hoạt kích thích nền văn hóa Nhật Bản phát triển. Với chính sách ngoại giao văn hóa ở thế kỷ XXI, Nhật Bản đã đưa ra chính sách hấp thu có sáng tạo nhằm biến Nhật Bản thành nơi có sáng tạo văn hóa với tràn đầy sức sống”.

3) Cộng sinh: “Thực chất của chiến lược này là nâng cao lòng tôn sùng và cộng sinh. Các phương thức thúc đẩy cộng sinh là thúc đẩy đối thoại giữa các nền văn minh, truyền bá quan niệm cơ bản của hợp tác quốc tế Nhật Bản, thiết lập các Tập đoàn tài

chính hợp tác quốc tế về tài sản văn hóa, thúc đẩy hợp tác quốc tế, bảo vệ, tu sửa tài sản, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của nhân loại”¹⁴.

Nhật Bản coi văn hóa là một chính sách quan trọng, một loại nôi dài hỗ trợ mạnh mẽ của kinh tế. Văn hóa dễ tạo thiện cảm, thấu hiểu và dễ chấp nhận hơn những điều luật hay điều khoản cứng nhắc của kinh tế - chính trị, Có thể hiểu rằng những vấn đề tế nhị, hay căng thẳng mà thông qua chính trị, kinh tế không đạt được hiệu quả thì tất nhiên phải thông qua văn hóa để hoàn thành. Một điểm thú vị và hiệu quả mà Nhật Bản làm được đó là không cần quá chú trọng bảo hộ những nét truyền thống văn hóa mà quan tâm đến cả văn hóa hiện đại phù hợp hoàn cảnh cũng như thay đổi của Nhật Bản, của khu vực hay rộng hơn là của quốc tế. Hơn nữa, truyền bá văn hóa đã trở thành nghĩa vụ của toàn xã hội, mỗi công dân đều có trách nhiệm, mỗi cơ quan tổ chức đều hỗ trợ thực hiện và được thực hiện mọi lúc mọi nơi. Chiến lược NGVH không nhấn mạnh những cái gọi là an ninh văn hóa, xâm lược văn hóa mà để mọi thứ thuận theo tự nhiên và có quá trình cụ thể thể hiện cái gọi là sự tự tin văn hóa.

2.1.3. Hình thức và tổ chức của ngoại giao văn hóa Nhật Bản.

Cơ cấu tổ chức ngoại giao văn hóa của Nhật Bản bao gồm nhiều cơ quan và tổ chức khác nhau. Một số cơ quan chính là:

Bộ Ngoại giao Nhật Bản: là cơ quan quản lý chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản, bao gồm các vấn đề liên quan đến UNESCO, ASEAN, APEC và các diễn đàn khu vực khác.

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA): là cơ quan thực hiện các hoạt động hợp tác phát triển của Nhật Bản, bao gồm các dự án hỗ trợ kỹ thuật, tài trợ viện trợ và hợp tác người nhân.

¹⁴ Bùi Hùng (2021). Ngoại giao văn hóa Việt Nam – Nhật Bản: Nâng tầm giá trị dân tộc, *Báo VOV Việt Nam*, Thế giới, 28/12/2021.

Quỹ Văn hóa Nhật Bản (Japan Foundation): là tổ chức phi chính phủ được thành lập năm 1972 để thúc đẩy sự hiểu biết và hợp tác văn hóa giữa Nhật Bản và các nước khác, bằng cách tổ chức các hoạt động như trao đổi nghệ thuật, giáo dục ngôn ngữ, nghiên cứu và thông tin văn hóa.

Bộ Ngoại giao (外務省 Gaimu-shō?, Ngoại vụ tỉnh) là một bộ trong Nội các Nhật Bản, được thành lập vào năm 1896 và có trụ sở tại Tokyo có trách nhiệm quản lý quan hệ ngoại giao của Nhật Bản với các quốc gia trên thế giới. Bộ Ngoại giao Nhật Bản được thành lập dựa theo khoản 2, Điều 3 của Đạo luật Tổ chức Chính phủ Quốc gia và Đạo luật Thành lập Bộ Ngoại giao. Theo luật, người đứng đầu bộ này là một bộ trưởng và là thành viên Nội các Nhật Bản. Theo Hiến pháp Nhật Bản, Nội các chịu trách nhiệm chủ yếu về ngoại giao và chịu giám sát toàn diện của Quốc hội Nhật Bản. Thủ tướng Nhật Bản phải báo cáo định kỳ về quan hệ ngoại giao lên Quốc hội, trong đó Tham Nghị viện và Chúng Nghị viện đều có ủy ban ngoại giao. Mỗi ủy ban báo cáo trong các phiên họp toàn thể của cơ quan mà ủy ban đó trực thuộc. Với tư cách nguyên thủ quốc gia, Thiên hoàng thực hiện chức năng mang tính nghi thức là tiếp nhận đại diện ngoại giao nước ngoài và chứng thực các điều ước quốc tế đã được Quốc hội phê chuẩn. Thủ tướng Nhật Bản là người đứng đầu nhánh hành pháp và là nhân vật chủ yếu trong hệ thống chính trị, người ra quyết định sau cùng về các chính sách đối ngoại lớn. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đóng vai trò cố vấn chủ chốt cho Thủ tướng trong các vấn đề lập kế hoạch và thi hành. Bộ trưởng có hai Thứ trưởng giúp việc: một Thứ trưởng phụ trách quản trị và một Thứ trưởng phụ trách liên lạc với Quốc hội. Các vị trí quan trọng khác trong Bộ Ngoại giao là quốc vụ khanh và các giám đốc.

Nhân viên Bộ Ngoại giao là những nhân vật ưu tú được tuyển lựa qua kì thi đầy cạnh tranh và sau đó được huấn luyện bởi Viện Đào tạo của Bộ Ngoại giao. Việc xử lý các vấn đề chính sách đối ngoại cụ thể thường được phân chia giữa các vụ căn cứ theo địa lý và chức năng nhằm giảm tối đa sự chồng chéo và cạnh tranh. Nói chung, các vấn

đề song phương được giao cho các vụ địa lý còn các vấn đề đa phương thì giao cho các vụ chức năng. Vụ Điều ước có nhiều trách nhiệm và có xu hướng tham gia vào rất nhiều vấn đề.

Vào thời kỳ Minh Trị và CTTG thứ hai, nghề ngoại giao có uy tín xã hội cao và được xem là thuộc về tầng lớp thượng lưu. Ngoài việc phải có bằng cấp chính thức thì các tiêu chuẩn để vào Bộ Ngoại giao thời kì này là nguồn gốc xuất thân, các mối giao thiệp gia đình và phải là tốt nghiệp từ Đại học Đế quốc Tokyo (nay là Đại học Tokyo). Sau CTTG thứ hai, các đòi hỏi này cũng thay đổi như một phần của các biện pháp cải cách dân chủ, song nghề ngoại giao vẫn là nghề được trọng vọng. Đa số các viên chức ngoại giao đều đã vượt qua kì thi tuyển viên chức ngoại giao cấp cao sau chiến tranh trước khi bước chân vào ngành. Đa số họ đã tốt nghiệp khoa Luật uy tín của Đại học Tokyo. Hầu như tất cả những người được chọn bổ nhiệm làm đại sứ từ thập niên 1950 đều là những nhà ngoại giao từng trải. Ngoại giao tại nước Nhật hậu chiến không bị độc quyền bởi Bộ Ngoại giao. Do tầm quan trọng hơn bất cứ thứ nào khác của kinh tế đối với ngoại giao nên Bộ Ngoại giao kết hợp với Bộ Tài chính trong các hoạt động hải quan, thuế, tài chính quốc tế và viện trợ nước ngoài. Bộ cũng hợp tác với Bộ Thương mại Quốc tế và Công nghiệp về vấn đề xuất nhập khẩu và hợp tác với Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp về vấn đề nhập khẩu nông sản và quyền đánh bắt cá¹⁵.

JICA là một cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản, có tên gọi đầy đủ theo tiếng Anh là Japan International Cooperation Agency, được viết tắt là JICA. Trong tiếng Nhật, cơ quan này được gọi là “dokuritsu gyosehojin kokusai” và được viết theo tiếng Nhật là “独立行政法人 国際協力機構” JICA hay cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản được thành lập nên từ năm 2003. Đây là cơ quan được sát nhập từ tổ chức JICA cũ của Nhật, trước đó là Bộ ngoại giao Nhật Bản được thành lập vào năm 1974. Cùng với đó là sát nhập

¹⁵ WikipediA Tiếng Việt, truy cập 15/07/2023 https://vi.wikipedia.org/wiki/Trang_Ch%C3%ADnh

một phần của Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản JBIC. Trong đó, ngân hàng này được sát nhập từ hai tổ chức gồm: quỹ hợp tác hải ngoại Nhật Bản và Ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật Bản từ năm 1999. Từ khi thành lập nên tổ chức JICA vào năm 2003, bà Ogata Sadako là người đứng đầu, chủ tịch của cơ quan này. Đến năm 2012, giáo sư Tanaka Akihiko đã lên thay thế bà, trở thành chủ tịch thứ 2 cho JICA. Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA có trụ sở chính được đặt tại Nhật Bản. Ngoài trụ sở chính thì JICA còn có các văn phòng tại rất nhiều quốc gia khác từ châu Á cho đến những châu lục khác. Trong đó, JICA cũng có văn phòng tại Việt Nam, được đặt tại Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại Trưởng đại diện Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam là ngài Sugano Yuichi.

Cách thức hoạt động: cơ quan duy nhất thực hiện viện trợ ODA của Chính phủ Nhật Bản thông qua 3 hình thức: hợp tác kỹ thuật, hợp tác vốn vay và viện trợ không hoàn lại. JICA hoạt động với nhiệm vụ là cơ quan duy nhất thực hiện các chương trình viện trợ vốn ODA của Chính phủ Nhật, thông qua các hình thức về hợp tác kỹ thuật, hợp tác vốn vay, viện trợ không hoàn lại. Bên cạnh đó, JICA còn thực hiện các chương trình chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm của Nhật Bản đến những quốc gia đang phát triển. Đối với chương trình ODA của JICA, nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế và xã hội cho các nước đang phát triển. Chương trình này thực hiện hỗ trợ qua hình thức song phương và thông qua các tổ chức của Liên Hiệp Quốc, cũng như các tổ chức quốc tế gồm các chương trình hợp tác kỹ thuật, hợp tác vốn vay và viện trợ không hoàn lại.

Vai trò của JICA: góp phần phát triển kinh tế xã hội ở các nước đang phát triển, tăng cường hợp tác quốc tế của Nhật Bản. Vai trò và mục tiêu của JICA là góp phần hỗ trợ, phát triển kinh tế và xã hội cho các quốc gia đang phát triển. Từ đó, cũng thúc đẩy tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế của Nhật Bản với những quốc gia này. JICA cũng thực hiện các chương trình tài trợ về những lĩnh vực đầu tư cho các dự án về xây dựng, tài nguyên, môi trường, năng lượng và các chương trình kỹ thuật tiên tiến. Điều

này nhằm nâng cao đời sống cho người dân, cũng như giúp cho các quốc gia này phát triển nhanh chóng, tăng cường các chương trình hợp tác với Nhật thông qua các hoạt động văn hóa, cũng như hỗ trợ cho các doanh nghiệp Nhật được phát triển tại các quốc gia này. Từ năm 1992, Nhật Bản là một trong những quốc gia tiên phong trong việc nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam. Theo đó, JICA đã hỗ trợ Việt Nam về các khoản vốn vay, cũng như ODA cho việc phát triển ở nhiều lĩnh vực khác nhau như: giao thông vận tải, điện lực, giao thông đô thị, xử lý nước thải, cơ sở hạ tầng nông thôn, y tế, xây dựng, giáo dục.

Quan trọng nhất trong việc thúc đẩy ngoại giao văn hóa phải nhắc đến Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản (国際交流基金), tên tiếng Anh Japan Foundation, thành lập năm 1972 theo quyết định của Quốc hội Nhật Bản, là cơ quan đặc biệt với nhiệm vụ phổ biến văn hóa Nhật Bản ra quốc tế. Với mục tiêu phát triển toàn diện và hiệu quả các chương trình giao lưu và trao đổi về văn hóa trong lĩnh vực: Thúc đẩy trao đổi văn hóa và nghệ thuật (Nhật Bản). Thúc đẩy giáo dục tiếng Nhật ở nước ngoài (Các kì thi năng lực tiếng Nhật JLPT). Và thúc đẩy nghiên cứu Nhật Bản và giao lưu trí tuệ. Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản có trụ sở tại Shinjuku, Tokyo và một văn phòng phụ trợ tại Kyoto. Ngoài ra có 2 Viện tiếng Nhật tại Saitama và Tajiri, Osaka. Trên toàn thế giới có 22 chi nhánh của Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại 21 quốc gia. Tại Việt Nam có văn phòng đại diện tại số 27 Quang Trung – Hoàn Kiếm – Hà Nội, chính thức ra đời vào tháng 03/2008 là văn phòng thứ năm tại Đông Nam Á.

Các hình thức ngoại giao văn hóa Nhật Bản là các hoạt động văn hóa mà Nhật Bản thực hiện nhằm quảng bá hình ảnh, tạo nền tảng nhận thức và tình cảm của nhân dân các nước đối tác, từ đó thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ đối ngoại nhằm đạt được lợi ích quốc gia. Có thể kể đến một số hình thức ngoại giao của Nhật Bản về văn hóa như sau: Tham gia các tổ chức văn hóa quốc tế như UNESCO vào năm 1951 đẩy mạnh quảng bá hình ảnh văn hóa truyền thống mang màu sắc Nhật Bản để khi nhắc đến

Nhật bất cứ ai cũng có thể hình dung ra như trà đạo và Ikebana (nghệ thuật cắm hoa), Xây dựng hình ảnh biểu tượng núi Phú Sĩ, hoa anh đào hiền hòa, bình yên với ấn tượng Nhật Bản thiên nhiên tươi đẹp, yêu hòa bình.

Hỗ trợ các hoạt động văn hóa của các nước đối tác như Việt Nam. Một số cách mà Nhật Bản duy trì và phát triển quan hệ với Việt Nam qua ngoại giao văn hóa là: Tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao và du lịch. Hỗ trợ Việt Nam trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa như Thăng Long-Hà Nội, Huế, Hội An. Tổ chức các sự kiện văn hóa như Ngày Nhật Bản tại Việt Nam, Lễ hội hoa anh đào, Triển lãm sách Nhật Bản. Thúc đẩy giao lưu giữa các tổ chức xã hội và các cá nhân của hai nước như các tổ chức hữu nghị, các nhóm bạn bè, các trường học. Cung cấp các khóa học tiếng Nhật và học bổng cho sinh viên và giảng viên Việt Nam muốn du học tại Nhật Bản.

2.2. Quá trình triển khai ngoại giao văn hóa ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2022

2.2.1. Tầm quan trọng của Việt Nam trong Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản.

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng phát triển kinh tế lớn trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam có dân số đông, thị trường tiêu dùng rộng lớn, lao động trẻ, năng động, có trình độ giáo dục ngày càng cao, có vị trí địa lý chiến lược, là thành viên của nhiều tổ chức khu vực và quốc tế, có môi trường kinh doanh ngày càng cải thiện và hấp dẫn đầu tư nước ngoài. Tầm quan trọng của Việt Nam về một quốc gia có tiềm năng phát triển kinh tế đối với Nhật Bản là rất lớn, không chỉ là một thị trường tiêu thụ lớn cho các sản phẩm và dịch vụ của Nhật Bản, mà còn là một điểm đến hấp dẫn cho các doanh nghiệp Nhật Bản muốn mở rộng hoạt động sản xuất và kinh doanh ở khu vực Đông Nam Á. Việt Nam cũng là một nguồn cung cấp các nguyên liệu, linh kiện, lao động và dịch vụ cho chuỗi giá trị toàn cầu của Nhật Bản.

Việt Nam là một đất nước có vị trí chiến lược trong khu vực Đông Nam Á: Việt Nam nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, có đường bờ biển dài, giáp với vịnh Thái Lan, vịnh Bắc Bộ và biển Đông. Việt Nam có vai trò chiến lược trong việc duy trì hòa bình, ổn định và tự do hàng hải ở khu vực, đặc biệt là ở biển Đông, nơi có nhiều tranh chấp chủ quyền và lợi ích kinh tế. Nhật Bản là một quốc gia đảo phụ thuộc vào thương mại và vận tải biển, nên rất quan tâm đến an ninh và tự do hàng hải ở biển Đông. Việt Nam là một trong những quốc gia ưu tiên của Nhật Bản trong chính sách ngoại giao Đông Nam Á.

Việt Nam là một trong những quốc gia có vai trò quan trọng trong ASEAN: Việt Nam là nước giữ vai trò chủ chốt trong khối kinh tế ASEAN đang phát triển và có tiềm năng lớn ở khu vực. Việt Nam cũng là một trong những đối tác chiến lược của Nhật Bản trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực và xây dựng cộng đồng ASEAN. Đồng thời là một trong những nước có sự ủng hộ và hợp tác chặt chẽ với Nhật Bản trong các diễn đàn đa phương như Liên hợp quốc, APEC, ASEM, ARF, EAS, ADMM+, TPP... Việt Nam cũng là nước điều phối quan hệ ASEAN-Nhật Bản từ năm 2018 đến năm 2021. Việt Nam đã phối hợp với Nhật Bản để tổ chức nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy quan hệ giữa hai bên, như Hội nghị chuyên đề “Hợp tác ASEAN-Nhật Bản vì sự Thịnh vượng” vào tháng 6/2019. Việt Nam cũng đã ủng hộ tầm nhìn của Nhật Bản về khu vực Ấn Độ Dương, sáng kiến về cơ sở hạ tầng bền vững và sự tham gia của Nhật Bản vào mạng lưới thành phố thông minh ASEAN.

Việt Nam là một địa bàn có thể cạnh tranh ảnh hưởng mềm trực tiếp với Trung Quốc. Nhật Bản và Trung Quốc đều là những nước có quan hệ quan trọng với Việt Nam, nhưng cũng có những cạnh tranh và đối lập trong nhiều lĩnh vực. Cạnh tranh ảnh hưởng mềm trực tiếp giữa Nhật Bản và Trung Quốc ở Việt Nam có thể được thấy qua nhiều khía cạnh kinh tế, quốc phòng văn hóa... Trong chiến lược ngoại giao văn hóa của mình, chính phủ Nhật Bản coi trọng sự trao đổi văn hóa, ngoại giao văn hóa hướng tới sự thịnh

vượng riêng của Nhật Bản trong sự thịnh vượng của thế giới. Qua quá trình hình thành và thăng trầm của lịch sử Nhật Bản hiểu rõ tầm quan trọng của khu vực Đông Nam Á đặc biệt là Việt Nam trong mọi kế hoạch phát triển của mình. Nhật Bản muốn nâng cao hình ảnh và ảnh hưởng liên quan đến chính trị ở khu vực trong khi đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc hay Mỹ đang có những chính sách và hoạt động ngoại giao mạnh mẽ với mong muốn gia tăng ảnh hưởng cũng như quyền lực hơn ở khu vực ASEAN. Nhật Bản muốn giới thiệu các giá trị, thành tựu và sự đa dạng của nền văn hóa nhằm tạo dựng sự hấp dẫn và thu hút sự ủng hộ cho các chính sách và lập trường của mình. Hơn thế nữa Nhật Bản muốn bảo vệ an ninh và lợi ích quốc gia của mình trong bối cảnh sự cạnh tranh và căng thẳng tăng cao ở khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là vấn đề Biển Đông. Nhật Bản muốn tăng cường sự hiểu biết, tin tưởng và hợp tác với các nước Đông Nam Á cũng như Việt Nam để duy trì hòa bình, ổn định và tự do hàng hải.

2.2.2. Giai đoạn hình thành và tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật Bản trước năm 1993.

Giai đoạn trước năm 1973: Theo nhiều nguồn tài liệu lịch sử khác nhau, người ta cho rằng Nhật Bản và Việt Nam đã bắt đầu giao lưu từ khoảng hơn 1.000 năm trước. Vào thời đại Nara tới Heian ở Nhật Bản cũng là thời nhà Đường (618-907) ở Trung Hoa. Giờ sứ giả được Nhật Bản cử đi Trung Hoa học gọi là "Kentoshi" (Khiển Đường Sứ). Vì thuyền bị gió lốc nhiều người chết hay trôi dạt Phương Nam về miền Bắc hay Trung Việt Nam hiện nay. Trong số những người phiêu bạt ấy có các nhà sư như: "Kukai" (Không Hải) và "Kanjin" (Giám Chân).

Còn theo tài liệu lịch sử, người Nhật Bản đầu tiên đến Việt Nam là ông Nakamaro Abeno và Kiyokawa Fujihara, năm 716, ông Nakamaro sang Trung Hoa du học vào thời Đường, tức thời Nara, Heian ở Nhật, tên Trung Hoa là Triều Hàng, sau đổi lại là Triều Hoàn. Trên đường về nước, thuyền của ông được giạt vào An Nam đô hộ xứ (tức Việt Nam), sau ông trở về Trường An, Trung Hoa. Năm 753, Triều Hoàn 55 tuổi, làm Bí

Thư Giám phụ trách thư viện của Hoàng Đế, Vệ Úy Khánh chỉ huy đội cấm vệ. Năm 761, niên hiệu Thượng Nguyên, ông được cử sang An Nam làm Tiết Độ Sứ hay Chấn Nam Đô Hộ, tức người đứng đầu coi xứ Việt Nam và có công trong việc giải tranh giữa các dân tộc thiểu số ở biên giới Vân Nam. Năm 767, ông trở về Trung Quốc và sau đó mất tại Trường An.

Đến cuối thế kỷ 14, vương quốc Lưu Cầu (Ryukyu, tức quần đảo Okinawa gần Đài Loan, sau khi bị ám sát nhập vào Nhật Bản) đã gửi một văn thư sang Việt Nam, sau đó vào cuối thế kỷ 16, cụ thể là năm 1583, đã có tàu Nhật Bản đến Hội An, Đà Nẵng và sau đó đến Cửa Việt thuộc Quảng Trị. Ở Đàng Trong, đã có thư trao đổi giữa Chúa Nguyễn Hoàng và Mạc Phủ Tokugawa Ieyasu cũng như thư của Nguyễn Hoàng viết năm 1604 gửi Thiên Hoàng Hy Tôn Hiếu Văn. Ở Đàng Ngoài, Chúa Trịnh cũng có thư viết năm 1610 về việc tàu buôn Nhật Bản đến Nghệ An năm 1609 bị sóng gió, phải trát nạn và chờ tìm đường về nước. Sự việc buôn bán trở nên thường xuyên hơn vào đầu thế kỷ 17, các tàu Nhật Bản đi buôn bán ở hải ngoại gọi là "Goshuinsen", là các thuyền có giấy phép đóng dấu đỏ của "Tướng quân" tức Tướng quân thời gian, từ các thành phố Nagasaki thuộc Kyushu, Sakai thuộc Osaka thường ghé thăm Ma Cao rồi đến Hà Nội, Hội An, Thanh Hà để buôn bán. Hội An khi đó là con quay nằm trên con đường "tơ lụa biển" nối liền Đông - Tây, nằm trên sông Thu Bồn, gần Cửa Đại, phía Nam Đà Nẵng, thuộc tỉnh Quảng Nam. Họ đầu bạc, bạc, đánh, đao, màn xếp, quạt xếp, những đồng tiền bằng đồng và đồ sứ rồi mua tơ tằm, san hô, ngà voi, da dê, đồ gốm... Nổi bật trong số thương gia đến buôn bán ở Đàng Ngoài, mà người Nhật thời đó gọi là An Nam (Annam), là hai cha con ông Ryoji Suminokura (1554-1614), sau được dựng tượng ở Sagano và Ryoji Suminokura (1571-1632), được kể là vinh quang thời gian thương mại đó. Với tư cách sứ giả mật dịch, họ là người đầu tiên nhận giấy phép đi Việt Nam của Tướng quân Tokugawa Ieyasu. Giấy phép là một tờ giấy chỉ có ghi hàng chữ (Ji Nippon To Tokyo, Tự Nhật Bản Đảo Đông Kinh, nghĩa là Từ Nhật Bản đến Đông Kinh, Đông Kinh là tên gọi Hà Nội thời đó, còn Đông Kinh của Nhật thời đó là Giang Hộ (Edo) và đóng dấu đỏ.

Họ khởi hành chuyến hành trình đầu tiên vào cuối thu năm 1603 và trở về Nhật tháng 6/1604. Các thuyền buôn thời đó đều phải đợi gió bắc vào tháng 10 đến tháng 11 để quay xuôi nam và sau đó đợi gió nồm (nam) vào tháng 7, mùa hè năm sau để quay ngược hướng bắc, về nhật. Vì vậy họ đã lập ra khu Cẩm Phố để cư ngụ lâu dài, khi người Hoa thì có phố Minh Hương. Cuộc hành trình tất nhiên là rất gian nan và vất vả, kéo dài cả 8 tháng. Nhưng bù lại, lợi nhuận được phỏng đoán là lời từ 100 đến 200%. Từ năm 1603 đến năm 1634 (là năm Tướng Quân ra lệnh bế môn tỏa cảng), họ đã đi Việt Nam tất cả 17 lần, trung bình cứ hai năm một chuyến. Họ chủ yếu mua dược liệu, trầm, tơ sợi, sách lụa, hương liệu như hồ tiêu, nghệ, rồi thuốc tiêu, đá tiêu (dùng làm đạn và chế thuốc súng) và thư tịch (các sản phẩm từ Trung Quốc đưa vào). Và họ bán quạt, dù, nhiệt dược bằng kim loại, tiền đồng, súng đạn, đao kiếm, phát quang như lưu huỳnh, phát xạ, đồng, bạc... Kiếm Nhật nổi tiếng là sắc bén, nên là một trong những món hàng được người Việt thời đó ưa chuộng nhất¹⁶.

Nổi tiếng với di tích một phố cổ khoảng 700 người Nhật Bản từng sinh sống với Chùa Cầu xây năm 1593 và một số mộ cổ. Chùa Cầu là kiến trúc độc đáo với ngôi chùa nằm ngay trên cầu, bắc qua con rạch chảy ra sông Thu Bồn, với sự đóng góp phần lớn của người Nhật và các phụ nữ Việt lấy chồng Nhật, còn gọi là Cầu Nhật Bản. Năm 1719, Chúa Nguyễn Phúc Chu đến thăm Hội An và đặt tên cầu là "Lai Viễn Kiều". Nhật Bản cũng tài trợ trùng tu nhiều di tích văn hóa tại Hội An cũng như đền đài tại Huế... Chùa Cầu còn gọi là Cầu Nhật Bản hay Lai Viễn Kiều¹⁷.

Cuối thế kỷ 19 đến Chiến tranh Thế giới thứ hai: quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản và Việt Nam tiếp tục có nhiều biến động. Năm 1854 Mỹ với Nhật ký Hiệp ước

¹⁶ PGS. TS Hoàng Anh Tuấn (2014). “Góc nhìn khu vực về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản thế kỷ XVII”, lịch sử, văn hóa và ngoại giao văn hóa: Sức sống của quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong bối cảnh mới của quốc tế và khu vực, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội,

¹⁷ Trần Văn An (2022). Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu với Hội An, Nguồn Trung tâm quản lí bảo tồn di sản văn hóa Hội An, truy cập 16/07/2023. <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/quoc-chua-nguyen-phuc-chu-voi-hoi-an-997.html>

Kanagawa, Mỹ bắt đầu cử Đại sứ đến Nhật Bản, sau đó Nhật mở cửa nhiều mặt tiếp cận và ảnh hưởng mạnh mẽ đến quan hệ ngoại giao của Nhật đối với phương Tây, qua đó hàng hóa nước ngoài cũng xuất hiện nhiều hơn ở Nhật. Tình hình chính trị, văn hóa xã hội bắt đầu có nhiều bất ổn, trật tự xã hội thay đổi. Sau đó đến năm 1868 Nhật Bản thực hiện công cuộc Cải cách Minh Trị (Meiji) hay còn gọi là “Minh Trị Duy Tân”. Từ cải cách Minh Trị đến hai cuộc chiến tranh Trung – Nhật (1894-1895) và chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905), Nhật Bản đã chứng minh được vị thế và sức mạnh của mình ở Châu Á. Đến năm 1911 Nhật xóa bỏ được các hiệp ước bất bình đẳng đã kí với các nước trước đó. Sự chuyển mình độc lập và phát triển của Nhật lúc bấy giờ đã trở thành tấm gương cho các nước châu Á, nhất là các nước có chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa Hán như Việt Nam. Nhật đã trở thành một mẫu hình cho các nước Á Đông muốn thoát khỏi sự thống trị của các nước phương Tây. Phong trào Đông Du là một phong trào cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỷ 20. Phong trào có mục đích kêu gọi thanh niên Việt Nam ra nước ngoài (Nhật Bản) học tập, chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ cho việc giành lại độc lập nước nhà. Và được sự ủng hộ của một số nhân vật Nhật Bản như Asaba Sakitaro, Inukai Tsuyoshi, Mitani Sukeichiro. Phong trào Đông Du đã thu hút được hàng trăm thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập và hoạt động cách mạng. Tuy Phong trào Đông Du sau đó thất bại nhưng đã góp phần tạo ra một thế hệ cách mạng trẻ tuổi, quyết tâm đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nhật Bản liên tiếp phát động chiến tranh sau đó, tháng 7/1937 Nhật bắt đầu xâm lược Trung Quốc. Tháng 10/1938 Nhật chiếm Quảng Châu áp sát biên giới Việt – Trung khởi động công cuộc xâm lược Đông Dương. Sau đó Nhật uy hiếp gây sức ép với Pháp kí các hiệp ước tại Việt Nam. Từ năm 1943 – 1945 phe Đồng Minh phản công mạnh mẽ, Nhật thất bại ở Trân Châu Cảng, Miến Điện và Philippin từ đó Nhật quyết kiên quyết muốn giữ bằng được Đông Dương. Đêm ngày 09/03/1945 Nhật tiến hành đảo chính Pháp. Với phán đoán và kế hoạch kịp thời Đảng Cộng sản Đông Dương đã chỉ ra “Nhật – Pháp

bắn nhau và hành động của chúng ta” thực hiện thành công cuộc Cách mạng tháng 8/1945 tiến tới thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2/9/1945.

Từ giai đoạn sau Chiến tranh Thế giới thứ hai đến trước năm 1973: Giai đoạn 1945-1954: Nhật Bản bị đồng minh chiếm đóng và không có quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Sau chiến tranh Thế giới thứ hai Nhật bị thiệt hại nghiêm trọng về cả kinh tế lẫn văn hóa, xã hội, con người... Nhưng chỉ sau 5 năm dưới sự ủng hộ của Mỹ (1945 – 1950) Nhật Bản đã vươn lên khắc phục hậu quả chiến tranh và có những bước chuyển mình mạnh mẽ về kinh tế đưa quốc gia thoát khỏi khó khăn trở thành cường quốc. Năm 1951 Nhật tham gia tổ chức UNESCO xây dựng với thế giới hình ảnh nước Nhật yêu hòa bình, dân chủ thay cho quân sự trước đây. Bắt đầu những năm 1960 đặc biệt là sau Thế vận hội Tokyo năm 1964 Nhật xây dựng một hình ảnh đất nước phát triển có nền kinh tế tiên tiến. Ngoại giao của Nhật Bản tích cực tạo dựng hình ảnh thành viên có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế. Trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam những năm 60 của thế kỷ XX Nhật thiết lập quan hệ ngoại giao với chính quyền Việt Nam Cộng hòa thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Đến tháng 7/1970 ở miền Nam Việt Nam đã bắt đầu có những cơ sở kinh doanh như Mitsun, Ngân hàng Tokyo, Nihon Koei,... Tháng 2 năm 1972, phái đoàn mật dịch Nhật Bản do ông Toshio Kimura làm trưởng đoàn đã đến thăm Hà Nội. Đây là lần đầu tiên một phái đoàn Nhật Bản đến Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh. Mục đích của chuyến thăm là để thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước và tìm hiểu tình hình chính trị và kinh tế của Việt Nam. Phái đoàn đã được tiếp xúc với các nhà lãnh đạo Việt Nam như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình... và tham quan một số cơ sở sản xuất và dịch vụ ở Hà Nội. Chuyến thăm của phái đoàn Nhật Bản đã góp phần nâng cao hình ảnh của Nhật Bản trong mắt người Việt Nam và tạo điều kiện cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước sau này.

Việt Nam dần trở thành trọng tâm trong chiến lược đối ngoại của Nhật Bản trong giai đoạn 1973 đến trước năm 1993. Thủ tướng Hashimoto Ruytaro đã nhấn mạnh trong

chuyến thăm Singapore dựa trên ba nội dung chính: Xúc tiến sau rộng hơn trong trao đổi giữa Nhật Bản với ASEAN ở tất cả các cấp độ khác nhau: hợp tác văn hóa sau sắc hơn vì mục đích củng cố tình hữu nghị Nhật Bản – ASEAN, cùng nhau giải quyết các vấn đề quốc tế đang cùng phải đối mặt. Với Việt Nam năm 1973, chính phủ Nhật Bản đã cấp cho Việt Nam một khoản viện trợ không hoàn lại trị giá 50 triệu đô la Mỹ. Đây là lần đầu tiên Nhật Bản cấp viện trợ cho Việt Nam sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 21/9/1973. Mục đích của viện trợ là để hỗ trợ Việt Nam trong việc tái thiết đất nước sau chiến tranh và phát triển kinh tế-xã hội. Viện trợ của Nhật Bản được sử dụng cho các dự án như xây dựng cầu Chương Dương, cải tạo đường sắt Bắc Nam, mở rộng sân bay Nội Bài.... Viện trợ đã góp phần quan trọng vào sự tiến bộ của Việt Nam trong những năm sau đó. Tháng 10/ 1973 Việt Nam và Nhật Bản đã đặt đại sứ quán ở thủ đô hai nước. Đến tháng 4/1975 Việt Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước Nhật Bản đẩy mạnh ngoại giao năm 1976 Nhật trở thành bạn hàng thứ hai sau Liên Xô trong buôn bán với Việt Nam. Tuy nhiên mấy năm sau đó quan hệ hai nước rơi vào căng thẳng do vấn đề Campuchia và việc đồng minh Mỹ cũng các nước phương Tây liên tục thực hiện cấm vận Việt Nam, Nhật đã quyết định đình chỉ viện trợ năm 1979.

Đến cuối những năm 1980 đến đầu năm 1990 nền kinh tế Nhật Bản ở đỉnh cao của sự phát triển, với vị thế là nền kinh tế thứ hai thế giới Nhật đã đóng góp và có vai trò, trách nhiệm với cộng đồng hơn. Trong giai đoạn này Nhật Bản đã tạm ngưng viện trợ cho Việt Nam do những biến động không thuận lợi trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Tuy nhiên hai nước vẫn duy trì được sự giao lưu văn hóa nghệ thuật, giáo dục qua các tổ chức phi chính phủ và cá nhân. Với một số hoạt động tiêu biểu như: năm 1983 Nhật Bản thực hiện dự án viện trợ văn hóa không hoàn lại đầu tiên cho Việt Nam, cung cấp trang thiết bị và đồ dùng dạy tiếng Nhật cho trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, năm 1985 tổ chức triển lãm “Nhật Bản ngày nay” tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Lần lượt các năm sau đó năm 1987 Nhật tổ chức triển lãm “Nhật Bản – Việt Nam: Giao lưu văn hóa qua các thời kỳ” tại Hà Nội, năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh và 1990

tại Huế. Năm 1991 Nhật Bản quyết định mở lại viện trợ cho Việt Nam và ký Hiệp định viện trợ văn hóa không hoàn lại cho dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa Nhật Bản tại Hà Nội. Lần đầu tiên chính sách ngoại giao văn hóa được nhìn nhận là một trong ba trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại. Tháng 11/1992 Nhật đã viện trợ lại ODA cho Việt Nam sau 14 năm (1979 – 1991). Đặc biệt năm 1993 Nhật Bản và Việt Nam đã ký Tuyên bố chung “Về việc xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, ổn định và lâu dài” hai bên khẳng định sự mong muốn thúc đẩy giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể thao và thông tin giữa hai nước.

2.3. Quá trình triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam giai đoạn 1993 – 2022.

2.3.1. Hoạt động truyền thông đối ngoại.

Hoạt động truyền thông đối ngoại là một hoạt động quan trọng không thể thiếu của NGVH giữa Nhật Bản với Việt Nam. Các phương tiện truyền thông đối ngoại đã khẳng định tầm quan trọng đối với công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Nhật Bản với thế giới và tiếp nhận những tinh hoa văn hoá của thế giới vào Nhật Bản. Trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước truyền thông đối ngoại được đánh giá hết sức cần thiết, Nhật Bản thiết lập quan hệ đối thoại với ASEAN năm 1973, đồng thời cùng năm tại Pari Nhật Bản cũng kí kết ngoại giao với Việt Nam đánh dấu bước tiến quan trọng trong quan hệ hai nước, Từ đó giao lưu nhân dân được đưa lên một bước tiến mới. Sự hợp tác hữu nghị và lâu dài giữa nhân dân hai nước góp phần tạo nên sức mạnh, đoàn kết và thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ. Tăng cường hợp tác, giao lưu văn hóa Việt Nam-Nhật Bản có vai trò quan trọng trong bối cảnh hợp tác mới, là cách tốt nhất để tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, xây dựng mối quan hệ “từ trái tim đến trái tim”. Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản Masahiko Komura từng cho rằng,

giao lưu con người là một trong những yếu tố quan trọng nhất để hiện thực hóa quan hệ “đối tác chiến lược” giữa Việt Nam và Nhật Bản.¹⁸

Nhân kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản, Đài Tiếng nói Việt Nam phối hợp với Hội Bảo trợ Văn hóa Truyền thống Nhật Bản tổ chức chương trình “Giao lưu Văn hóa Việt Nam – Nhật Bản” tại Nhà hát Đài Tiếng nói Việt Nam (Hà Nội) vào tháng 11/2013. Với chủ đề “Nhịp cầu hữu nghị Nhật Bản – Việt Nam kết nối hoa và tre”, các nghệ nhân Nhật Bản đã giới thiệu tới khán giả và người dân thủ đô những nguyên liệu hoa quen thuộc với người dân hai nước, đặc biệt là tre, nghệ thuật cắm hoa Ikebana, nghệ thuật trà đạo và trình diễn trang phục kimono truyền thống của Nhật Bản. Chương trình giao lưu cũng giới thiệu những tiết mục âm nhạc dân gian nổi tiếng của Việt Nam bằng đàn T’rưng, Klong pút, trình diễn áo dài truyền thống dân tộc¹⁹. Đến năm 2023 này sẽ là kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản và Việt Nam. Quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước đã phát triển sâu sắc và hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, thể thao.... Giao lưu văn hóa là một trong những hoạt động nổi bật nhất trong quan hệ văn hóa giữa hai nước, nhằm tăng cường hiểu biết và gắn kết giữa người dân hai nước.

Về việc trao đổi các ấn phẩm sách báo, truyện tranh và phim hoạt hình manga của Nhật Bản có nhiều dự án tiêu biểu gây sự chú ý và nổi tiếng trên khắp Việt Nam tiêu biểu như tác phẩm “Doraemon” (nhà xuất bản Kim Đồng) đã được đông đảo các bạn người Việt đón nhận nhiệt tình và từ đó đến nay đã được tái bản nhiều lần. Ngoài Doremon không thể không kể đến hàng loạt các manga bán chạy và phủ sóng ở Việt Nam như “Thủy thủ Mặt Trăng”, “Thám tử lừng danh Conan” hay “ Bảy viên ngọc rồng”...Trong khi đó các tác phẩm văn học chữ của Nhật Bản được chính thức xuất bản

¹⁸ Trần Mỹ Hoa – Nguyễn Ngọc Phương Trang (2016). Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục, *Tạp chí Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*, truy cập 20/06/2023.

¹⁹ VTV Báo điện tử NEWS (2023) ‘*Sôi nổi hoạt động giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản*’, truy cập 30/06/2023 <https://vtv.vn/xa-hoi/soi-noi-hoat-dong-giao-luu-van-hoa-viet-nam-nhat-ban-20230514204208895.htm>

ở Việt Nam cho đến nay mới khoảng hơn 200 cuốn, tác giả nổi tiếng Haruki Murakami với nhiều tác phẩm điển hình “Rừng Na Uy” “Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời”... Gần 30 năm trước cuốn sách “Totochan- cô bé bên cửa sổ” của nữ nhà văn Tetsuko Kuganagi đã được đón nhận nồng nhiệt. Những năm gần đây có một số tác phẩm nổi tiếng như Kimi no na wa (君の名は) của Shinkai Makoto, hay “Ame và Yuki – Những đứa con của sói” cũng được xuất bản và bán chạy ở Việt Nam. Tuy nhiên mặc dù văn học Nhật Bản nổi tiếng với bề dày lịch sử hơn 1000 năm nhưng với số lượng ít ỏi, ít được dịch sang tiếng Việt nên bức tranh về văn học Nhật Bản tại Việt Nam còn nhiều tồn đọng.

Ngoài ra, để tạo điều kiện cho việc tăng cường hiểu biết Nhật Bản tại các nước khác, Nhật Bản đã hỗ trợ các đài truyền hình địa phương trong việc phát sóng các chương trình truyền hình về Nhật Bản và tổ chức công chiếu, phát vé miễn phí các bộ phim của quốc gia trong tuần lễ Liên hoan phim Nhật được tổ chức tại Việt Nam lần đầu tiên từ năm 1993, và sau đó trở thành hoạt động thường niên do Trung tâm Giao lưu văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam (The Japan Foundation) phối hợp với các cơ quan địa phương tổ chức. Liên hoan phim Nhật Bản giới thiệu những bộ phim đặc sắc của điện ảnh, nhiều thể loại khác nhau như tình cảm, hài hước, gia đình, nhạc kịch, hoạt hình và cả phim tài liệu. Tính đến ngày 28/02/2022 Liên hoan Phim Nhật Bản tại Việt Nam đã trải qua 13 lần tổ chức, thông qua kênh Điện ảnh trực tuyến của Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản 20 bộ phim đặc sắc sẽ được trình chiếu lần này. Trình chiếu những bộ phim được chọn trong tuần lễ Liên hoan phim Nhật Bản đều là những bộ phim được đánh giá cao về giá trị nội dung bởi các nhà chuyên môn, phản ánh nhiều mặt của văn hóa, xã hội hiện đại Nhật Bản; đồng thời thể hiện những nét đặc sắc riêng không thể trộn lẫn của điện ảnh Nhật Bản - một trong những nền điện ảnh lớn và giàu bản sắc. Giám đốc Liên hoan phim Nhật Bản Masafumi Konomi nhận định: *“Thay vì đến thăm hay sinh sống tại Nhật Bản một thời gian để trải nghiệm sự đa dạng và độc đáo của nền văn hóa Nhật Bản, mọi người*

có thể bắt đầu quan tâm những bộ phim của Nhật Bản - những thước phim sống động sẽ ghi lại và mô tả cuộc sống Nhật Bản một cách chân thực nhất từ nhiều góc độ khác nhau...’’²⁰

Mặc dù điện ảnh Nhật Bản phát triển bậc nhất ở châu Á với số phim hằng năm thuộc top 10 (thậm chí là top 5) với nhiều giải thưởng quốc tế uy tín (Oscar, Quả Cầu Vàng,..) công nghệ làm phim thuộc hàng hiện đại, nền công nghiệp sản xuất phim hoạt hình của Nhật ước tính chiếm 60% phim sản xuất trên thế giới và tiếp cận khán giả Việt Nam thuộc hàng sớm nhất nhưng số phim công chiếu vẫn còn ít và ảnh hưởng của phim điện ảnh Nhật tới khán giả Việt Nam còn thua xa so với ảnh hưởng của phim điện ảnh Mỹ hay Hàn Quốc. Ngoài lí do là phim điện ảnh của Nhật hay truyền hình Nhật những năm qua không quá chú trọng đến sự nổi bật long lanh về vẻ ngoài, kén người xem và ít ý tưởng, ít quảng bá rộng rãi thì còn một số lý do như: Các bộ phim truyền hình và phim về điện ảnh Nhật Bản hầu hết giá khá đắt. Những bộ phim Nhật Bản chiếu từ năm 1993 đến nay đều là phim được chiếu miễn phí dưới sự tài trợ hữu nghị của Nhật Bản trong khuôn khổ các liên hoan phim. Hơn nữa sự phát triển và đổ bộ của văn hóa Hàn Quốc (làn sóng Hallyu) vào Việt Nam cũng vô cùng mạnh mẽ.

Các cơ quan tổ chức cũng nắm vai trò quan trọng chủ chốt trong việc trao đổi văn hóa thông qua nhân dân cũng như truyền thông, ấn phẩm và nghe nhìn để văn hóa Nhật Bản tiếp cận gần nhất với người dân Việt Nam với một số hoạt động như: Trung tâm thông tin văn hóa Nhật Bản (Japan Information Center) nằm trong khuôn viên Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam cung cấp và cho mượn tài liệu, băng đĩa DVD về Nhật Bản. Trung tâm cũng tổ chức các buổi diễn thuyết, hội thảo về các chủ đề liên quan đến Nhật Bản. Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam cũng hỗ trợ các tổ chức và cá nhân Việt Nam trong việc tổ chức các sự kiện giới thiệu văn hóa Nhật Bản bằng cách cung cấp thiết bị

²⁰ Minh Khang (2022). Liên hoan phim Nhật Bản tại Việt Nam, Trang tin điện tử Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh, truy cập 17/04/2023 <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/lien-hoan-phim-nhat-ban-tai-viet-nam-2022-1491900468>

hỗ trợ như máy chiếu, loa, màn hình.... Đại sứ quán cũng thường xuyên phát hành các ấn phẩm về Nhật Bản như tạp chí Japan Spotlight, sách Japan Review, sách Japan Fact Sheet....Các tổ chức và cá nhân Nhật Bản cũng tham gia vào việc trao đổi các ấn phẩm xuất bản và nghe nhìn của Nhật Bản ở Việt Nam. Ví dụ, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã phát hành các ấn phẩm về các dự án hợp tác giữa Nhật Bản và Việt Nam, Cơ quan Quảng bá Văn hóa Nhật Bản (Japan Foundation) đã phát hành các ấn phẩm về các hoạt động giao lưu văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam, Cơ quan Hỗ trợ Giáo dục Nhật Bản (Japan Student Services Organization) đã phát hành các ấn phẩm về du học Nhật Bản...

2.3.2. Hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật.

Một hoạt động mang tính thường xuyên và có tổ chức với quy mô lớn với mục đích giới thiệu văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam là các lễ hội. Có thể nói đây là cách nhanh nhất để tiếp cận trực tiếp đến số đông công chúng. Đối với người Việt Nam nhìn thấy hoa anh đào là nhớ tới Nhật Bản nhờ và “Lễ hội hoa anh đào”. Tại Việt Nam, lễ hội hoa anh đào được tổ chức từ năm 2007 tại Hà Nội đã đón rất nhiều người tham gia dù chỉ có một cây anh đào thật được trưng bày. Những năm sau đó được tổ chức ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, những năm sau đó số lượng cây thật ngày càng tăng lên, thu hút rất đông người đến tham quan, chụp hình. Lễ hội hoa anh đào tại Việt Nam thường được tổ chức vào cuối tháng 3 hoặc đầu tháng 4 hàng năm. Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, lễ hội hoa anh đào tại Việt Nam đã bị hủy bỏ. Tuy nhiên, dự kiến vào năm 2022, lễ hội hoa anh đào sẽ được tổ chức trở lại tại các thành phố lớn như Hà Nội (tại khuôn viên tượng đài Lý Thái Tổ), TP. Hồ Chí Minh (tại công viên 23/9) và Đà Nẵng (tại công viên Biển Đông) từ ngày 27/3 đến ngày 30/3/2022. Lễ hội hoa anh đào tại Việt Nam nhằm mục đích giao lưu và giới thiệu các nét văn hóa đặc sắc của Nhật Bản cho người Việt Nam, cũng như thắt chặt mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước. Lễ hội hoa anh đào tại Việt Nam có sự tham gia của nhiều gian

hàng trưng bày, giới thiệu về văn hóa, giáo dục, du lịch, thương mại và ẩm thực Nhật Bản; các chương trình nghệ thuật biểu diễn các nét văn hóa, nghệ thuật của hai nước; các hoạt động giao lưu văn hóa dân gian như gấp giấy origami, làm hoa vải tsumami, thưởng thức trà đạo, viết thư pháp...

Nhắc đến văn hóa nghệ thuật Nhật Bản không thể không nhắc đến các loại hình nghệ thuật truyền thống nổi tiếng của người Nhật như trà đạo Chadou (茶道) Nghệ thuật gấp giấy Origami (折り紙), cắm hoa Ikebana (生け花), hay võ thuật Karatedo, Kendo, múa dân gian Yosakoi,...Những nét đặc trưng văn hóa này hiện nay được đông đảo người dân Việt Nam biết tới nhưng chưa đủ mạnh để tạo thành trào lưu. Chủ yếu các hoạt động này do JF tổ chức dưới hình thức các buổi hội thảo, sinh hoạt câu lạc bộ..đối tượng tham gia chủ yếu là sinh viên, người học tiếng Nhật ở các trường, trung tâm ngoại ngữ. Có thể kể đến như: CLB Trà đạo Nhật Bản Soetsu Kai, là một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập năm 2014 bởi những người yêu thích trà đạo Nhật Bản. CLB thường tổ chức các buổi giao lưu trà đạo tại các địa điểm khác nhau ở TP.HCM và Hà Nội, cũng như tham gia các sự kiện văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam. Hay điển hình như Trường Nhật ngữ Sanko Việt Nam, là một trường dạy tiếng Nhật uy tín và chất lượng tại TP.HCM. Trường cũng tổ chức các hoạt động văn hóa Nhật Bản cho học viên và cộng đồng, trong đó có trà đạo. Trường đã hợp tác với CLB Trà đạo Nhật Bản Soetsu Kai để tổ chức buổi trải nghiệm Hội trà mùa xuân vào năm 2018. Ở Việt Nam có thể tham gia học hỏi tìm hiểu nghệ thuật cắm hoa với “Ikebana Việt Nam”, là một trung tâm đào tạo, tư vấn và tổ chức các sự kiện liên quan đến nghệ thuật cắm hoa Ikebana Nhật Bản. Trung tâm được thành lập bởi cô Nguyễn Thanh Tú, một nghệ nhân Ikebana có kinh nghiệm hơn 10 năm học và giảng dạy Ikebana tại Việt Nam và Nhật Bản. Trung tâm có trụ sở tại TP.HCM và Hà Nội, cung cấp các khóa học Ikebana cho mọi đối tượng và mọi trình độ.

Cùng với truyền thông (điện ảnh, ấn phẩm...) và các lễ hội còn có âm nhạc. Âm nhạc Nhật Bản tuy ít phổ biến ở Việt Nam nhưng cũng đang dần được biết đến nhiều hơn trong đời sống tinh thần của người dân. Sự kiện “Go!Go!Japan!” được tổ chức vào năm 2011 tại Hà Nội, là một chương trình âm nhạc lớn của Nhật Bản và Việt Nam, với sự tham gia của các ban nhạc rock hàng đầu Nhật Bản như Molicе, Okamoto’s và Electric Eel Shock, cùng với các ban nhạc rock Việt Nam như Ngũ Cung và Rosewood. Ban nhạc nổi tiếng nhất đến từ Nhật Bản ở Việt Nam là Yosakoi-bushi, một điệu múa truyền thống của Nhật Bản. Có một cộng đồng được gọi là Hanoi Sennen Yosakoi team, họ đôi khi biểu diễn các điệu múa như một lễ kỷ niệm tại khai trương các cơ sở thương mại và nhà hàng Nhật Bản. Kitaro, một huyền thoại âm nhạc Nhật Bản, đã đến Việt Nam biểu diễn vào năm 2014 tại Hà Nội và TP.HCM. Kitaro là một nhà soạn nhạc và nhạc sĩ biểu diễn đa nhạc cụ, nổi tiếng với phong cách âm nhạc New Age kết hợp giữa âm thanh tự nhiên và âm thanh điện tử. Giao lưu âm nhạc giữa Nhật Bản với Việt Nam, giữa Nhật Bản và Thế giới có thể nhắc đến “Đêm nhạc cổ điển Toyota” là một chương trình âm nhạc thường niên do Công ty ô tô Toyota Việt Nam tổ chức, nhằm thúc đẩy giao lưu văn hóa và quảng bá nhạc cổ điển đến với khán giả trong mọi độ tuổi. Chương trình có sự tham gia của nhiều dàn nhạc giao hưởng nổi tiếng trên thế giới đến từ Anh quốc, Hungary, Ba Lan... Lần đầu tiên đêm nhạc cổ điển Toyota được tổ chức tại Việt Nam vào năm 1998. Từ đó đến nay, chương trình đã diễn ra 21 lần, thu hút hàng chục nghìn khán thính giả và gây quỹ từ thiện hơn 1 tỷ đồng. Chương trình năm 2018 có chủ đề “The Romantic Love Songs” (Những bản tình ca lãng mạn), diễn ra vào ngày 17/11/2018 tại Nhà hát lớn Hà Nội. Chương trình có sự góp mặt của dàn nhạc London Chamber Orchestra (LCO) - dàn nhạc giao hưởng lâu đời nhất thủ đô London và nghệ sĩ violin trẻ tuổi Bùi Công Duy - người được mệnh danh là “Hoàng tử violin” của Việt Nam. Tuy Nhật Bản có những nghệ sĩ đoạt giải thưởng danh giá Grammy nhưng các tác phẩm của họ lại tương đối khép kín với bên ngoài. Các nghệ sĩ Nhật Bản có xu hướng tập trung phục vụ khán giả trong nước, họ chỉ hát tiếng Nhật, không mấy khi dùng ngôn ngữ khác. Nhạc đại chúng

(J-Pop) Nhật Bản cũng có đặc trưng riêng, không đón đầu và áp dụng nhiều xu hướng hiện đại, không quá rực rỡ, hoành tráng về hình ảnh nên ít thu hút khán giả trẻ tuổi. Hiện tại âm nhạc Nhật Bản giới thiệu đến công chúng chủ yếu chỉ mới dừng lại ở những chuyên biểu diễn trong khuôn khổ các tuần lễ giới thiệu Nhật Bản về văn hóa,

NGVH trong lĩnh vực nghệ thuật rất đa dạng, nhiều màu sắc, dễ tiếp cận với người dân vì phù hợp với nhiều độ tuổi và nhiều thành phần khác nhau. Hoạt động không bị giới hạn hay quá bó buộc về những hiệp định, hiệp ước khắt khe. Tuy vậy các hoạt động trao đổi nghệ thuật của hai nước và sự hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản dành cho lĩnh vực nghệ thuật vẫn rất được chú trọng. Từ đầu thế kỷ XXI quan hệ ngoại giao văn hóa giữa hai nước có nhiều bước tiến, Hằng năm Festival Văn hóa – Du lịch Việt Nam được tổ chức tại nhiều thành phố của Nhật Bản và ngược lại, thu hút nhiều sự quan tâm của đông đảo quần chúng nhân dân hai nước.

Từ năm 2000 trở đi, có bước tiến lớn trong quan hệ văn hóa giữa hai nước, khi các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật song phương nở rộ. Năm 2006 được coi là năm xúc tiến giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản với sự kiện Festival Nhật Bản được tổ chức ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh với quy mô chưa từng có. Tháng 3/2008 diễn ra các hoạt động giao lưu văn hóa kỷ niệm 35 năm Quan hệ Ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản với sự tham gia của đông đảo giới tri thức thuộc các lĩnh vực: đào tạo nhân lực, bảo tồn di sản văn hóa, giao lưu văn hóa nghệ thuật...bàn về việc thúc đẩy hơn nữa giao lưu văn hóa Việt Nhật, Đại nhạc hội Nhật – Việt (2008)... Năm 2013 với sự kiện quan trọng kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Trong năm đó, có rất nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, thể thao, du lịch được tổ chức tại cả Việt Nam và Nhật Bản, thu hút sự quan tâm và tham gia của công chúng hai nước. Một số sự kiện nổi bật có thể kể đến như: Triển lãm “Búp bê truyền thống Nhật Bản” và các hoạt động liên quan tại Hà Nội vào tháng 3 năm 2013. Chuyến tàu Hữu nghị Việt - Nhật có gắn logo kỷ niệm Năm hữu nghị Việt - Nhật khởi hành từ

Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2013. Đại nhạc hội Nhật - Việt tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh vào tháng 9 với sự góp mặt của các ca sĩ và ban nhạc nổi tiếng của hai nước. Và Lễ hội mùa Xuân Việt - Nhật tại Hà Nội vào tháng 4 và Lễ hội Văn hóa - Du lịch Việt Nam tại Tokyo vào tháng 9 năm 2013.

Ngoài các Lễ hội lớn do chính phủ hai bên tổ chức ở các thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì ở các địa phương cũng có nhiều hoạt động giao lưu văn hóa tiêu biểu như Lễ hội giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản là sự kiện thường niên nhằm thúc đẩy hợp tác, giao lưu trên lĩnh vực văn hóa giữa Hội An với các tổ chức, cá nhân, địa phương của Nhật Bản. Lễ hội được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2003 và đã trở thành một điểm hẹn văn hóa ấn tượng, thu hút sự quan tâm và tham gia của công chúng hai nước. Lễ hội năm 2022 là lần thứ 18 được tổ chức từ ngày 26-28/8/2022. Lễ hội có nhiều hoạt động giao lưu văn hóa sôi nổi, mang đậm chất liệu đặc trưng văn hóa giữa hai quốc gia, như khai trương Nhà văn hóa Nhật Bản, tái hiện đám cưới của Công nữ Ngọc Hoa và thương nhân Araki Sotaro, đua ghe ngang, cuộc thi cosplay, trải nghiệm ẩm thực Việt Nam - Nhật Bản.... Tại Đà Nẵng Lễ hội giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản ở Đại học Đông Á là một trong những chương trình ngoại giao văn hóa của Nhật Bản diễn ra thường niên từ năm 2016. Chương trình cũng là dịp để Đại học Đông Á ký kết các hợp tác chiến lược với các đối tác Nhật Bản về chương trình internship - làm việc tại Nhật cho sinh viên các ngành. Hiện tại, Đại học Đông Á có hơn 130 đối tác Nhật Bản hợp tác đào tạo và việc làm cho sinh viên. Chương trình cũng có sự góp mặt của Hiệp hội giao lưu văn hóa thể thao Việt Nam Nhật Bản (Favija), trao học bổng là chuyến tham quan, trải nghiệm cuộc sống Nhật Bản trong 10-15 ngày cho sinh viên giải nhất cuộc thi Hùng biện tiếng Nhật tranh cúp Hoa Anh Đào năm 2022. Trong khuôn khổ các chương trình hướng đến chào mừng kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (21/9/1973 - 21/9/2023). Lễ hội giao lưu văn hóa do trường tổ chức hướng tới có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp và tổ chức Nhật Bản, cùng với các trường THPT trên địa bàn và hơn 4.000 lượt sinh viên, học sinh tại Đà Nẵng và Nhật Bản. Chương trình có

nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, phỏng vấn trực tiếp và trực tuyến, trao đổi kinh nghiệm làm việc và du học tại Nhật Bản. Chương trình cũng có không gian trưng bày và trình diễn các nét văn hóa đặc sắc Việt Nam - Nhật Bản, như trà đạo, origami, thư pháp, truyện tranh, áo dài - kimono - yukata... Chương trình còn có các hoạt động đồng hành như cuộc thi tài năng Việt Nam - Nhật Bản, cuộc thi ẩm thực Hàn Quốc, lễ hội làm bánh mochi và takoyaki, lễ hội mì ống trúc nagashi somen và lễ hội yosakoi...Thu hút sự chú ý của sinh viên, người dân và đặc biệt là những người yêu thích văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam.

Trong lĩnh vực sân khấu, năm 1992-1993, nhiều đoàn nghệ thuật Nhật Bản đã sang thăm Việt Nam, biểu diễn các chủ đề văn hóa như cắm hoa, thả diều. Các nghệ sĩ Việt Nam cũng phối hợp với các nghệ sĩ Nhật Bản giới thiệu nghệ thuật múa rối nước truyền thống của Việt Nam. Năm 1994, đoàn biểu diễn trà đạo gồm 35 thành viên từ trường phái Chado Urasenke Nhật Bản đã đến Việt Nam biểu diễn²¹. Năm 2013 Nhà hát Tuổi trẻ của Việt Nam tiếp nhận viện trợ kỹ thuật sân khấu hiện đại từ Chính phủ Nhật Bản. Dự án tiếp tục đến năm 2014, đây là một trong những hoạt động hợp tác văn hóa giữa hai nước nhằm nâng cao chất lượng biểu diễn và thu hút khán giả. Theo đó, Nhà hát Tuổi trẻ đã được trang bị các thiết bị âm thanh, ánh sáng, màn hình LED và các phụ kiện sân khấu hiện đại, đồng thời được tập huấn về kỹ thuật sử dụng và bảo trì các thiết bị này. Viện trợ kỹ thuật sân khấu hiện đại của Nhật Bản đã góp phần làm mới và đa dạng hóa các chương trình nghệ thuật của Nhà hát Tuổi trẻ, mang lại cho khán giả những trải nghiệm thú vị và ấn tượng.

Ngoài ra phim điện ảnh truyền hình có sự hợp tác giữa Nhật Bản và Việt Nam cũng là một trong những hình thức giao lưu văn hóa giữa hai nước. Có nhiều bộ phim nổi tiếng như: Mùa sen (2004) là bộ phim truyền hình do VTV và NHK Nhật Bản hợp

²¹ Ngô Lan Hương (2012), Quan hệ văn hóa Việt Nam – Nhật Bản giai đoạn từ 1993 đến nay, Tạp chí Viện Nghiên cứu Nhật Bản, truy cập 12/04/2023 <http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=623>

tác sản xuất, kể về cuộc đời của một cô gái Việt Nam mang tên “Sen” (do Thanh Thúy đóng), từ khi còn là một cô bé sống trong ngôi làng ven sông cho đến khi trưởng thành và gặp gỡ người yêu là một chàng trai Nhật Bản (do Takaya Kamikawa đóng). “Trái tim bé bỏng” (2008) là bộ phim truyền hình do VTV và WOWOW Nhật Bản sản xuất. Phim kể về cuộc sống của hai gia đình Việt - Nhật có liên quan đến nhau qua hai đứa trẻ được trao đổi nhằm khi sinh ra. “Người cộng sự” (2013) là bộ phim truyền hình lấy cảm hứng từ cuộc đời, thân thế, sự nghiệp của chí sĩ Phan Bội Châu, ra mắt khán giả vào năm 2013, nhân dịp kỉ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt – Nhật, được thực hiện bởi Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) và Đài Truyền hình TBS Nhật Bản. Với phim điện ảnh đầu tiên do Nhật Bản và Việt Nam đồng sản xuất “Hòa cùng làn gió Việt” (2015) dựa trên tiểu thuyết Bà nội từ Echigo, Nhật tới sống ở Việt Nam của nhà văn Miyuki Komatsu. Phim kể về câu chuyện của Misao, một người phụ nữ Nhật Bản 62 tuổi, sống ở Hà Nội làm nghề dạy tiếng Nhật. Bà quyết định đưa mẹ mình, cụ Shizue 82 tuổi bị bệnh Alzheimer và tâm thần, sang Việt Nam để sống cùng. “Nhắm mắt thấy mùa hè” (2018) là bộ phim điện ảnh thứ hai do Nhật Bản và Việt Nam đồng sản xuất, dựa trên câu chuyện có thật của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh. Gần đây nhất là bộ phim “Đảo của dân ngụ cư” (2021) do Việt Nam và Nhật Bản hợp tác sản xuất, dựa trên tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Dương Hữu Phước, kể về cuộc sống của những người dân ngụ cư trên một hòn đảo nhỏ ở miền Tây sông nước, họ phải đối mặt với nhiều khó khăn khi bị xã hội lãng quên và thiên tai đe dọa. Sự mở rộng hợp tác trên lĩnh vực truyền hình và điện ảnh này đã đem đến cơ hội cho khán giả cả hai đầu Việt Nam – Nhật Bản hiểu thêm về thiên nhiên, đất nước, con người và văn hóa, lối sống của nhau. Những khung hình đẹp được quay trong phim ở hai nước giúp phát triển du lịch hơn.

Tóm lại ngoại giao văn hóa nghệ thuật gồm rất nhiều hoạt động, lĩnh vực cả truyền thống và hiện đại của Nhật Bản tại Việt Nam đã phát triển rất nhiều từ năm 1993 đến nay, tuy có nhiều thăng trầm nhưng các lĩnh vực hợp tác khá đa dạng và phong phú đạt

được nhiều thành quả. Với đặc trưng văn hóa nghệ thuật riêng và ấn tượng chính phủ Nhật Bản đã gây dựng một chỗ đứng nhất định trong việc truyền bá văn hóa ở Việt Nam.

2.3.3 Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và nhân lực.

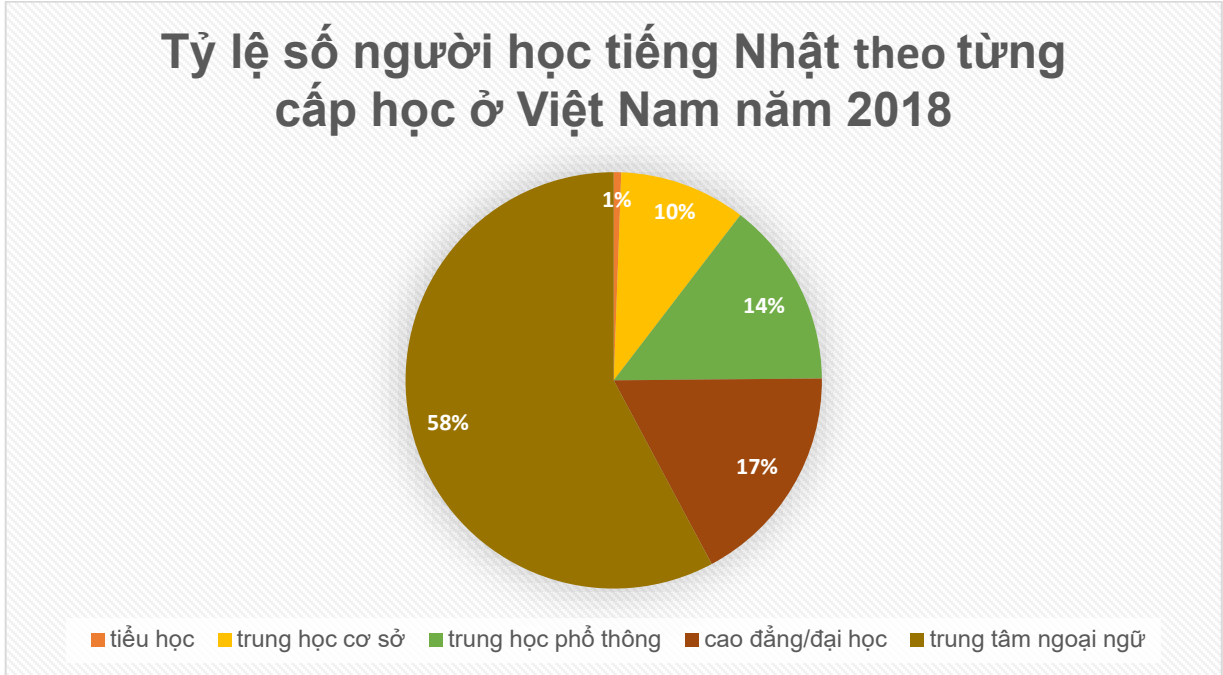
2.3.3.1. Hoạt động giáo dục, đào tạo tiếng Nhật tại Việt Nam

Trong các chính sách ngoại giao văn hóa thì giáo dục chính là điểm quan trọng nhất để xây dựng “sức mạnh mềm” của một quốc gia. Vì vậy, mọi quốc gia trong khả năng của mình đều cố gắng phát triển giáo dục bền vững, Nhật Bản cũng không nằm ngoài xu thế này, phổ cập tiếng Nhật sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho các quốc gia tìm hiểu về đất nước Nhật Bản dễ dàng hơn. do đó để phát huy nguyên tắc “truyền bá” đã đặt ra, bên cạnh công cụ văn hóa, Nhật Bản đã nghiên cứu xây dựng thêm các công cụ hỗ trợ tiếng Nhật, nhằm mở rộng phạm vi phủ sóng của tiếng Nhật tại Đông Nam Á. Đặc biệt trong những năm gần đây, khi NGVH trở thành một chính sách quan trọng trong hoạt động ngoại giao của Nhật Bản, chương trình thúc đẩy phát triển đào tạo tiếng Nhật ở Đông Nam Á cũng như Việt Nam đã trở thành một trong những hoạt động trọng yếu Nhật Bản. Hiện nay, giáo dục tiếng Nhật đang dần trở thành một ngôn ngữ được giảng dạy không chỉ trong trường học mà còn được giảng dạy ở nhiều cơ sở khác ở khắp nơi trên thế giới. Tiếng Nhật trở thành một công cụ để giao lưu văn hóa và cải thiện quan hệ quốc tế, và số người học ở đây là theo con đường chính thống không bao gồm những người tự học tiếng Nhật thông qua Internet, tạp chí, sách vở, đài phát thanh, phim ảnh,... Để đáp ứng được nhu cầu học tiếng Nhật chính phủ Nhật Bản đã nỗ lực đáp ứng theo yêu cầu cụ thể của từng quốc gia, từ đó đưa ra những chính sách phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời hỗ trợ đúng đối tượng, đúng thời điểm, nâng cao hiệu quả đào tạo tiếng Nhật tại Việt Nam. Đầu tiên, chính phủ Nhật Bản đã giao phó Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản là cơ quan chuyên trách trong việc phát triển Ngoại giao văn hóa Nhật Bản nói chung và thúc đẩy đào tạo tiếng Nhật ở Việt Nam nói riêng, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp quốc tế hóa tiếng Nhật ngang hàng với một số ngôn ngữ khác. Chuẩn giáo dục tiếng Nhật

của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản ra đời vào năm 2005 dựa trên cơ sở khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (CEFR), được đưa ra để đảm nhận vai trò trung tâm của nó. Nhờ có khung chuẩn này mà chính phủ Nhật mong muốn tất cả người dạy và học tiếng Nhật hay đơn giản là những người quan tâm đến tiếng Nhật đều có thể đứng trên cùng một nền tảng chung, khiến cho tiếng Nhật trở nên dễ học hơn và tính hữu dụng của tiếng Nhật cũng trở nên dễ dàng hơn, qua đó góp phần làm cho sự nghiệp giáo dục tiếng Nhật ngày càng phát triển và sự hiểu biết lẫn nhau trên phạm vi quốc tế ngày càng được thúc đẩy hơn nữa.

Theo số liệu báo cáo nhanh của Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) năm 2018, tỷ lệ số người học tiếng Nhật trên tổng số dân ở Việt Nam là 0.18%, cao hơn so với các nước khác trong khu vực như Thái Lan (0.15%), Indonesia (0.07%), Malaysia (0.06%) và Philippines (0.03%).

Theo cùng nguồn báo cáo, tại Việt Nam có 818 đơn vị đào tạo tiếng Nhật (đứng thứ 7 trên thế giới), số giáo viên là 7.030 (đứng thứ 3 trên thế giới) và tổng số 174.461 người học (đứng thứ 3 thế giới). Trong đó, số người học tiếng Nhật theo cấp học như sau: tiểu học: 1.000 người, trung học cơ sở: 17.000 người, trung học phổ thông: 25.000 người, cao đẳng/đại học: 30.000 người, các trung tâm ngoại ngữ: 100.000 người.



Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ số người học tiếng Nhật theo từng cấp học ở Việt Nam năm 2018

Nguồn: Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản ²²

Theo báo cáo của Duolingo, một trong các ứng dụng học ngôn ngữ phổ biến nhất thế giới, năm 2021 tiếng Nhật là ngôn ngữ được học nhiều thứ 5 trên thế giới và có lượng người học tăng nhanh nhất tại Mỹ và Anh. Tiếng Nhật cũng là một trong những ngôn ngữ được học nhiều nhất tại Việt Nam. Cũng theo số liệu báo cáo nhanh của Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) năm 2018, số lượng người học tiếng Nhật tại Việt Nam lên tới gần 175.000 người, đứng thứ sáu trên thế giới. So với kết quả điều tra lần trước vào năm 2015, tốc độ tăng số người học tiếng Nhật của Việt Nam là cao nhất thế giới, với mức tăng 110.000 người.

Theo số liệu đến tháng 1/2021, tiếng Nhật được dạy như ngoại ngữ thứ nhất và thứ hai tại hơn 40 tỉnh, thành phố trong cả nước và là một trong những ngoại ngữ được

²² Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản JapanFoundation, truy cập 20/05/2023, <https://jpf.org.vn/thong-tin-chung-cua-giao-duc-tieng-nhat>

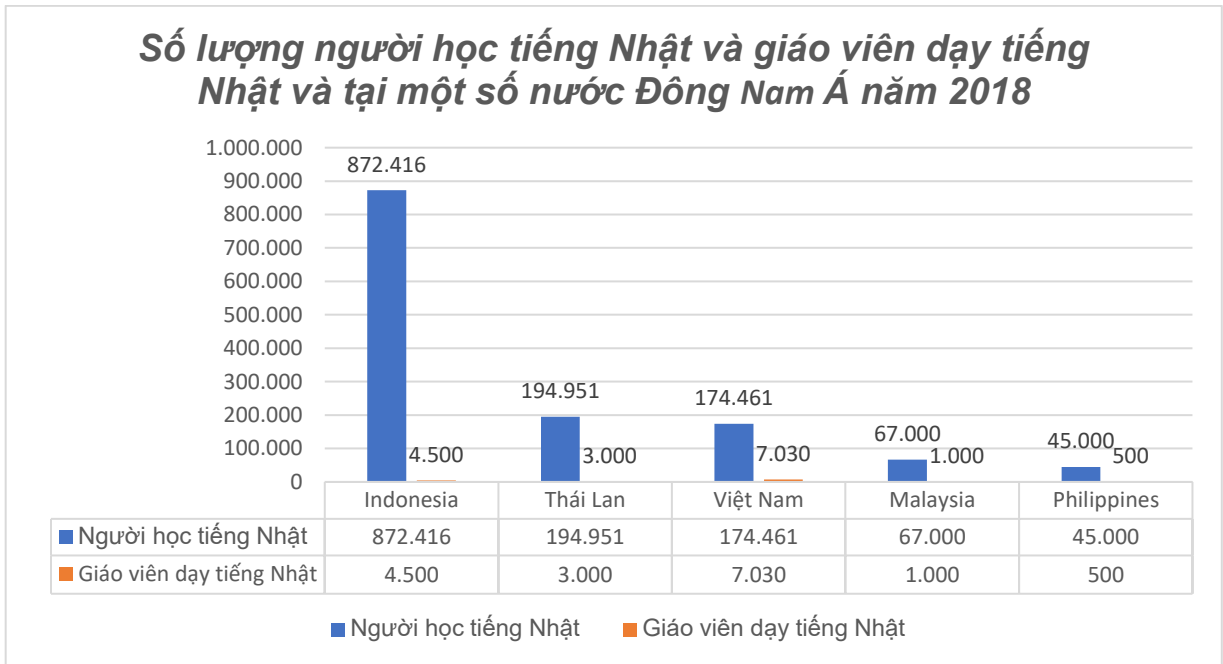
chọn dạy trong kỳ thi tốt nghiệp THPT. Có 37 trường trung học phổ thông, 82 trường trung học cơ sở và 2 trường tiểu học chính thức dạy tiếng Nhật (cũng có một số trường dạy tiếng Nhật, hay các câu lạc bộ). Năm 2018, có 26.239 học sinh THPT, THCS và 2.054 học sinh Tiểu học học tiếng Nhật. Cụ thể, tiếng Nhật hiện đang được dạy ở Việt Nam theo các cách sau. Ngoại ngữ 1 (theo chương trình 7 năm) - lựa chọn ngoại ngữ 2 không bắt buộc từ lớp 6; lựa chọn ngoại ngữ 2 không bắt buộc từ lớp 10. Hoạt động ngoại ngữ (bậc tiểu học, THCS và THPT) và ngoại ngữ 1 theo chương trình 10 năm (từ lớp 3) đối với nhóm học sinh học điểm (nhưng đã nhập vào nhóm ngoại ngữ 1 theo chương trình 7 năm từ lớp 6).²³

Không thể không kể đến vai trò vô cùng quan trọng của đội ngũ giáo viên và những người làm công tác truyền đạt kiến thức và phổ biến tiếng Nhật tại Việt Nam. Đối với đội ngũ này Nhật Bản đã có nhiều chính sách hỗ trợ cụ thể. Đó là chương trình cử chuyên gia và các trợ lý giảng dạy tiếng Nhật đến các trụ sở của chính phủ Nhật, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường trung học, cao đẳng, đại học ở Việt Nam. Những chuyên gia này là người có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực đào tạo tiếng Nhật, do đó có thể góp phần trong việc xây dựng chương trình học, xây dựng giáo trình, phương pháp giảng dạy và phát triển mạng lưới giáo viên tiếng Nhật ở bên ngoài. Một chương trình không kém phần quan trọng đó là chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ về Văn hóa và Ngôn ngữ Nhật Bản dành cho giáo viên người nước ngoài và các chương trình đào tạo tiếng dành cho giáo viên trung học, đại học có thời hạn Tanki (ngắn hạn từ 2 - 4 tháng) và Choki (dài hạn từ 6 tháng trở nên) tại Trung tâm tiếng Nhật quốc tế ở Kita Urawa, hay một số chương trình tiếng Nhật dành cho nghiên cứu viên, sinh viên đại học, thư viện viên (khóa 7 tuần, 4 tháng, 6 tháng, hoặc 8 tháng) ở Trung tâm tiếng Nhật Kansai, Osaka trực thuộc Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản. Những chương trình này cung cấp

²³ Phương Lan (2021) Việt Nam đứng thứ 6 thế giới về số người học Tiếng Nhật, *VOV2 Văn hóa – Xã hội*, Giáo dục – Đào tạo 28/11/2021. truy cập 20/05/2023. <https://vov2.vov.vn/giao-duc-dao-tao/viet-nam-dung-thu-6-the-gioi-ve-so-nguoi-hoc-tieng-nhat-31029.vov2#>.

một cách tiếp cận liên ngành và hoàn toàn mới về đào tạo Nhật ngữ và nghiên cứu Nhật Bản giúp các học viên đạt được một sự hiểu biết thấu đáo về văn hóa, xã hội bên cạnh trình độ chuyên môn là tiếng Nhật. Những học viên bằng trải nghiệm thực tế của mình, sau khi về nước có khả năng nâng cao phương pháp giảng dạy, truyền bá tích cực văn hóa và ngôn ngữ Nhật Bản tới các học sinh, sinh viên.

Theo báo cáo nhanh của Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật bản (Japan Foundation) năm 2018, Việt Nam là nước có người học tiếng Nhật lớn thứ 6 trên thế giới và đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á với số giáo viên dạy tiếng Nhật tại Việt Nam là hơn 7.030 người.



Biểu đồ 2.2 Số lượng người học tiếng Nhật và giáo viên dạy tiếng Nhật và tại một số nước Đông Nam Á năm 2018

Nguồn: Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật bản (Japan Foundation)²⁴

²⁴ Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản JapanFoundation, truy cập 20/05/2023, <https://jpf.org.vn/thong-tin-chung-cua-giao-duc-tieng-nhat>

Đánh giá về thực trạng giáo dục tiếng Nhật, số lượng giáo viên tiếng Nhật ở Việt Nam nói riêng và Đông Nam Á nói chung rất ít, dù trong vài năm trở lại đây số lượng giáo viên đã tăng lên khá nhiều tuy nhiên có lẽ vẫn còn thiếu. Với trình độ hiện nay thì rất hiếm trường đại học giảng dạy sư phạm tiếng Nhật. Hiện nay, chỉ có Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội chính thức có hệ thống đào tạo giáo viên tiếng Nhật theo chuẩn ngành sư phạm tiếng Nhật. Quỹ Giáo dục Quốc tế Nhật Bản cũng tổ chức các khoá học nhằm lấy chứng chỉ giảng dạy tuy nhiên từ góc độ quản lý nhà nước thì chứng chỉ như vậy không được thừa nhận về mặt pháp lý. Theo PGS.TS Ngô Minh Thủy, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Văn hóa, Ngôn ngữ và Giáo dục CLEF, để nâng cao chất lượng dạy tiếng Nhật ở Việt Nam, cần quan tâm hơn nữa các chính sách đối với người dạy và người học, tăng cường truyền thông, đưa tin về tiếng Nhật, tạo mạng lưới kết nối cộng đồng dạy tiếng Nhật ở cấp phổ thông, cải thiện điều kiện dạy và học, tạo nhiều cơ hội dạy và học như liên hoan, diễn đàn... Cùng với quan điểm trên PGS.TS Nguyễn Tô Chung, Phó Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia cho biết: Hiện nay, với sự giúp đỡ của Đại sứ quán Nhật Bản, Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam và các chuyên gia, việc biên soạn bộ giáo trình tiếng Nhật 1 và 2 đang được tích cực triển khai. Cụ thể, các hoạt động cần được đồng hành, hỗ trợ và tài trợ như sau: Hoàn thiện và biên soạn giáo trình tiếng Nhật Ngoại ngữ 1 và Ngoại ngữ 2; Thay mới; kiểm tra, đánh giá trong dạy và học tiếng Nhật theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế và chuẩn Nhật Bản; Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiếng Nhật đủ về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình mới và tăng cường trao đổi giáo viên; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải thiện điều kiện dạy và học tiếng Nhật; Đẩy mạnh truyền thông tạo môi trường dạy và học tiếng Nhật, tăng cường các hoạt động giao lưu văn hóa; Đặc biệt, đẩy mạnh xã hội hóa trong dạy và học tiếng Nhật, với sự hỗ trợ, tài trợ của các trung tâm ngoại ngữ, công ty Nhật Bản tại Việt Nam.

Năm 2016 chương trình tiếng Nhật - Ngoại ngữ 1 hệ 10 năm được đưa vào giảng dạy chính thức ở lớp 3. Năm 2019, sau khi hoàn thành chương trình tiếng Nhật cấp tiểu

học, tiếng Nhật được dạy chính thức tại những trường tiểu học có nhu cầu và điều kiện. Năm 2018 chương trình dạy học môn Ngoại ngữ 2 trong đó có tiếng Nhật được ban hành kèm theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Năm 2021 Bộ GD & ĐT chính thức ban hành chương trình môn tiếng Nhật – Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.²⁵

Ngoài ra, các cuộc thi năng lực tiếng Nhật JLPT (tên viết tắt của Japanese Language Proficiency Test (日本語能力試験 (にほんごのうりょくしけん)) . Đây là kỳ thi kiểm tra năng lực sử dụng tiếng Nhật dành cho tất cả mọi người trên thế giới không mang quốc tịch Nhật Bản. Bằng cấp đạt được ở mọi cấp độ sau kỳ thi sẽ có giá trị ở mọi nơi và được hầu hết các doanh nghiệp Nhật Bản trong và ngoài nước công nhận. Được tổ chức vào chủ nhật đầu tiên của tháng 7 và tháng 12 hàng năm cùng một lúc tại nhiều nơi trên thế giới, ở Việt Nam hiện nay đã có điểm thi ở cả Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật lớn nhất từ trình độ N1 đến N5. Cấp độ thấp nhất là N5 và cao nhất là N1, còn N2, N3, N4 là các cấp độ trung gian ở giữa. Tính đến thời điểm đợt 2 tháng 12/2021 kỳ thi năng lực tiếng Nhật JLPT đã được tổ chức tại 4 khu vực thi Hà Nội, Đà Nẵng, Huế và Hồ Chí Minh vào ngày 5/12/2021. Theo báo cáo của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản, số người đăng ký thi JLPT đợt 2 tháng 12/2021 tại Việt Nam là 23.000 người. Đây là con số tăng so với kỳ thi đợt 1 tháng 7/2021 khi chỉ có 20.000 người đăng ký thi. Ngoài ra, còn có các kỳ thi năng lực tiếng Nhật khác được tổ chức tại Việt Nam như JFT, JTest, Nat Test và Top J...thu hút được số người đăng kí tham gia thi đông đảo.

Bước tiến đáng kể trong quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước là xây dựng trường đại học chất lượng cao có yếu tố Nhật Bản duy nhất tại khu vực Đông Nam Á,

²⁵ Phương Lan (2021) Việt Nam đứng thứ 6 thế giới về số người học Tiếng Nhật, *VOV2 Văn hóa – Xã hội*, Giáo dục – Đào tạo, 28/11/2021.

Đại học Việt Nhật (Việt Nam) có vai trò quan trọng trong việc kết nối ASEAN và Nhật Bản. Trường Đại học Việt Nhật không chỉ tiếp nhận sinh viên Việt Nam mà cả những sinh viên từ các nước ASEAN cũng như sinh viên Nhật Bản. Ý tưởng xây dựng trường năm 2009, đến năm 2012 với sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Diễn đàn hợp tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản và Đại học Quốc gia Hà Nội tiến hành Nghiên cứu cơ bản cho dự án. 9/9/2016 Trường Đại học Việt Nhật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức khai giảng năm học mới đầu tiên 2016 – 2017. Đến năm 2022 với nhiều ngành đào tạo chương trình cử nhân như: cử nhân Nhật Bản học, Khoa học Kỹ thuật và Máy tính, Kỹ sư CLC Nông nghiệp thông minh & bền vững, Kỹ sư CLC kỹ thuật xây dựng. Và đang đào tạo bậc thạc sĩ với 8 chương trình: công nghệ nano, Kỹ thuật hạ tầng, kỹ thuật môi trường, chính sách công, khu vực học, quản trị kinh doanh, biến đổi khí hậu và phát triển, lãnh đạo toàn cầu (Global leadership).

Trong khi Đại học Việt Nhật trực thuộc hệ thống đại học công lập của Việt Nam thì trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam (Tokyo Human Health Sciences University Vietnam) là một đại học tư do Công ty TNHH Giáo dục Y khoa Nhật Bản (Japan Health Sciences Education Vietnam Co.,Ltd.) – một doanh nghiệp được cấp giấy phép đầu tư tại Việt Nam xây dựng với các ngành trọng tâm là điều dưỡng, xét nghiệm, y học, vật lý trị liệu, kỹ thuật hình ảnh y học. Trường nhận sinh viên có nhu cầu khắp Việt Nam, cả sinh viên các nước trong khu vực với đặc thù ngành như vậy trường hướng tới đào tạo các chuyên gia và điều dưỡng có trình độ để làm việc không chỉ Việt Nam mà còn cả Nhật Bản.

Hiện nay theo nhu cầu và sự phát triển không ngừng về chất lượng cũng như thị yếu học ngoại ngữ mà có rất nhiều trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam có khoa đào tạo tiếng Nhật như:

Miền Bắc: Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Ngoại Thương, Đại học FPT, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Dân Lập Phương Đông, Đại học Dân Lập Thăng Long, Cao Đẳng Ngoại Ngữ Công Nghệ Việt Nhật...

Miền Trung: Đại học Ngoại Ngữ Đà Nẵng, Đại học Ngoại Ngữ Huế, Đại học Quy Nhơn, Đại học FPT, Đại học Đông Á, Đại học Đà Lạt...

Miền Nam: Đại học Sư Phạm Thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Ngoại Ngữ Thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn, Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Hồng Bàng, Đại học Văn Hiến, Đại học Lạc Hồng, Đại học Công nghệ Đồng Nai...

Ngoài ra còn có nhiều trường quốc tế chuyên về đào tạo tiếng Nhật như trường Nhật Ngữ Đông Kinh, trường Nhật Ngữ Lapis, trường Ngôn Ngữ Sài Gòn, trường Nhật Ngữ IVY, trường Nhật Ngữ Đông Du, trường Nhật Ngữ Wakaba, trường Nhật Ngữ Hoa Mai, trường Nhật Ngữ Sakura, trường Nhật Ngữ Hikari,...

Như vậy có thể thấy chính sách giáo dục của Nhật Bản ở Việt Nam đang được đẩy mạnh trên tất cả các bậc học, phương diện và không ngừng mở rộng về quy mô và mức độ.

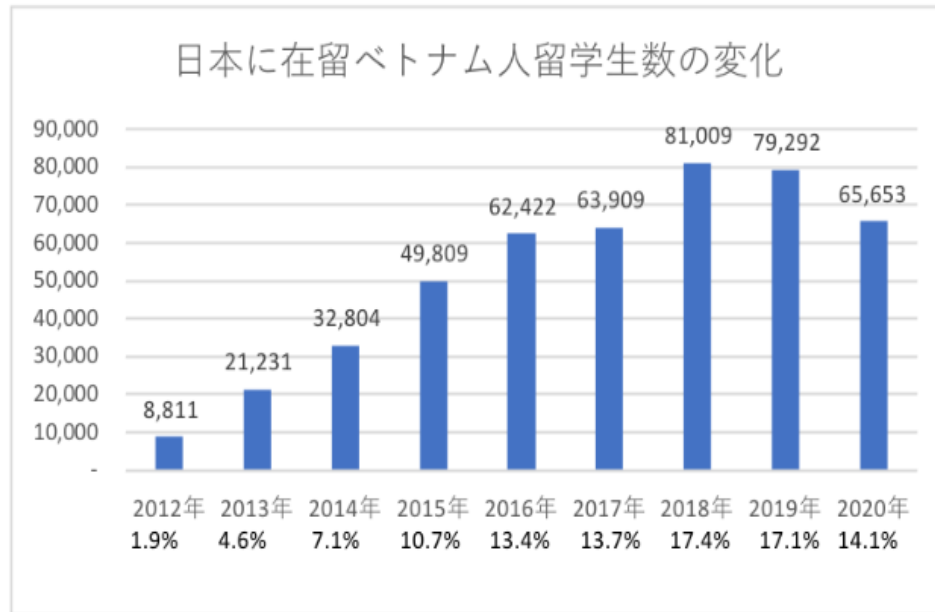
2.3.3.2 Chính sách ngoại giao văn hóa thông qua việc hỗ trợ du học sinh.

Nhật Bản đã có lịch sử tiếp nhận sinh viên nước ngoài hơn 100 năm, so với các nước khác trong khu vực châu Á, chất lượng giáo dục Nhật Bản luôn thuộc nhóm đứng đầu. Vì vậy việc học sinh, sinh viên hay học viên từ các quốc gia Đông Nam Á và đặc biệt là Việt Nam muốn sang Nhật Bản học tập, làm việc là rất dễ hiểu. Mối liên hệ ngoại giao nhân dân giữa hai nước thời kỳ cận – hiện đại nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng đã bắt nguồn từ phong trào Đông Du do nhà Nho sĩ yêu nước Phan Bội Châu khởi xướng. Tuy phong trào thất bại nhưng đã đặt nền móng đầu tiên cho sự tiếp thu văn hóa – giáo dục mang tính tích cực của thanh niên Việt Nam đối với Nhật Bản. Đến thế kỉ 20

một số đại diện nổi tiếng của Việt Nam đã đến Nhật du học như: Lương Đình Của là một nhà nông học nổi tiếng của Việt Nam, ông học ở Nhật Bản vào năm 1941, khi ông bỏ ngành thương mại chuyển sang ngành nông nghiệp với hoài bão là mang vốn kiến thức về phục vụ đất nước. Ông theo học Khoa Sinh vật thực nghiệm Trường Đại học Kyushu và sau đó được cấp học vị Bác sĩ Nông học tại Trường Đại học Tổng hợp Kyoto vào năm 1951. Ông là người trẻ nhất và cũng là người nước ngoài duy nhất được cấp học vị này tại Nhật Bản lúc bấy giờ. Hay có thể kể đến Đặng Văn Ngữ là một giáo sư, bác sĩ y khoa nổi tiếng của Việt Nam. Ông là bác sĩ đầu ngành nghiên cứu về ký sinh trùng và là người sản xuất thành công thuốc kháng sinh penicillin. Ông học ở Nhật Bản vào năm 1945, khi ông được sự khuyến khích của giáo sư M.Ota, một nhà nghiên cứu về penicillin. Ông đã tìm được một giống nấm tiết ra penicillin và đã thử nghiệm thành công trên chuột. Sau đó, ông trở về Việt Nam và tiếp tục nghiên cứu và sản xuất penicillin²⁶.

Từ năm 1993 đến nay số lượng du học sinh Việt Nam đến Nhật tăng mạnh sau mỗi năm, Tác động của vốn ODA và đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam. Theo cuốn sách nhỏ kỷ niệm 20 năm nói lại viện trợ ODA cho Việt Nam do JICA phát hành năm 2013, Nhật Bản đã cung cấp tổng cộng 2 nghìn tỷ yên vốn ODA từ năm 1992 đến năm 2011, trở thành quốc gia tài trợ lớn nhất. Được kích hoạt bởi nguồn vốn ODA và đầu tư, hoạt động của các công ty Nhật Bản tại Việt Nam ngày càng sôi động, tạo ra một chu kỳ gia tăng việc thuê nhân lực tại Việt Nam và nhu cầu nhân lực nói tiếng Nhật ngày càng tăng. Các trường đại học, cao học Nhật Bản tích cực thu hút sinh viên châu Á nên nhiều bạn trẻ Việt Nam chọn Nhật Bản vì dễ du học. Mặt khác, có ý kiến cho rằng du học châu Âu và Mỹ còn khó khăn vì học phí, thi cử và cấm sinh viên quốc tế đi làm thêm. Bảng dưới đây cho thấy sự thay đổi về số lượng du học sinh Việt Nam sinh sống tại Nhật Bản từ năm 2012 đến năm 2020 (theo Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản).

²⁶ Phùng Văn Khai (2022). Bác sĩ Đặng Văn Ngữ, thực học, thực hành biết mấy huân công, *Tạp chí Công an nhân dân*, truy cập 20/05/2023 <https://cand.com.vn/nguoi-trong-cuoc/bac-si-dang-van-ngu-thuc-hoc-thuc-hanh-biet-may-huan-cong-i676053/>



Biểu đồ 2.3. Biến động số lượng du học sinh Việt Nam từ 2012 đến 2020

Nguồn: Mikasa Juku Nhật Bản²⁷

Còn theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, số lượng du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản đã tăng từ 12.926 vào năm 2016 lên 54.849 vào năm 2020. Đây là một con số có thể thấy là ấn tượng cho thấy sự phát triển nhanh chóng của du học sinh. Cụ thể, theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, số lượng du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản trong 5 năm gần nhất (từ năm 2016 đến năm 2020) như sau: Năm 2016: 12.926, Năm 2017: 23.740, Năm 2018: 36.266, Năm 2019: 50.920, Năm 2020: 54.849.

Sự gia tăng liên tục mỗi năm thể hiện được sự hợp tác giáo dục ngày càng sâu rộng của chính phủ hai nước. Đồng thời cũng thể hiện được sự mở cửa của ngành giáo dục Nhật Bản đối với các nước trên thế giới, đặc biệt đối với Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Giáo dục được coi là chủ chốt trong các chính sách của mỗi quốc

²⁷ Mikasa Juku Nhật Bản. truy cập 21/05/2023 <https://mikasajyuku.jp/>

gia về ngoại giao văn hóa. Khi các bạn sinh viên trẻ đến Nhật sẽ có sự tiếp xúc trực tiếp với nền văn hóa đa dạng, hiện đại và cũng truyền thống của Nhật, đồng thời tiếp thu nền giáo dục cao, ngôn ngữ, niềm yêu thích tiếng Nhật nhiều hơn, từ đó có thể dễ dàng truyền bá văn hóa của mình hơn. Ngược lại lượng du học sinh lớn ở nhiều quốc gia với nhiều nền văn hóa khác nhau cũng giúp Nhật tạo nên sự đa dạng, quốc tế hóa trong giáo dục, tạo uy tín, nâng cao vị thế các trường học tại Nhật. Nhật Bản cũng cho phép du học sinh làm thêm ngoài giờ với giới hạn nhất định điều này giúp các bạn trẻ có thể trải nghiệm thực tế đời sống tại Nhật, trang trải chi phí sinh hoạt, còn Nhật Bản cũng có một lực lượng lao động trẻ năng động hơn.

Trước đây du học sinh Việt Nam đến Nhật Bản chủ yếu học các lĩnh vực nông nghiệp hay khoa học cơ bản nhưng hiện nay du học sinh Việt học những ngành gì ở Nhật phụ thuộc vào sở thích, khả năng và mục tiêu của từng người. Tuy nhiên, có một số ngành học được nhiều du học sinh lựa chọn vì có nhu cầu cao trên thị trường lao động và mức lương hấp dẫn. Một số ngành học phổ biến của du học sinh Việt ở Nhật: Điện tử, điện lạnh: Ngành này có nhiều cơ hội việc làm do nhu cầu của các công ty sản xuất thiết bị điện tử và công nghiệp phụ trợ. Công nghệ thông tin: Ngành này cũng rất hot tại Nhật Bản vì Nhật Bản là một quốc gia mạnh về công nghệ thông tin và có nhiều sáng tạo về phần mềm, máy tính và trí tuệ nhân tạo. Công nghệ sinh học: Đang phát triển mạnh tại Nhật Bản như cầu về kỹ thuật di truyền, tái tổ hợp DNA, y sinh và dược phẩm. Các ngành như điều dưỡng, hộ lý, y sĩ, bác sĩ đều được đào tạo chuyên sâu và có chứng chỉ quốc tế. Xây dựng: Cũng có nhu cầu cao tại Nhật Bản do các dự án xây dựng hạ tầng, nhà ở và công trình công cộng được đào tạo theo tiêu chuẩn cao và có khả năng làm việc trong môi trường khắc nghiệt. Cơ khí, ô tô: Ngành này liên quan đến các công ty sản xuất ô tô, máy móc và thiết bị công nghiệp hàng đầu thế giới của Nhật Bản. có khả năng thực hiện hành động cao cấp và có thể thực hiện được trong các nhà máy hiện đại. Du lịch, nhà hàng, khách sạn: Là ngành phù hợp với các du học sinh yêu thích giao tiếp, văn hóa và du lịch của Nhật Bản. cũng có thể làm thêm trong các cơ sở kinh doanh này để

kiểm thêm thu nhập. Biên phiên dịch: Ngành này rất cần thiết cho công việc giao lưu quốc tế giữa các quốc gia với Nhật. Về kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Nhật và một hoặc nhiều ngôn ngữ khác. Các du học sinh có thể làm việc trong các tổ chức, công ty, trường học hoặc tự doanh.

Năm 2019 – 2020 do ảnh hưởng của Dịch COVID 19 số lượng du học sinh nước ngoài trong đó có cả du học sinh Việt Nam giảm mạnh. Tuy nhiên Việt Nam vẫn đứng thứ 2 trong các quốc gia về số lượng du học sinh tại Nhật. Theo kết quả khảo sát của Tổ chức Hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) vào tháng 5-2020, số lượng sinh viên nước ngoài ở Nhật Bản đã giảm 10,4% so với một năm trước đó, xuống còn 279.597 người. Trước đó, số lượng sinh viên nước ngoài nhập học tại các trường đại học, trường dạy tiếng Nhật và các cơ sở giáo dục khác ở Nhật Bản đã tăng 7 năm liên tiếp, lên mức cao kỷ lục 312.214 người vào tháng 5-2019. Tính theo quốc gia/khu vực, số lượng sinh viên Trung Quốc đang học tập tại Nhật Bản vào đầu tháng 5-2020 là 121.845 người, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước đó. Việt Nam đứng thứ hai với 62.233 người, giảm 15,2%. Tiếp theo là Nepal với 24.002 người, giảm 8,8%. Số lượng sinh viên đến từ Hàn Quốc giảm 13,9%, xuống còn 15.785 người, trong khi những sinh viên đến từ vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) giảm tới 26%, xuống còn 7.088 người. Trong số các cơ sở giáo dục ở Nhật Bản, các trường dạy tiếng Nhật có lượng sinh viên nước ngoài giảm mạnh nhất (giảm 27,4%), xuống còn 60.814 người. Số lượng sinh viên nước ngoài ở các trường đại học cũng giảm 10,9%, xuống còn 79.826 người, và ở các trường sau đại học giảm 0,1%, xuống còn 53.056 người. Tuy nhiên, số lượng sinh viên nước ngoài ở các trường dạy nghề lại tăng 1,0% lên 79.598 người. Hiện nay khi dịch COVID 19 đã được kiểm soát, Nhật Bản đã gỡ bỏ một số biện pháp gắt gao, tình hình du học Nhật Bản đã bắt đầu khởi sắc trở lại.²⁸

²⁸ Nguồn Thông tấn xã Việt Nam (2021). Việt Nam đứng thứ 2 về số lượng du học sinh đang theo học tại Nhật Bản, *Báo Tuổi trẻ*, truy cập 25/05/2023 <https://tuoitre.vn/viet-nam-dung-thu-2-ve-so-luong-du-hoc-sinh-dang-theo-hoc-tai-nhat-ban-20210813145022972.htm>

Các cấp đào tạo du học sinh tại Nhật không còn giới hạn như trước nữa, mà có đầy đủ các cấp hơn cho du học sinh Việt Nam có sự lựa chọn phù hợp với mình như:

Trường tiếng Nhật: Đây là cấp đào tạo dành cho những du học sinh muốn nâng cao khả năng tiếng Nhật và chuẩn bị cho việc học tập ở các cấp độ cao hơn. Thời gian học tại trường tiếng Nhật từ 6 tháng đến 2 năm, tùy theo mục tiêu và trình độ của du học sinh. Để nhập học vào trường tiếng Nhật, du học sinh cần có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và chứng minh khả năng tài chính.

Trường cao đẳng nghề: Đây là cấp đào tạo dành cho những du học sinh muốn học một ngành nghề cụ thể và có kỹ năng thực hành cao. Thời gian học tại trường cao đẳng nghề từ 2 đến 3 năm, tùy theo chương trình và ngành học. Để nhập học vào trường cao đẳng nghề, du học sinh cần có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, chứng minh khả năng tài chính và có chứng chỉ tiếng Nhật N4 trở lên.

Trường cao đẳng: Đây là cấp đào tạo dành cho những du học sinh muốn học sâu về một lĩnh vực khoa học hoặc nhân văn. Thời gian học tại trường cao đẳng là 2 năm, sau khi tốt nghiệp du học sinh có thể chuyển tiếp sang trường đại học hoặc đi làm. Để nhập học vào trường cao đẳng, du học sinh cần có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, chứng minh khả năng tài chính và có chứng chỉ tiếng Nhật N2 trở lên.

Trường đại học: Đây là cấp đào tạo cao nhất dành cho những du học sinh muốn theo đuổi một môn học chuyên sâu và có bằng cấp quốc tế. Thời gian học tại trường đại học là 4 năm cho bậc cử nhân và 2 năm cho bậc thạc sĩ. Để nhập học vào trường đại học, du học sinh cần có bằng tốt nghiệp THPT hoặc cao đẳng, chứng minh khả năng tài chính và có chứng chỉ tiếng Nhật N1 hoặc N2.

Bên cạnh đó có một hệ thống học bổng dành cho sinh viên quốc tế muốn du học Nhật Bản và muốn học tại một trường học ở Nhật Bản. Việc tiếp thu và mong muốn tiếp thu, phát triển của các bạn trẻ Việt Nam ngày càng nhiều và là nhu cầu chính đáng và cần thiết. Trước đây sự chênh lệch kinh tế giữa hai nước khá lớn, nên việc đi du học còn

nhiều khó khăn do vấn đề kinh phí, chứng minh tài chính...Nhưng từ năm 2010 đến nay kinh tế Việt Nam cũng đã có những bước tiến nhanh chóng, chênh lệch không còn quá cao. Bên cạnh đó chính phủ Nhật Bản coi trọng việc Ngoại giao văn hóa trong giáo dục nên có rất nhiều chương trình học bổng du học cho học sinh, sinh viên như:

Học bổng chính phủ do Bộ Giáo dục, Thể thao và Văn hóa cấp (MEXT): Học bổng Mext là một trong những học bổng du học Nhật Bản có giá trị cao nhất và được nhiều du học sinh mong muốn. Học bổng Mext là học bổng do chính phủ Nhật Bản cấp cho các du học sinh ưu tú người nước ngoài muốn theo học các cấp độ từ Nhật ngữ, cao đẳng, đại học cho đến sau đại học tại Nhật Bản. Học bổng Mext sẽ tài trợ toàn bộ chi phí vé máy bay, sinh hoạt phí, học phí cho toàn bộ thời gian học tập tại Nhật. Có hai cách để ứng tuyển học bổng Mext: qua Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản tại Việt Nam (gọi là tiến cử của ĐSQ) hoặc qua một trường đại học ở Nhật Bản (gọi là tiến cử của trường đại học). Quy trình xét duyệt hồ sơ, thi tuyển và phỏng vấn có thể khác nhau tùy theo loại hình tiến cử và cấp độ học. Để ứng tuyển học bổng Mext, bạn cần có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, có kết quả thi vào trường cao và có chứng chỉ tiếng Nhật N2 trở lên (đối với các chương trình dạy bằng tiếng Nhật) hoặc chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT 79+ hoặc IELTS 6.0+ (đối với các chương trình dạy bằng tiếng Anh). Ngoài ra, bạn cũng cần có hoàn cảnh khó khăn/cần được hỗ trợ kinh phí và có ý chí học tập cao²⁹.

Hệ thống học bổng của Tổ chức Dịch vụ Sinh viên Nhật Bản (JASSO): Học bổng Jasso là học bổng do Tổ chức Dịch vụ Sinh viên Nhật Bản (JASSO) cấp cho các du học sinh tự phí đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề hoặc cơ sở giáo dục tiếng Nhật tại Nhật Bản. Học bổng Jasso nhằm thúc

²⁹ Nguồn Học bổng chính phủ Nhật Bản MEXT. Truy cập 25/05/2023 <https://jasso.org.vn/hoc-bong-chinh-phu-nhat-ban-mext-truong-dai-hoc-tien-cu/>

đẩy việc tiếp nhận du học sinh ưu tú người nước ngoài và đóng góp vào sự nghiệp quốc tế hóa của các cơ sở giáo dục Nhật Bản.

Học bổng dành cho du học sinh tự phí tại Nhật: Đây là học bổng dành cho du học sinh có thành tích học tập xuất sắc và nhân phẩm tốt hoặc những người gặp khó khăn trong quá trình học tập do vấn đề kinh tế. Mức học bổng là 48.000 JPY/tháng (khoảng 9 triệu VND/tháng) cho du học sinh đại học, cao học, kỹ thuật chuyên nghiệp hoặc 30.000 JPY/tháng (khoảng 5,6 triệu VND/tháng) cho du học sinh trường dạy nghề hoặc cơ sở giáo dục tiếng Nhật. Để ứng tuyển, du học sinh phải được tiến cử bởi trường đang theo học và không được nhận học bổng khác cùng lúc.

Học bổng dành cho du học sinh chưa sang Nhật tham gia kỳ thi EJU: Đây là học bổng dành cho du học sinh có thành tích xuất sắc trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và sẽ nhập học chính quy vào các trường đại học, cao đẳng, kỹ thuật chuyên nghiệp hoặc trường dạy nghề của Nhật. Mức học bổng là 48.000 JPY/tháng (khoảng 9 triệu VND/tháng) và được cấp trong 1 năm hoặc 6 tháng tùy theo thời gian nhập học. Để ứng tuyển, du học sinh phải tham gia kỳ thi EJU và được thông báo về việc nhận học bổng sau khi có kết quả thi.

Học bổng dành cho du học sinh chưa sang Nhật tiến cử bởi trường đại học: Đây là học bổng dành cho du học sinh có thành tích xuất sắc trong kỳ thi đầu vào của các trường đại học Nhật Bản và sẽ nhập học chính quy vào các trường đại học, cao đẳng, kỹ thuật chuyên nghiệp hoặc trường dạy nghề của Nhật để hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong quá trình học tập tại Nhật. Mức học bổng là 48.000 JPY/tháng (khoảng 9 triệu VND/tháng) và được cấp trong 1 năm hoặc 6 tháng tùy theo thời gian nhập học. Để ứng tuyển, du học sinh phải được tiến cử bởi trường đại học Nhật Bản và không được nhận học bổng khác cùng lúc.³⁰

³⁰ Nguồn: Học bổng Jasso – Jasso Việt Nam. Truy cập 25/05/2023 <https://jasso.org.vn/hoc-bong-jasso/>

Học bổng JICA

Học bổng JICA là một chương trình hỗ trợ phát triển nhân lực do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) cung cấp cho các nhà lãnh đạo trẻ từ các nước mục tiêu để học các bằng cấp sau đại học tại các trường đại học hàng đầu của Nhật Bản. Các chương trình học bổng phổ biến nhất của JICA bao gồm: 1. Chương trình Innovative Asia, 2. Dự án Học bổng Phát triển Nhân lực (JDS), 3. Sáng kiến Giáo dục Kinh doanh cho Thanh niên (ABE Initiative: Sáng kiến Giáo dục Kinh doanh châu Phi cho Thanh niên) và 4. Chương trình Lãnh đạo Toàn cầu SDGs.³¹

Ngoài ra còn có rất nhiều các chương trình học bổng toàn phần, bán phần hay các dạng học bổng do cơ quan, tổ chức, công ty, trường học tài trợ với nhiều dạng khác nhau và mức phí tài trợ khác nhau như:

Học bổng các trường đại học, cao đẳng, Senmon: Đây là học bổng do các trường cấp cho du học sinh có thành tích học tập xuất sắc hoặc có hoàn cảnh khó khăn. Mức hỗ trợ có thể từ 30% đến 100% học phí.

Học bổng từ các tổ chức phi chính phủ: Đây là học bổng do các tổ chức phi lợi nhuận, quỹ từ thiện hoặc các tổ chức quốc tế cấp cho du học sinh có đóng góp cho xã hội hoặc có mục tiêu nghiên cứu đặc biệt.

Học bổng từ các tờ báo Nhật: Đây là học bổng do các tờ báo Nhật Bản như Asahi Shimbun, Mainichi Shimbun, Yomiuri Shimbun... cấp cho du học sinh có bài viết hay về Nhật Bản hoặc quan hệ Nhật Bản - Việt Nam.

Học bổng toàn phần trường nhật ngữ: Đây là học bổng do các trường nhật ngữ cấp cho du học sinh có mong muốn học tiếng Nhật và tiếp tục theo học tại Nhật Bản. Một số trường nhật ngữ có cấp học bổng toàn phần như GOTO, Kyoto iUp....

³¹ Học bổng toàn phần chính phủ Nhật Bản JDS. Truy cập 25/05/2023 <https://scholarshipplanet.info/vi/hoc-bong-du-hoc-nhat-ban-jds/>

Học bổng ngành điều dưỡng: Đây là học bổng do chính phủ Nhật Bản cấp cho du học sinh có nhu cầu theo đuổi ngành điều dưỡng tại Nhật Bản. Học bổng này bao gồm chi phí học tập và sinh hoạt trong suốt quá trình đào tạo và thực tập.

Từ đó có thể nhìn thấy rất nhiều cơ hội cho các bạn sinh viên Việt Nam có thể tìm kiếm học bổng phù hợp để có thể đến Nhật du học, tiếp thu ngôn ngữ, văn hóa. Học hỏi sự tiến bộ và nền văn hóa của nước bạn để có nhiều cơ hội việc làm hơn. Và chính các bạn du học sinh sẽ là người có ảnh hưởng rất lớn trong mối quan hệ hợp tác ngoại giao văn hóa giữa hai quốc gia.

Tiểu kết chương 2

Từ năm 1993 đến năm 2022, quan hệ ngoại giao văn hóa Nhật Bản có được những kết quả đáng kể. Các hoạt động NGVH được thực hiện trên nhiều lĩnh vực và theo hướng mở rộng hơn. Hoạt động truyền thông đối ngoại hỗ trợ quan trọng trong việc giới thiệu, quảng bá hình ảnh Nhật Bản tại Việt Nam, NGVH trong lĩnh vực nghệ thuật cũng rất đa dạng nhiều màu sắc, tiếp cận với người dân nhiều độ tuổi khác nhau. Hai hoạt động này phối hợp với nhau hài hòa và không bị giới hạn quá khắt khe bởi các hiệp định, hiệp ước..với những đặc trưng văn hóa nghệ thuật riêng và ấn tượng chính phủ Nhật Bản đã gây dựng một chỗ đứng nhất định trong việc truyền bá văn hóa ở Việt Nam.

Trong các lĩnh vực có thể nhận ra giáo dục vẫn là ngành được đầu tư và quan tâm chú ý nhất. Mặc dù là lĩnh vực đạt được nhiều thành tựu nhất nhưng đồng thời không thể phủ nhận một số hạn chế nhất định. Sự tinh tế, sâu sắc và nhiều sắc màu đã giúp nền văn hóa Nhật có khả năng tiếp cận nhiều đối tượng khán giả, nhưng thực sự để tạo nên một trào lưu hay xu hướng mới gây ấn tượng khó quên là cực kỳ khó, Có thể dễ thấy rằng phần lớn hoạt động giới thiệu các bộ môn nghệ thuật đều thu hút hầu hết những bạn đang học tiếng Nhật hoặc đã say mê nghiên cứu nền nghệ thuật của Nhật từ trước. Trong nền văn hóa này thì tiếng Nhật cũng là một trở ngại tương đối lớn. Tiếng Nhật được biết đến như là một trong những ngôn ngữ khó học nhất thế giới, nó chỉ được sử dụng bởi dân

tộc Nhật, không phải là ngôn ngữ chung cho bất cứ lĩnh vực nào. Mặt khác, điện ảnh và âm nhạc Nhật Bản - hai lĩnh vực có tầm tác động mạnh mẽ đến khán giả cũng đang tương đối "bảo thủ" về mặt quảng cáo và hạn chế so với thế giới.

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN VÀ QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN Ở VIỆT NAM.

3.1. Đặc điểm ngoại giao văn hóa của Nhật Bản ở Việt Nam

Với mục tiêu của mình cũng như đặc điểm về ngoại giao văn hóa mà chính phủ Nhật đề ra và hướng tới trên toàn thế giới. Tại Việt Nam NGVH của Nhật Bản được triển khai xuyên suốt theo chiều dài lịch sử gần nửa thế kỷ với một số đặc điểm chính như:

Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản ở Việt Nam được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau: Nhật Bản duy trì tăng cường hiểu biết của thế giới đối với Nhật Bản và nâng cao hình ảnh, cũng như niềm tin của các nước vào Nhật Bản và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa những nền văn hóa và văn minh khác nhau để tránh khỏi xung đột; duy trì bản sắc và quan niệm văn hóa chung của toàn thế giới đi đôi với việc bảo tồn và tôn trọng tính đa dạng văn hóa." NGVH của Nhật Bản ở Việt Nam được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau, như: giao lưu và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, khoa học và kỹ thuật, văn hóa, xã hội; truyền bá và phổ biến nền văn hóa truyền thống và hiện đại của Nhật Bản thông qua những sự kiện, triển lãm, trình diễn nghệ thuật và phim ảnh, truyền thông; quảng bá và bảo tồn di sản văn hóa của Việt Nam; tạo điều kiện cho người dân hai nước gặp gỡ và giao tiếp qua những hoạt động thể thao và du lịch, tình nguyện".

Việt Nam và Nhật Bản có những nét tương đồng về văn hóa, lịch sử và con người. Hai nước cùng có truyền thống văn hóa Đông Á, cùng chịu ảnh hưởng của Trung Quốc và Phật giáo, cùng có quan hệ giao thương từ thời xa xưa. Hai nước cũng có sự đồng cảm và tôn trọng lẫn nhau qua các giai đoạn lịch sử khó khăn. Nhật Bản muốn góp phần vào sự phát triển bền vững của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, bằng cách chia sẻ các giá trị, thành tựu và kinh nghiệm của nền văn hóa Nhật Bản. Nhật Bản cũng muốn học hỏi và tiếp thu các giá trị, đặc trưng và sự đa dạng của nền văn hóa Việt Nam. Một số nét tương đồng về văn hóa giữa hai nước có thể kể đến như: *Trang phục truyền thống:*

Cả hai nước đều sử dụng các chất liệu như lụa, gấm, bông, sợi, lanh và các màu sắc quen thuộc như xanh, đỏ, hồng, tím, nâu, đen... Quan niệm màu sắc trang phục của cả hai nước đều chịu ảnh hưởng từ Trung Hoa, ví dụ như màu trắng của sự thánh thiện, màu đen dùng cho các nghi thức, màu đỏ tượng trưng cho hạnh phúc... *Âm thực*: Nhật – Việt có nền văn minh lúa nước và bữa ăn truyền thống gồm cơm, rau, cá và các thức ăn bổ sung khác. Thức uống truyền thống là trà và rượu gạo, Cả hai nước đều có phong tục ngồi quây quần bên mâm cơm để gắn kết gia đình. *Thờ cúng*: Cả hai nước đều có tục thờ cúng tổ tiên và tổ chức ngày giỗ theo ngày mất. Người đã khuất được thờ trên bàn thờ tổ tiên, đặt ở vị trí trang trọng nhất nhà. Tục thờ cúng tổ tiên đều theo tư tưởng đạo Khổng của Trung Quốc. *Lễ hội*: Cả hai nước đều có các lễ hội gắn liền với phong tục tập quán tín ngưỡng và được tổ chức theo mùa có những ngày lễ được tổ chức giống nhau như ngày tết thiếu nhi, ngày tết Hàn thực, ngày Ngưu Lang Chức Nữ, ngày lễ lao động quốc tế, ngày lễ đón mừng năm mới... *Giáo dục*: Hệ thống giáo dục truyền thống của cả hai nước trước đây đều theo mô hình của giáo dục Trung Quốc. Cả hai đều có sự quan tâm cao đối với việc phổ biến tiếng Nhật và tiếng Việt cho nhau.

Việt Nam và Nhật Bản đều mong muốn phát triển mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước mà yếu tố nền móng là xây dựng nên mối quan hệ tốt đẹp này là văn hóa. Hai nước trở thành đối tác chiến lược của nhau, vì vậy việc mở rộng mối giao lưu văn hóa là việc cần thiết. Nhật Bản là một đối tác chiến lược lớn, đầy tiềm năng của Việt Nam về kinh tế. Trong quá trình làm việc, đầu tư tại Việt Nam, người Nhật đã thể hiện những đặc điểm văn hóa bản xứ như tính cách, phong thái làm việc,...và gây nên những ảnh hưởng nhất định đến cái nhìn của con người Việt Nam đến con người Nhật Bản. Xuất phát từ thực tế nhu cầu sinh hoạt của các nhà đầu tư và lao động Nhật Bản tại Việt Nam, nhà hàng, khách sạn, thẩm mỹ viện, siêu thị... mang phong cách Nhật xuất hiện và giúp cho văn hóa Nhật ngày càng phát triển sâu rộng ở Việt Nam. Ngược lại, nhu cầu học hỏi kinh nghiệm của người dân Việt Nam ngày càng cao, số lượng du học sinh và thực tập sinh sang Nhật Bản học tập và làm việc ngày càng tăng, điều đó giúp cho Việt Nam dễ dàng

tiếp xúc với văn hóa Nhật Bản cũng như phân nào để tại ấn tượng văn hóa của Việt Nam đối với đất nước Nhật Bản.

Tình hình thế giới và khu vực tạo điều kiện phát triển và hợp tác cho cả hai nước.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở ra cơ hội mở rộng quan hệ hợp tác cho cả thế giới trong đó có Việt Nam và Nhật Bản. Các vấn đề về chính trị, vấn đề ý thức hệ không còn là rào cản. Hai quốc gia tự chủ trong việc hoạch định và triển khai quan hệ giữa hai nước vì lợi ích của mỗi quốc gia, vì hòa bình, vì ổn định và phồn vinh của khu vực cũng như trên toàn thế giới. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ trên toàn thế giới cũng cho sự ràng buộc lẫn nhau trong quan hệ giữa các nước. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã thúc đẩy cả hai nước mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu ở nhiều cấp độ khác nhau và thông qua các kênh khác nhau. Các xu hướng này đã, đang và sẽ tác động mạnh đến việc hoạch định chính sách của mỗi quốc gia. Vì vậy quan hệ Việt Nam - Nhật Bản cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó.

3.2. Tác động của ngoại giao văn hóa Nhật Bản tới Việt Nam và quan hệ Việt Nam – Nhật Bản

3.2.1 Tác động đối với Nhật Bản

Tác động tích cực

Thông qua NGVH cũng như sự quan tâm đầu tư của Chính phủ cũng như nhân dân Nhật Bản, trải qua nhiều thập kỉ mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam – Nhật Bản không ngừng đi lên, theo chiều hướng tích cực và hỗ trợ nhau phát triển. Với những ảnh hưởng của mình Nhật Bản đã và đang đạt được những thành tựu cụ thể để thúc đẩy hoạt động NGVH, tạo nhiều cơ hội thuận lợi hơn trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động như ngày nay.

Nhật Bản đã thể hiện và nâng tầm được giá trị của việc ngoại giao văn hóa:

Thông qua các hoạt động NGVH Nhật Bản thấy được xu hướng phát triển của sức mạnh

mềm trong tình hình quốc tế đang ngày một trở nên phức tạp như hiện nay. Trên thực tế, sức mạnh mềm đã từ lâu đã trở thành một trong những chiến lược phát triển quốc gia của Nhật Bản nhằm thay đổi hình ảnh từ một nước quân phiệt trong chiến tranh sang một hình ảnh một quốc gia yêu chuộng hòa bình. Trong suốt thời gian từ 1973 đến nay qua 50 năm các hoạt động NGVH của chính phủ Nhật Bản với quốc tế nói chung và tại Việt Nam nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Với chủ trương hướng tới một cường quốc toàn diện, Nhật Bản đã và sẽ tận dụng tối đa các thế mạnh về tiềm năng văn hóa quốc gia nhằm củng cố vai trò, khẳng định vị trí, nâng tầm ảnh hưởng, vị thế trong khu vực và trên thế giới. Mục tiêu gia tăng sức mạnh mềm của Nhật Bản thông qua con đường ngoại giao văn hóa để phổ biến hình ảnh đất nước, quảng bá các giá trị văn hóa đến các nước khác sẽ thuận lợi hơn, qua đó góp phần giúp Nhật Bản đảm nhận vai trò lớn hơn trong cộng đồng. Đối với quốc tế, từ thành tựu cũng như kết quả mà Nhật Bản đạt được, trong bối cảnh toàn cầu hóa, xu thế hòa bình, hội nhập hợp tác được quan tâm sâu sắc hơn, trở thành một trong những chính sách ngoại giao chủ đạo ngày càng phổ biến đối với chính sách ngoại giao của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang trên đà phát triển.

Sự ủng hộ của nhân dân Nhật Bản đối với việc xây dựng, quảng bá hình ảnh một nước Nhật yêu hòa bình đến cộng đồng quốc tế cũng được thấy rõ. Hầu hết tất cả người dân Nhật Bản đều tán thành và hết sức ủng hộ Nhật Bản triển khai sức mạnh mềm, theo đuổi Chủ nghĩa hòa bình tích cực. Đây là một thuận lợi để chính phủ Nhật Bản dễ dàng triển khai các hoạt động thúc đẩy NGVH với Việt Nam cũng như Đông Nam Á và cả các châu lục khác khi nhận được sự đồng thuận của người dân trong nước. Người dân Nhật Bản luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, hành động chính chu để đi đến đâu thế giới cũng tin tưởng và đảm bảo rằng người dân của họ là những người giữ chữ tín, cần cù và nghiêm túc trong công việc cũng như cuộc sống. Thành tựu nổi bật nhất ngoại giao văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam trong suốt quá trình triển khai là làm thay đổi nhận thức của người Việt Nam về Nhật Bản, trước đây có thể chỉ biết đến Nhật qua các phương diện

kinh tế với sự phát triển thần kì, các sản phẩm điện tử đẹp và bền thì đến nay các biểu tượng văn hóa đặc trưng của Nhật Bản đã được đông đảo người dân Việt Nam biết đến và tiếp nhận. Nhắc đến Nhật người Việt Nam biết đến một nơi có nhiều phong cảnh đẹp, biết trà đạo, samura, các món ăn truyền thống như sushi, tempura, sashimi...được bày bán rộng rãi ở các nhà hàng siêu thị. Đặc biệt là số lượng người biết, học tiếng Nhật đang ngày càng tăng mạnh qua mỗi năm. Từ một số trường tiêu biểu hiện nay rất nhiều trường đại học ở Việt Nam có đào tạo chuyên ngành Đông phương học – Nhật Bản học, Ngôn ngữ Nhật...để giảng dạy ngôn ngữ cũng như văn hóa Nhật Bản. Các câu lạc bộ, sự kiện liên quan đến văn hóa Nhật Bản như lễ hội hoa anh đào, manga, anime thu hút được nhiều bạn trẻ cũng như người dân tham gia đông đảo.

Qua các hoạt động ngoại giao văn hóa đã giúp Nhật Bản giải quyết được các vấn đề nhân lực, già hóa dân số cấp bách hiện nay. Các hợp tác về thương mại, kinh tế, đầu tư của Nhật Bản ở Việt Nam và khu vực cũng được đẩy mạnh với sự phát triển không ngừng giúp giải quyết được nhiều vấn đề khó khăn. Đặc biệt thông qua hoạt động trao đổi nhân lực, giáo dục đã thấy được rất nhiều thành tựu và cơ hội cho Nhật Bản. Là đất nước có nền giáo dục đạt chất lượng cao, những năm gần đây, Nhật Bản là một trong những quốc gia viện trợ không hoàn lại lớn nhất cho ngành giáo dục và đào tạo của Việt Nam thông qua mạng lưới các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức giáo dục bằng cách tăng cường trao đổi nhân lực nhằm đẩy mạnh sự liên kết giữa các công dân Nhật Bản và Việt Nam với nhau. Nguồn đóng góp tài chính của Nhật Bản không chỉ nhằm phát triển nguồn nhân lực mà còn giúp củng cố thêm tình cảm và ý thức về sự hợp tác hữu nghị giữa hai nước. Chính vì thế, nhu cầu hợp tác, giao lưu văn hóa - giáo dục với Nhật Bản từ Việt Nam và các nước Đông Nam Á đang có xu hướng ngày càng tăng, góp phần thúc đẩy mạnh hoạt động ngoại giao văn hóa của Nhật Bản trong khu vực. Cũng từ đó giúp giải quyết được rất nhiều về vấn đề già hóa dân số cũng như thiếu nguồn lao động trẻ của Nhật Bản hiện nay.

Nâng cao vai trò chính trị của Nhật Bản trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Một cơ hội lớn của Nhật Bản khi đẩy mạnh NGVH với Việt Nam cũng như các nước Đông Nam Á đó là vị thế và vai trò chính trị của Nhật Bản trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang ngày càng cao. Nhật Bản đã và đang tham gia vào hầu hết các cơ chế, diễn đàn mà ASEAN đóng vai trò trung tâm trong khu vực, như Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị quốc phòng - quân sự ASEAN (ADMM), ASEAN+,.. ASEAN cũng đang hưởng ứng tích cực đối với hầu hết các sáng kiến, nỗ lực của Nhật Bản. Đặc biệt, ngoài việc thực hiện hiệu quả Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP), Nhật Bản cũng được các quốc gia trong khu vực hoan nghênh khi thay thế Mỹ đảm nhận vai trò dẫn dắt, tích cực thúc đẩy đàm phán Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sau khi Mỹ rút khỏi Hiệp định này. Nói cách khác, sự vắng mặt của Mỹ tại CPTPP đã giúp Nhật Bản có nhiều cơ hội hơn để thực hiện vai trò lãnh đạo đồng thời chứng minh Nhật Bản không chỉ là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của khu vực mà còn đang dần được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao về uy tín ngoại giao, gián tiếp ảnh hưởng tích cực đến hoạt động ngoại giao văn hóa nói riêng và sức mạnh mềm của Nhật Bản nói chung. Nhật Bản có cơ hội để chứng minh vai trò, trách nhiệm của nước lớn trước tình hình bất ổn của kinh tế và chính trị thế giới. Chiến tranh tranh chấp lãnh thổ, chủ nghĩa khủng bố, vũ khí hạt nhân, tội phạm,... luôn là những mối đe dọa an ninh toàn cầu và chưa có dấu hiệu suy giảm. Các vấn đề toàn cầu như đói nghèo, tị nạn, môi trường,.. cũng ngày một khó kiểm soát hơn. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc không chỉ gia tăng sức mạnh quân sự gây căng thẳng trong quan hệ với Nhật Bản mà còn với các nước Đông Nam Á như Việt Nam, Philippines tại Biển Đông cũng ảnh hưởng ít nhiều đến chính sách ngoại giao của Nhật Bản tại khu vực này. Thực tế cho thấy, trong bối cảnh hiện nay, một quốc gia dẫu mạnh về kinh tế, hùng hậu về quân sự nhưng không được cộng đồng quốc tế ủng hộ và tín nhiệm thì cũng rất khó để nâng tầm ảnh hưởng. Ngược lại, quốc gia nào vận dụng thành công sức mạnh mềm để tác động đến quốc gia

khác, thì lại có thể xoay chuyển được cán cân tình thế theo hướng có lợi cho mình. Vì vậy, khi tình hình căng thẳng trong khu vực đang leo thang, đặc biệt là vấn đề ở Biển Đông thì đây cũng chính là thời cơ để Nhật Bản chứng minh trọng trách của mình trong các vấn đề khu vực và toàn cầu; đồng thời khẳng định nỗ lực của Nhật Bản vì mục tiêu chung, lợi ích chung của toàn khu vực. Uy tín của Nhật Bản cũng như thiện cảm của người dân Đông Nam Á dành cho Nhật Bản vì thế sẽ được nâng cao, qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngoại giao văn hóa của quốc gia này trong khu vực.

Thách thức

Sự cạnh tranh ảnh hưởng văn hóa mạnh mẽ của các nước Đông Bắc Á trong khu vực như Hàn Quốc và Trung Quốc. Trong những năm gần đây trong lĩnh vực văn hóa sự cạnh tranh mãnh liệt của hai nước Hàn Quốc và Trung Quốc cũng khiến Nhật Bản ít nhiều bị kiềm chế. Làn sóng Hallyu của Hàn Quốc phát triển nhanh chóng trên khắp thế giới đặc biệt ở khu vực châu Á. Tại Việt Nam làn sóng halyu đã ảnh hưởng đến giới trẻ Việt Nam theo nhiều cách khác nhau, như: Tăng cường sự quan tâm và hiểu biết về văn hóa, lịch sử, xã hội và ngôn ngữ của Hàn Quốc. Nhiều bạn trẻ Việt Nam đã học tiếng Hàn, tham gia các câu lạc bộ văn hóa Hàn Quốc, du lịch Hàn Quốc hoặc theo đuổi giấc mơ làm nghệ sĩ Hàn Quốc. Thay đổi gu thẩm mỹ và phong cách sống của giới trẻ Việt Nam. Làn sóng halyu đã mang đến cho giới trẻ Việt Nam những xu hướng mới trong thời trang, làm đẹp, ẩm thực, giải trí và công nghệ. Nhiều bạn trẻ Việt Nam đã bắt chước phong cách ăn mặc, trang điểm, tóc và phụ kiện của các thần tượng Hàn Quốc. Nhiều món ăn Hàn Quốc như kim chi, gimbap, tteokbokki... cũng đã trở nên phổ biến trong ẩm thực Việt Nam. Tạo ra những cộng đồng fan hâm mộ và sự kết nối giữa các bạn trẻ Việt Nam. Làn sóng halyu đã tạo ra những cơ hội cho các bạn trẻ Việt Nam giao lưu, chia sẻ và thể hiện niềm đam mê của mình với văn hóa Hàn Quốc. Nhiều bạn trẻ đã tham gia các fanclub, fanpage, forum hay các sự kiện liên quan đến các nghệ sĩ hoặc sản phẩm văn hóa Hàn Quốc. Nhật Bản và Hàn Quốc là hai quốc gia có nền công nghiệp văn hóa

manh mẽ và có sức lan tỏa toàn cầu. Họ đã khẳng định được thương hiệu riêng biệt trong các lĩnh vực như điện ảnh, âm nhạc, truyền thông, trò chơi... Trung Quốc cũng không ngại ngần che giấu mục tiêu trở thành quốc gia có nền công nghiệp văn hóa lớn nhất thế giới bằng cả tiềm lực của những đại tư bản lẫn sự hỗ trợ trực tiếp của chính phủ

Sự thay đổi và gia tăng quân sự trở lại của Nhật Bản dần ảnh hưởng đến cái nhìn thiện cảm của người dân trong khu vực. Trước bối cảnh thế giới có nhiều tình trạng biến động trong quan hệ quốc tế có nhiều vấn đề, Nhật Bản buộc phải tăng cường sức mạnh quân sự cũng như tiềm lực kinh tế sẵn có để giải quyết tình hình thế giới hiện nay. Hoạt động quân sự của Trung Quốc, Nga và Mỹ cũng như các quốc gia lớn mạnh khác đã xuất hiện những quan ngại của Nhật Bản về lợi ích an ninh cũng như vai trò chính trị của mình trong khu vực. Với vị thế của một cường quốc kinh tế và chính sách phát triển quốc phòng mới phù hợp với yêu cầu thực tế hiện nay, sức mạnh của lực lượng vũ trang, lực lượng tự vệ Nhật Bản đã được cải thiện và phát triển đáng kể. Nhật Bản tăng cường năng lực quân sự trong bối cảnh căng thẳng liên quan đến tranh chấp chủ quyền trên biển leo thang với Trung Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc đều tuyên bố chủ quyền với nhóm đảo Senkaku/Điếu Ngư, hiện do Tokyo kiểm soát, trên biển Hoa Đông. Và điều này sẽ gián tiếp ảnh hưởng tiêu cực đến tiến trình xây dựng hình ảnh một quốc gia yêu chuộng hòa bình của Nhật Bản, gây nên những nghi ngờ về mục tiêu chiến lược của Nhật Bản trong nỗ lực khẳng định trở thành một đất nước thân thiện qua các hoạt động ngoại giao văn hóa đã xây dựng của mình..

Chi phí trong hoạt động ngoại giao văn hóa cũng là vấn đề cần quan tâm hiện nay. Khi các hoạt động NGVH ở nước ngoài, và cả ở Việt Nam tổ chức ra có thể gặp một số vấn đề như: sự thiếu minh bạch, lãng phí, tham nhũng, thiếu hiệu quả, thiếu đánh giá... dẫn đến đã bị lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích trong các hoạt động ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại các nước khác nhau. Một số ví dụ như là: mua sắm thiết bị không cần thiết, thanh toán tiền thuê nhà cao hơn thực tế, chi trả tiền lương cho nhân

viên không có công việc... các dự án do Nhật Bản viện trợ tại Việt Nam có những bất cập về lập dự án giả mạo nhằm chiếm đoạt tiền viện trợ, sử dụng trang thiết bị không đúng tiêu chuẩn và không chấp hành những quy định về đấu thầu xây dựng cơ bản.

3.2.2. Tác động đối với Việt Nam

Tác động tích cực

Sau khi kết thúc chiến tranh thống nhất hai miền Nam Bắc, Chính phủ và nhân dân Việt Nam không ngừng cố gắng, kiến thiết đất nước. Trong những thập kỉ qua Việt Nam luôn cố gắng xây dựng phục hồi kinh tế sau chiến tranh, từ đó vượt qua đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Đặc biệt trong vấn đề đối ngoại tạo mối quan hệ, liên kết các nước trong khu vực, xây dựng chỗ đứng, khẳng định vị thế Việt Nam cũng đã thực hiện nhiều chính sách ngoại giao văn hóa mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Đối với ngoại giao hai nước Nhật – Việt đã đạt được nhiều thành tựu và mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam như:

Nâng cao nhu cầu văn hóa – nghệ thuật của quần chúng nhân dân: Những năm gần đây khi kinh tế đang trên đà phát triển nhu cầu về văn hóa - nghệ thuật của người dân đã và cũng đang tăng tăng lên. Những cơ hội mới được đem lại từ chính sách NGVH của Nhật Bản đối với Việt Nam tạo một phần cơ hội lớn cho người dân Việt Nam ở các độ tuổi, vùng miền khác nhau được tiếp cận với những tri thức mới mẻ, với tinh hoa văn hóa Nhật Bản và thế giới cũng như có thêm những nguồn thưởng thức nghệ thuật, giải trí tốt đẹp khác. Các sự kiện giao lưu văn hoá giữa hai nước là phương thức hiệu quả nhất nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước và góp phần thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác cùng phát triển. Nổi bật nhất là những sự kiện lễ hội giao lưu văn hoá được tổ chức mỗi năm tại Nhật Bản và Việt Nam. Lễ hội sẽ không chỉ bó hẹp ở một vài tỉnh của Nhật Bản như Tokyo, Kanagawa, . . . mà sẽ được nhân rộng khắp trên toàn Nhật Bản trở thành một động lực và món ăn tinh thần không thể thiếu đối với quá trình giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và Nhật Bản. Lễ hội Việt Nam tại Nhật

Bản được tổ chức lần đầu vào năm 2008 như một sự kiện đánh dấu 35 năm chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, qua năm 2018 kỷ niệm 45 năm, đến năm 2019 Lễ hội đã bước sang năm thứ 11, đến tháng 06/2023 sẽ là lần tổ chức thứ 14, trở thành hoạt động giao lưu thường niên của hai nước. Qua mỗi kỳ lễ hội người Nhật sẽ biết và trở nên quen thuộc với những món ăn như phở, bánh mì,...có hiểu biết và thích thú với áo dài, các điệu múa dân gian, rối nước, những tiết mục biểu diễn của các nghệ sĩ mới đang được yêu chuộng ở cả hai nước, cùng những gian hàng trưng bày của ngành du lịch về các di sản thế giới hay những địa điểm nổi tiếng tại Việt Nam.

Nhật Bản là một trong những quốc gia có quy mô viện trợ không hoàn lại lớn nhất cho Việt Nam. Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giai đoạn 2014 - 2020, Nhật Bản đã cam kết viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam tổng cộng 1.108 triệu USD, chiếm 17,5% tổng số viện trợ không hoàn lại của các quốc gia và tổ chức quốc tế.³²

Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở (Grassroots Grant Assistance - GGP): Đây là chương trình hỗ trợ các dự án nhỏ của các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức xã hội dân sự (CSO), các cơ quan chính quyền địa phương và các cơ sở y tế, giáo dục... nhằm cải thiện điều kiện sống của người dân địa phương. Các lĩnh vực được hỗ trợ bao gồm: giáo dục cơ bản, y tế cơ bản, phát triển nông thôn, môi trường và xã hội. Mỗi dự án được hỗ trợ tối đa 10 tỷ VND. Từ năm 1992 đến năm 2021, dưới sự hỗ trợ của Nhật Bản đã tiến hành 724 dự án GGP cho Việt Nam với tổng số tiền viện trợ là 64,5 triệu USD³. Trong năm 2020 - 2021, Nhật Bản đã ký kết hợp đồng viện trợ không hoàn lại cho 9 dự án GGP cho Việt Nam với tổng giá trị là hơn 1,3 triệu USD.

Chương trình viện trợ không hoàn lại cho các dự án NGO của Chính phủ Nhật Bản (Grant Assistance for Japanese NGO Projects): Đây là các dự án chương trình hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ Nhật Bản (JNGO) nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của Việt Nam. Các lĩnh vực được hỗ trợ bao gồm: giáo dục, y tế, nông nghiệp, môi

³² Duy Linh (2023) Nhật Bản viện trợ không hoàn lại 9 dự án cho Việt Nam, *Báo Tuổi trẻ*, Thế giới, 10/03/2023.

trường và xã hội. Mỗi dự án được hỗ trợ tối đa 500 triệu Yên. Từ năm 2002 đến năm 2020, Nhật Bản đã hỗ trợ 106 dự án JNGO ở Việt Nam với tổng số tiền viện trợ khoảng 4.000 triệu Yên. Trong năm 2020 - 2021, Nhật Bản đã tài trợ cho 3 dự án JNGO cho Việt Nam với tổng giá trị là khoảng 250 triệu Yên.

Chương trình viện trợ không hoàn lại cho các dự án hợp tác kỹ thuật (Grant Assistance for Grassroots Human Security Projects - GGPs): Đây là chương trình hỗ trợ các dự án nhằm nâng cao năng lực của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự, các cơ quan chính quyền địa phương và các cơ sở y tế, giáo dục... nhằm cải thiện an ninh con người của người dân địa phương. Các lĩnh vực được hỗ trợ bao gồm: giáo dục, y tế, nông nghiệp, môi trường và xã hội. Mỗi dự án được hỗ trợ tối đa 10 tỷ VND. Từ năm 1995 đến năm 2020, Nhật Bản đã hỗ trợ 167 dự án GGPs cho Việt Nam với tổng số tiền viện trợ là khoảng 1.600 triệu USD.³³

³³ Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam. Hợp tác viện trợ không hoàn lại cho các dự án NGO của Chính phủ Nhật Bản năm Reiwa thứ 2, https://www.vn.emb-japan.go.jp/itpr_ja/20210304NGO_vn.html

Bảng 3.1. ODA Nhật Bản cho Việt Nam (2010 – 2020)**Đơn vị: triệu USD**

Năm ký kết	Tổng ODA và vốn vay ưu đãi	Viện trợ	Vay ưu đãi	Vốn vay ODA
2010	3607,18	172,06	210	3225,12
2011	6910,42	194,85		6715,57
2012	5938,27	437,17	100	5401,1
2013	6853,83	390,88	410	6042,95
2014	4450,78	224,99		4225,79
2015	3972,15	58,07	536,31	4978,89
2016	5555,574	40,374	536,31	4978,89
2017	3640,09	0,009		3640
2018	2001,1			2001,1
2019	463			463
03/2020	105			105

Nguồn: Tạp chí công thương³⁴

Từ các nguồn vốn ODA như vậy Nhật Bản đã hỗ trợ Việt Nam có điều kiện và cơ hội phát triển nguồn lao động và xây dựng chính sách, đào tạo các chuyên gia, cán bộ, nhân viên trong các lĩnh vực quan trọng như kinh tế, tài chính, quản lý công, y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường, hỗ trợ Việt Nam cải thiện chính sách và thể chế

³⁴ Nguyễn Thị Thanh Lam (2021) Nguồn *Tạp chí công thương*, số 15, tháng 6 năm 2021.

trong các lĩnh vực như cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, phát triển đô thị, phát triển khu vực tư nhân... Xây dựng và cải tạo các công trình giao thông và điện lực như xây dựng và nâng cấp các tuyến đường bộ, đường sắt, cảng biển, sân bay, đường thủy nội địa... nhằm kết nối các khu vực và tăng cường giao thương. Nhật Bản cũng đã hỗ trợ Việt Nam xây dựng và mở rộng các nhà máy điện, đường dây truyền tải và phân phối điện, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo... Phát triển nông nghiệp và xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn cải thiện năng suất và chất lượng nông sản, phát triển các chuỗi giá trị nông nghiệp, bảo vệ an toàn thực phẩm, đối phó với thay đổi khí hậu trong nông nghiệp... Nhật Bản cũng đã hỗ trợ xây dựng và cải thiện các công trình thủy lợi, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường cho người dân nông thôn... Phát triển giáo dục và đào tạo y tế, xây dựng và trang bị các trường mầm non đến đại học, nâng cao chất lượng giáo viên và giáo trình, phát triển giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp, hỗ trợ giáo dục cho người dân tộc thiểu số... Nhật Bản cũng đã hỗ trợ xây dựng và trang bị các bệnh viện, phòng khám, trung tâm y tế, nâng cao chất lượng y bác sĩ và y tá, phòng chống các bệnh truyền nhiễm và các bệnh mãn tính. Bên cạnh đó bảo vệ môi trường cũng được cải thiện, các công trình xử lý chất thải rắn và nước thải, quản lý chất lượng không khí, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

Thách thức

Việc NGVH của Nhật Bản là một trong những chiến lược quan trọng của nước này để thúc đẩy hình ảnh, giá trị và lợi ích của mình trên thế giới. Nhật Bản đã sử dụng các phương tiện như văn học, nghệ thuật, điện ảnh, anime, manga, âm thực, du lịch... để truyền bá văn hóa Nhật Bản và tăng cường sự hiểu biết, hợp tác và gắn kết với các nước khác. Việt Nam là một trong những đối tác quan trọng của Nhật Bản trong lĩnh vực ngoại giao văn hóa. Tuy nhiên, việc NGVH của Nhật Bản cũng đặt ra một số thách thức cho Việt Nam, cụ thể như:

Làm sao để bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Nhật Bản. Việt Nam cần có những chính sách và biện pháp để khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới và đa dạng hóa, tránh hiện tượng đô hộ văn hóa hay sao chép mù quáng. Hay vấn đề làm thế nào để tận dụng tốt nhất các cơ hội và lợi ích từ việc NGVH của Nhật Bản. Việt Nam cần có những chiến lược và kế hoạch cụ thể để tham gia vào các hoạt động NGVH như trao đổi văn hóa, giáo dục, du lịch, kinh doanh... nhằm nâng cao năng lực và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Cần phải duy trì một quan hệ cân bằng và bình đẳng với Nhật Bản trong việc ngoại giao văn hóa. Việt Nam cần có những nguyên tắc và tiêu chuẩn để đánh giá và phản biện các hoạt động NGVH của Nhật Bản, tránh bị chi phối hay xâm phạm quyền lợi và lợi ích của Việt Nam. Đồng thời xây dựng các chiến lược ngoại giao văn hóa của Việt Nam đến Nhật Bản cũng như cộng đồng quốc tế để quảng bá hình ảnh, con người, thiên nhiên của Việt Nam một cách cụ thể hơn để thúc đẩy kinh tế du lịch...

Nâng cao năng lực quản lý chi phí, các nguồn đầu tư tránh thất thoát, lãng phí và gian lận trong các hoạt động tổ chức giao lưu văn hóa. Cần có cách lập kế hoạch, lập ngân sách và dự báo hiệu quả hơn, quản lý chi phí tốt hơn, xác định rõ hơn các chỉ số hiệu quả về chiến lược, hoạt động với tài chính.

3.2.3. Tác động đến quan hệ Việt – Nhật

Trong những năm qua, bên cạnh những thành tựu kinh tế và ngoại giao mà Việt Nam - Nhật Bản đạt được đã khiến cho mối quan hệ này trở nên gắn bó, phát triển nhanh chóng thì không thể phủ nhận những ảnh hưởng tích cực giao lưu văn hóa đã đóng vai trò quan trọng trong việc xúc tác mối quan hệ hai nước. Thậm chí có thể nói rằng, quan hệ hai nước hiện nay đang ở giai đoạn tốt nhất trong lịch sử kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, đặc biệt trong lĩnh vực NGVH.

Giao lưu văn hóa cân bằng lợi ích hai quốc gia: Nhờ vào các hoạt động giao lưu văn hóa đa dạng và cởi mở giữa hai nước, mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản ngày càng trở nên thân thiết, thấu hiểu lẫn nhau. Thông qua đó, Việt Nam dần làm quen và thích nghi được với những luồng văn hóa hiện đại, nhiều màu sắc của Nhật Bản. Đồng thời, phía Nhật Bản cũng thay đổi cái nhìn về Việt Nam. Khi một nước lớn, phát triển mạnh mẽ về hầu hết các lĩnh vực như Nhật Bản muốn mở rộng tầm ảnh hưởng và tranh thủ sự ủng hộ của các nước trên đấu trường quốc tế; và một nước đang trên đà phát triển như Việt Nam, mong muốn được giao lưu, học hỏi, tiếp thu những cái mới, những kinh nghiệm thì giao lưu, kết nối về mặt văn hóa chính là công cụ hiệu quả nhất để đáp ứng nhu cầu của cả hai bên. Việt Nam và Nhật Bản đã làm được điều đó, chính vì nhận thức rõ được mục tiêu, tầm nhìn chiến lược của mình và của nước bạn, cả hai nước đã tích cực giao lưu, trao đổi văn hóa – giáo dục nhằm giúp có cái nhìn mới mẻ hơn. Quan hệ văn hóa Việt Nam – Nhật Bản trong thời gian qua đã chứng minh được rằng nhân dân hai nước vừa tiếp nhận luồng văn hóa mới mà còn giữ được nét truyền thống văn hóa đặc trưng của nước mình. Với sự tìm tòi học hỏi, mong muốn am hiểu lẫn nhau về văn hóa, đã tạo thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, giao lưu về kinh tế, chính trị ngày càng phát triển hơn.

Tăng cường và củng cố sự tin cậy lẫn nhau giữa hai quốc gia: Với việc thiết lập quan hệ "Đối tác chiến lược vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á" vào năm 2009 và nâng cấp lên "Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á" vào năm 2014, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Nhật Bản và Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ và toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước tiếp tục được củng cố và phát triển, đặc biệt qua những chuyến thăm và tiếp xúc song phương của lãnh đạo cấp cao các cấp của hai nước. Hợp tác đầu tư tiếp tục phát triển mạnh, đặc biệt trong những lĩnh vực như ODA và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nông nghiệp và du lịch. Những thành tựu trên là kết quả của sự tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau, hợp tác đôi bên

cùng có lợi và nâng cao chất lượng hợp tác thông qua sự tham gia tích cực của lãnh đạo và nhân dân hai nước.

Trong giai đoạn 2012 - 2019, Thủ tướng Shinzo Abe đã đến thăm Việt Nam 2 lần trên cương vị là người đứng đầu chính phủ Nhật Bản. Chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Abe thể hiện sự coi trọng quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng của hai nước, khẳng định Việt Nam là đối tác quan trọng và lâu dài của Nhật Bản. Đến năm 2021, chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Phạm Minh Chính và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam từ ngày 22 đến 25/11/2021 thể hiện quyết tâm của Việt Nam đưa quan hệ Đối tác chiến lược sâu rộng với Nhật Bản bước sang một giai đoạn phát triển mới, thực chất và hiệu quả hơn. Với chuyến thăm Nhật Bản lần này, Thủ tướng Phạm Minh Chính trở thành nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên mà Thủ tướng Nhật Bản Kishida Fumio tiếp đón kể từ khi ông nhậm chức, qua đó thể hiện Việt Nam luôn là bạn, đối tác thân thiết, tin cậy của Nhật Bản và ủng hộ Nhật Bản phát huy vai trò xứng đáng ở khu vực và trên thế giới, cùng Nhật Bản đóng góp cho việc duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực.

Mối quan hệ văn hóa giữa Việt Nam - Nhật Bản trải qua 50 năm phát triển bền vững khiến cho mối quan hệ được mở rộng trên quy mô trải dài từ cấp quốc gia đến khu vực và đến từng địa phương. Cơ hội tiếp xúc giữa hai nước mở rộng đến tất cả các giai cấp trong xã hội: các chuyên gia kỹ thuật, các giáo sư, chuyên viên, sinh viên, học sinh, công nhân, nông dân, các nhà doanh nghiệp, các hiệp hội,... của cả hai bên đã tiến hành nhiều hoạt động nghiên cứu, hội thảo, đào tạo, giao lưu trao đổi kinh nghiệm, học tập, hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

Hợp tác kinh tế đạt được nhiều kết quả có lợi song phương: Giữa hai nước có quan hệ đối tác chiến lược trên mọi mặt, trong đó có lĩnh vực kinh tế. Vì vậy, ngày càng nhiều công ty, nhà máy của Nhật Bản phát triển ở Việt Nam. Đây là một dấu hiệu cho thấy quan hệ kinh tế - hợp tác giữa hai nước ngày càng sâu rộng và hiệu quả, các công

ty Nhật Bản ở Việt Nam hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, như sản xuất, dịch vụ, thương mại, xây dựng... Nhờ đó mà người Việt có thêm cơ hội tiếp xúc và đón nhận những giá trị văn hóa tốt đẹp của nước bạn thông qua những người Nhật sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Cụ thể là tác phong làm việc của người Nhật: nghiêm túc, đúng giờ, tập trung cao độ; điều này ít nhiều thay đổi “tác phong nông nghiệp” của người Việt Nam.

Phản ứng tích cực của nhân dân hai nước: Việt Nam và Nhật Bản đều có chính sách ngoại giao mà trong đó đưa ra những mục tiêu, chiến lược cụ thể nhằm phát huy sức mạnh văn hóa dân tộc để từ đó tạo ra sự phát triển chung cho toàn xã hội. Chính sách NGVH Việt Nam nhấn mạnh vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, học tập và tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của nhân loại, giới thiệu và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Chính sách ngoại giao văn hóa Nhật Bản nhấn mạnh vào việc đóng góp cho sự phát triển bền vững của thế giới qua việc chia sẻ kinh nghiệm phục hồi sau chiến tranh, thúc đẩy sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau qua việc giới thiệu và trao đổi về ngôn ngữ, ẩm thực, âm nhạc, điện ảnh, manga, anime..., hỗ trợ và bảo vệ các di sản văn hóa phi vật thể của các nước khác. Nhân dân hai nước đều có sự gắn bó thân thiết, tương đồng trên nền tảng văn hóa Đông Á. Ngày nay, sự gần gũi về văn hóa, lịch sử đã trở thành một nền tảng quan trọng cho mối quan hệ ngày càng gắn bó và tin cậy giữa hai nước. Có thể thấy rằng nhân dân hai nước đều có phản ứng tích cực và thiện chí về quan hệ ngoại giao văn hóa hai nước. Họ cũng có ý thức cao về việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc, cũng như học hỏi và tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của nhau. Họ cũng có sự tôn trọng và hợp tác với nhau trong các lĩnh vực quan trọng như kinh tế, chính trị, an ninh, giáo dục, khoa học, môi trường... Họ cũng có sự đồng cảm và ủng hộ nhau trong những thời điểm khó khăn, như khi Việt Nam chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 hay khi Nhật Bản bị thiên tai động đất, sóng thần.

3.2.4. Một số khuyến nghị cho ngoại giao văn hóa của Việt Nam

Từ những tác động tích cực cũng như thách thức còn tồn tại của ngoại giao văn hóa Nhật Bản và ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam có thể thấy chúng ta có thể học hỏi và thay đổi một số chính sách cũng như phương thức hoạt động ngoại giao văn hóa để quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam tươi đẹp, thân thiện và gần gũi mang lại hiệu quả cao nhằm thúc đẩy kinh tế, du lịch. Có thể chú tâm đến một số khuyến nghị như:

Nâng cao sự tự tin về văn hóa: Từ thực tế Nhật Bản cho thấy những vấn đề kinh tế, chính trị nếu không đạt được thì có thể sử dụng ngoại giao văn hóa để tăng khả năng hoàn thành hay thực hiện. NGVH là một cách thức ngoại giao hòa bình, nhẹ nhàng và dễ đi vào thực tiễn, dễ nhận được sự yêu mến, cảm nhận hơn là các chính sách cứng nhắc hay quyền lực cứng. Việt Nam chúng ta cũng nên học tập cách thức vừa tôn trọng văn hóa truyền thống vừa chú trọng văn hóa hiện đại của đất nước mình để đẩy mạnh truyền bá văn hóa ra thế giới. Làm sao để đó trở thành nghĩa vụ của tất cả người dân Việt Nam, những người hiểu biết rõ về vẻ đẹp của văn hóa nước mình, truyền bá và tự tin đưa các hoạt động văn hóa ra khu vực và thế giới.

Thu hút sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế: Cuộc xây dựng và phát triển đất nước cần đến sự ủng hộ của các nước trên thế giới, tuy kinh tế những năm gần đây có nhiều bước phát triển đáng kể, Việt Nam tăng cường hội nhập đạt được thành tựu cao. Tuy nhiên, không phải tất cả các nước trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á – Thái Bình Dương và rộng hơn là Thế giới đều có sự ủng hộ đối với Việt Nam. Vì vậy việc giữ gìn và phát huy, tuyên truyền về Việt Nam, về đất nước, con người, tích cực tham gia vào các hoạt động ngoại giao văn hóa sẽ làm bạn bè quốc tế hiểu về đất nước Việt Nam hơn, từ đó sẽ thu hút được nhiều sự ủng hộ của cộng đồng, quần chúng nhân dân và chính phủ các quốc gia.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức ngoại giao văn hóa: Với sự bùng nổ của các phương tiện thông minh, mạng lưới internet như hiện nay, cũng như trải qua biến động giãn cách xã hội như Covid-19 có thể thấy các hoạt động ngoại giao văn hóa không chỉ có thể tổ chức trực tiếp mà còn có thể trực tuyến hay gián tiếp thông qua các phương tiện internet. Đa dạng hóa các sản phẩm, hình thức truyền bá bằng tiếng nước ngoài, các ấn phẩm, tư liệu, các đơn vị truyền thông tích cực sản xuất các chương trình hoạt động có phụ đề tiếng nước ngoài để cộng đồng quốc tế có thể dễ dàng tiếp cận văn hóa Việt Nam.

Giao lưu văn hóa - quan điểm nhất quán, cởi mở và có hệ thống. Thông qua quá trình ngoại giao văn hóa và tiếp thu văn hóa cần tránh hai thái cực: hoặc tâm lý bảo thủ, tư tưởng kiêu ngạo dân tộc mà tự kìm hãm mình trong tình trạng lạc hậu không chịu thay đổi tiếp thu nâng cao tri thức, hoặc sùng bái mù quáng choáng ngợp trước những “cái lạ”, “cái mới” của văn hóa nước ngoài mà tiếp thu thiếu chọn lọc xô bồ mọi hiện tượng văn hóa gây biến tướng, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng và mất giá trị văn hóa truyền thống quốc gia

3.3. Dự báo xu hướng triển khai ngoại giao văn hóa Nhật Bản – Việt Nam trong thời gian tới.

3.3.1 Xu hướng triển khai ngoại giao văn hóa Nhật Bản thời gian tới

Theo dự đoán xu hướng triển khai NGVH của Nhật Bản thời gian tới sẽ tiếp tục dựa trên ba trụ cột: quảng bá văn hóa Nhật Bản ra thế giới, tôn trọng và bảo tồn di sản văn hóa nhân loại, và thúc đẩy sự đối thoại và hợp tác văn hóa giữa các quốc gia. Đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là Đông Nam Á, Nhật Bản có thể sẽ tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hóa nhằm phát triển mối quan hệ chiến lược toàn diện, ứng phó với các thách thức an ninh khu vực, và phản ánh sự đa dạng và phong phú của văn hóa. Xu hướng triển khai NGVH Nhật Bản thời gian tới có thể được dự báo như sau:

Tận dụng sức hút của các sản phẩm văn hóa đại chúng Nhật Bản để tạo ra những cầu nối với các quốc gia khác, đặc biệt là các nước đang phát triển và các nước có quan hệ căng thẳng với Nhật Bản. Các sản phẩm văn hóa đại chúng có sức hút lớn trên toàn thế giới, bởi chúng thể hiện được sự đa dạng, sáng tạo và độc đáo của nền văn hóa Nhật Bản. Các sản phẩm văn hóa đại chúng bao gồm các lĩnh vực như điện ảnh, âm thực, truyền hình, anime, manga và âm nhạc, không chỉ là giải trí mà còn là những phương diện dùng để phân biệt đất nước Nhật Bản đương thời với phần còn lại của thế giới hiện đại. Tận dụng sức hút của các sản phẩm văn hóa đại chúng Nhật Bản để tạo ra những cầu nối với các quốc gia khác là một chiến lược quan trọng của ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở quá khứ và cả tương lai, Nhật Bản đã sử dụng các sản phẩm này để quảng bá hình ảnh của mình, tăng cường sự hiểu biết và gắn kết giữa người dân Nhật Bản và các quốc gia khác, đặc biệt là các nước đang phát triển và các nước có quan hệ căng thẳng với Nhật Bản. cụ thể Nhật Bản sẽ tiếp tục tổ chức nhiều sự kiện văn hóa liên quan đến anime và manga tại các nước Đông Nam Á, Trung Đông và Châu Phi, nhằm thu hút sự quan tâm và tham gia của giới trẻ. Các sự kiện này không chỉ giới thiệu về nghệ thuật anime và manga mà còn cung cấp thông tin về lịch sử, xã hội và giáo dục của Nhật Bản. Và Nhật Bản đang không ngừng khuyến khích việc truyền bá ẩm thực Nhật Bản ra thế giới, bằng cách cấp chứng nhận cho các nhà hàng Nhật Bản tại các nước khác, tổ chức các cuộc thi nấu ăn và hướng dẫn, cũng như hỗ trợ việc nhập khẩu nguyên liệu từ Nhật Bản. Ẩm thực Nhật Bản không chỉ là một loại hình nghệ thuật mà còn là một phần của di sản văn hóa nhân loại được UNESCO công nhận. Hơn nữa Nhật Bản sẽ chú trọng và tận dụng sức hút của J-pop (nhạc pop Nhật Bản) để kết nối với các quốc gia có quan hệ căng thẳng với mình, như Hàn Quốc và Trung Quốc. Các ca sĩ và nhóm nhạc J-pop sẽ tiếp tục tham gia vào các hoạt động giao lưu và biểu diễn tại các quốc gia này, góp phần xây dựng một không khí hòa bình và thân thiện.

Tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của Nhật Bản trong các diễn đàn và tổ chức quốc tế liên quan đến văn hóa, như UNESCO, ASEAN Culture House... Nhật Bản

là một trong những quốc gia có nhiều di sản thế giới được UNESCO công nhận, với 21 di sản văn hóa và 4 di sản thiên nhiên. Nhật Bản cũng đã hỗ trợ nhiều dự án bảo tồn và phát triển di sản thế giới tại các quốc gia khác, như Angkor Wat tại Campuchia, Borobudur tại Indonesia, Bagan tại Myanmar, v.v. Nhật Bản chắc chắn vẫn sẽ duy trì việc là một trong những quốc gia đóng góp nhiều nhất cho Quỹ Di sản Thế giới của UNESCO để bảo tồn di sản văn hóa nhân loại. Hơn nữa Nhật Bản là một trong những quốc gia sáng lập của ASEAN Culture House (ACH), một cơ quan phi chính phủ được thành lập vào năm 2017 tại Busan, Hàn Quốc, nhằm thúc đẩy sự hiểu biết và hợp tác văn hóa giữa ASEAN và Hàn Quốc. Nhật Bản đã và sẽ tiếp tục hỗ trợ ACH bằng cách cung cấp các chuyên gia văn hóa, tổ chức các sự kiện và triển lãm liên quan đến văn hóa Nhật Bản và ASEAN, cũng như tham gia vào các hoạt động trao đổi và giáo dục văn hóa của ACH. Nhật Bản cũng tiếp tục tham gia vào nhiều sáng kiến và dự án khác để tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của mình trong các diễn đàn và tổ chức quốc tế liên quan đến văn hóa, như Cool Japan, Japan Foundation, Japan International Cooperation Agency (JICA)... nhằm mục đích quảng bá văn hóa Nhật Bản ra thế giới và thúc đẩy sự đối thoại và hợp tác văn hóa giữa các quốc gia.

Đa dạng hóa và cải tiến các hoạt động và chiến lược ngoại giao văn hóa để phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, kỹ thuật số hóa và biến đổi khí hậu. Nhật Bản đã và sẽ tận dụng các công nghệ kỹ thuật số để nâng cao hiệu quả và tầm ảnh hưởng của các hoạt động ngoại giao văn hóa, như việc sử dụng truyền thông xã hội, trang web, ứng dụng di động, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, AI... để giới thiệu và quảng bá văn hóa Nhật Bản ra thế giới. Nhật Bản cũng đã khuyến khích việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số để bảo tồn và truyền bá các di sản văn hóa nhân loại, như việc sử dụng máy quét 3D để tạo ra các bản sao số của các di tích và di sản văn hóa, giúp các di sản đến gần với cộng đồng hơn. Nhật Bản tiếp tục chú trọng đến việc thúc đẩy các hoạt động và chiến lược ngoại giao văn hóa liên quan đến biến đổi khí hậu, như việc tổ chức các sự kiện và triển lãm về các giải pháp của Nhật Bản cho các vấn đề môi trường toàn cầu, như tái chế, tiết kiệm năng

lượng, xanh hóa đô thị,... Nhật Bản cũng sẽ hỗ trợ các quốc gia khác trong việc phát triển các công nghệ và chính sách thân thiện với môi trường, như việc cung cấp các loại xe điện, xe lai hay xe pin nhiên liệu cho các quốc gia Đông Nam Á, châu Phi...

Thúc đẩy sự đối thoại và tôn trọng giữa các nền văn hóa khác nhau, nhất là trong bối cảnh có những căng thẳng và xung đột do sự khác biệt về giá trị và lợi ích. Nhật Bản nên tiếp tục tham gia các cuộc đối thoại xây dựng và hợp tác giữa các cá nhân, tổ chức và cộng đồng thuộc các nền văn hóa khác nhau trong khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á để giải quyết các vấn đề chung và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Đồng thời thể hiện sự tôn trọng và cởi mở khi gặp gỡ và giao tiếp với người thuộc các nền văn hóa khác nhau, bằng cách lắng nghe, hỏi han, chia sẻ, tránh các định kiến và xung đột.

3.3.2 Xu hướng ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam

Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Việt Nam trong tương lai có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của hai nước và khu vực, cũng như sự thay đổi của các chính sách và chiến lược của hai bên. Tuy nhiên, dựa trên những quan sát và phân tích của một số nguồn tin có thể đưa ra một số dự đoán về các hành động trong tương lai về ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Việt Nam như sau:

Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Việt Nam sẽ tiếp tục được coi là một trong ba trụ cột của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Bên cạnh quan hệ chính trị-an ninh và quan hệ kinh tế-hợp tác ngoại giao văn hóa sẽ góp phần vào việc thúc đẩy hiểu biết và lòng tin lẫn nhau, xây dựng một nền tảng vững chắc cho sự hợp tác và đối thoại giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực.

Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Việt Nam vẫn được thực hiện thông qua các cơ quan chính thức và phi chính thức. Các cơ quan chính thức và phi chính thức vẫn luôn là trọng tâm kết nối nhưng có thể có sự điều chỉnh về cơ cấu, phương thức và nội dung của các hoạt động và sự kiện văn hóa để phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, công

nghệ số hóa và bền vững. Các hoạt động và sự kiện văn hóa có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến để tiết kiệm chi phí, thời gian và tăng cường hiệu quả. Các hoạt động và sự kiện văn hóa cũng có thể được thiết kế theo các chủ đề liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững, như bảo tồn môi trường, giáo dục toàn diện, bình đẳng giới, an ninh thực phẩm, y tế công cộng.

Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Việt Nam sẽ trở nên đa dạng hơn về các hình thức tổ chức. Giao lưu văn hóa vẫn sẽ được thúc đẩy thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và truyền thông xã hội, nhưng có thể có sự đa dạng hóa và chuyên biệt hóa của các kênh, nền tảng và nội dung truyền thông để thu hút và phục vụ cho các đối tượng khác nhau. Các phương tiện truyền thông có thể sử dụng các công cụ và phương pháp mới như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, thực tế tăng cường, podcast, blog, livestream, tiktok... để mang lại những trải nghiệm mới mẻ và sinh động cho người xem. Các phương tiện truyền thông cũng có thể tập trung vào các nội dung liên quan đến các lĩnh vực mà Nhật Bản có ưu thế và sức hút, như nghệ thuật, du lịch, ẩm thực, manga, anime, game.

Đẩy mạnh giao lưu văn hóa giữa các địa phương của hai nước. Giao lưu văn hóa các địa phương giữa Nhật Bản và Việt Nam là một hoạt động quan trọng và phong phú, góp phần tăng cường sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, cũng như thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai đất nước. Một số hình thức giao lưu văn hóa phổ biến là các lễ hội, các chương trình nghệ thuật, các hoạt động trải nghiệm, các hội thảo, các cuộc thi, các dự án văn hóa... Các hoạt động giao lưu văn hóa không chỉ diễn ra ở cấp quốc gia mà sẽ tiếp tục phát huy ở cấp địa phương, giữa các tỉnh thành, thành phố, vùng lãnh thổ của hai nước.

Tiểu kết chương 3

Việt Nam và Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức vào ngày 21/9/1973. Từ đó đến nay, quan hệ giữa hai nước đã phát triển toàn diện và sâu rộng

trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, thương mại, đầu tư, an ninh - quốc phòng, đặc biệt là văn hóa và giáo dục. Việt Nam và Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng về văn hóa, như sự tôn trọng truyền thống, sự ham học hỏi và sáng tạo, sự cần cù và kiên trì. Hai nước cũng có nhiều sự giao thoa và ảnh hưởng lẫn nhau trong các lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc, văn học, ẩm thực và phong tục tập quán.

Thông qua NGVH cũng như sự đầu tư quan tâm của chính phủ và nhân dân Nhật Bản với những ảnh hưởng tích cực đã đạt được những thành tựu cụ thể nhằm thúc đẩy các hoạt động ngoại giao văn hóa tạo nhiều diện kiến cơ hội hơn cho Nhật Bản trong bối cảnh quốc tế nhiều biến động như ngày nay. Trong những thập kỉ qua Việt Nam luôn cố gắng xây dựng phục hồi kinh tế sau chiến tranh, từ đó vượt qua đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Đặc biệt trong vấn đề đối ngoại tạo mối quan hệ, liên kết các nước trong khu vực, xây dựng chỗ đứng, khẳng định vị thế Việt Nam cũng đã thực hiện nhiều chính sách ngoại giao văn hóa mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Đối với ngoại giao hai nước Nhật – Việt đã đạt được nhiều thành tựu và mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam. Bên cạnh những mặt tích cực vẫn còn những mặt tồn tại cần đưa ra giải quyết và làm rõ nhằm khắc phục khó khăn trong các hoạt động NGVH trong thời gian tới.

Việt Nam cần chủ động rút ra những bài học về NGVH thông qua NGVH Nhật Bản và quá trình tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam từ 1993 đến nay để có những bước tiến, chính sách và thái độ phù hợp để giúp đẩy mạnh ngoại giao văn hóa Việt Nam ra trường quốc tế như: Nâng cao sự tự tin về văn hóa, thu hút sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, đa dạng hóa các hình thức tổ chức ngoại giao văn hóa và giao lưu văn hóa với quan điểm nhất quán cởi mở và có hệ thống hơn để việc gìn giữ, phát huy cũng như tuyên truyền các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ngày càng được đẩy mạnh.

KẾT LUẬN

Đối với hầu hết các quốc gia, ngoại giao văn hóa là một phương tiện quan trọng để truyền đạt hình ảnh, giá trị và niềm tin quốc gia của họ ra thế giới thông qua các hoạt động văn hóa. Nó cũng thúc đẩy sự hiểu biết và gắn kết giữa các nền văn hóa khác nhau, từ đó giúp duy trì hòa bình và hợp tác quốc tế. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản là một quốc gia bại trận, chịu nhiều tổn thất nặng nề về kinh tế - xã hội, dưới sự bảo hộ của Mỹ, Nhật Bản không thể phát huy sức mạnh quân sự nhiều như trước, nhưng nhờ sự nỗ lực, ý chí và sự đồng lòng của chính phủ và nhân dân Nhật Bản, Nhật Bản đã có những bước phát triển vững chắc về kinh tế - xã hội, củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế. Nhật Bản có nền văn hóa đặc sắc và là một trong những quốc gia có ảnh hưởng lớn đến thế giới. Nhật Bản đã sớm nhận ra tầm quan trọng và hiệu quả của ngoại giao văn hóa, cùng những giá trị được tạo ra bên ngoài giao thông văn hóa. Nhật Bản đang phát triển một chính sách đối ngoại văn hóa toàn diện và linh hoạt dựa trên ba trụ cột: thúc đẩy sự hiểu biết quốc tế về Nhật Bản, thúc đẩy sự hiểu biết về sự khác biệt văn hóa khác nhau giữa các quốc gia, nuôi dưỡng các giá trị văn hóa và quan niệm chung của toàn nhân loại.

Đối với Việt Nam, Nhật Bản là một đối tác lớn và tin cậy trong nhiều lĩnh vực. Quan hệ đối ngoại giữa hai nước được thành lập ngày 21 tháng 9 năm 1973. Kể từ đó, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước không ngừng phát triển trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa, thể thao, từ cấp lãnh đạo quốc gia đến cấp cơ sở. Các hoạt động ngoại giao văn hóa được phát triển khai thác trên mọi lĩnh vực tại Việt Nam, đặc biệt là các hoạt động ngoại giao điển hình: hoạt động truyền thông đối ngoại, giao lưu văn hóa nghệ thuật, giáo dục nhân lực và du lịch. Mỗi hoạt động đều đạt được kết quả nhất định. Đặc biệt nhất là trong lĩnh vực giáo dục và nhân lực, Nhật Bản là đất nước có nền giáo dục cao với cơ sở vật chất hiện đại, là nơi các du học sinh Việt Nam muốn theo học, tìm hiểu và học hỏi từ nước bạn phát triển. Giao lưu văn hóa trong lĩnh vực

giáo dục nhân lực cũng giúp Nhật Bản giải quyết được rất nhiều vấn đề về thiếu nguồn lao động, thiếu nguồn nhân lực trong tình hình dân số ngày càng già hóa, đổi lại các thực tập sinh, người lao động Việt Nam có thêm nhiều cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống. Các hoạt động truyền thông đối ngoại, hoạt động văn hóa nghệ thuật cũng đạt được thành tựu nổi bật nhất là làm thay đổi nhận thức của người dân hai nước về nhau. Theo chiều dài lịch sử có thể nói kể từ ngày thiết lập quan hệ ngoại giao, đặc biệt là từ năm 1993 đến nay, quan hệ văn hóa giữa hai nước phát triển tốt đẹp với nhiều hoạt động trao đổi phong phú. Với nỗ lực của hai chính phủ, nhà nước Việt Nam – Nhật Bản, các hoạt động giao lưu văn hóa được xúc tiến và đẩy mạnh ở cả hai nước, góp phần tạo sự hiểu biết nhau hơn về mọi mặt của đời sống văn hóa hiện đại cũng như truyền thống. Quan hệ giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản đã góp phần thiết thực vào việc tăng cường sự thông cảm và hiểu biết giữa hai dân tộc, thúc đẩy quan hệ chính trị kinh tế giữa hai nước và tạo cơ sở cho sự phát triển quan hệ Việt – Nhật vững bền, toàn diện hơn trong tương lai.

Có thể thấy rất nhiều ví dụ thực tế từ luận văn này thể hiện sự thấu hiểu và đồng cảm trong mọi lĩnh vực quan hệ Nhật Bản – Việt Nam và ở mọi thế hệ, bao gồm thế hệ trẻ, chẳng hạn như môi quan hệ tin cậy đặc biệt được vun đắp ở cấp lãnh đạo hai nước, hay việc mở rộng giao lưu văn hóa về cuộc sống hàng ngày như trong ẩm thực và lối sống. Các cơ quan, chính phủ hai nước cần tiếp tục duy trì và tăng cường hợp tác văn hóa kết hợp đẩy mạnh kinh tế. Bên cạnh đó hợp tác cả lĩnh vực an ninh như chống khủng bố, an ninh mạng, tội phạm công nghệ, tội phạm quốc tế... Đồng thời thúc đẩy hợp tác về các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để công dân hai nước có thể nhập cảnh dễ dàng và có quy trình đơn giản hơn nhằm thúc đẩy giao lưu văn hóa thông qua các hoạt động du lịch và giáo dục, cũng như giao lưu nhân dân được thuận tiện. Về phía Việt Nam cần chủ động rút ra những bài học về NGVVH thông qua NGVVH Nhật Bản và quá trình tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam từ 1993 đến nay để có những bước tiến, chính sách và thái độ phù hợp để giúp đẩy mạnh ngoại giao văn hóa Việt Nam ra trường

quốc tế như: Nâng cao sự tự tin về văn hóa, thu hút sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, đa dạng hóa các hình thức tổ chức ngoại giao văn hóa và giao lưu văn hóa với quan điểm nhất quán cởi mở và có hệ thống hơn để việc gìn giữ, phát huy cũng như tuyên truyền các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ngày càng được đẩy mạnh.

Cùng với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế cũng như nhiều biến động trên trường chính trị, kinh tế văn hóa xu hướng triển khai các hoạt động NGVH của Nhật Bản, NGVH của Việt Nam và NGVH của Nhật Bản tại Việt Nam cũng sẽ có nhiều thay đổi. Đặc biệt NGVH của Nhật Bản tại Việt Nam trong tương lai có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của hai nước và khu vực, cũng như sự thay đổi của các chính sách và chiến lược của hai bên, Tuy nhiên NGVH của Nhật Bản vẫn sẽ là một trong những trụ cột của mối quan hệ đối tác chiến lược hai quốc gia, các hoạt động ngoại giao sẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hơn nữa thông qua các cơ quan chính thức và phi chính thức, các hình thức sẽ trở nên đa dạng hơn nhờ vào sự phát triển của khoa học kỹ thuật, quan trọng nhất các hoạt động NGVH địa phương sẽ được đẩy mạnh và có những kết quả cụ thể thiết thực hơn,

Năm 2023, Nhật Bản và Việt Nam sẽ kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Mối quan hệ của hai nước đang tiến tới thời kỳ đánh dấu bước phát triển vượt bậc. Nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao sẽ là dịp để nhìn lại quan hệ Nhật Bản – Việt Nam từ trước đến nay, và xây dựng nền tảng cho mối quan hệ NGVH phát triển vượt bậc hơn nữa hướng tới tương lai, vươn tầm khu vực và thế giới với tư cách là những đối tác có vị thế ngang bằng cùng mang lại lợi ích cho nhau. Với những kinh nghiệm đã tích lũy trong 50 năm thiết lập quan hệ có thể tin tưởng rằng mối quan hệ hai nước sẽ có nhiều biến đổi tích cực.

Khuyến nghị cho nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu về NGVH Nhật Bản và quá trình tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật Bản ở Việt Nam từ năm 1993 đến năm 2022 với số lượng nghiên cứu còn hạn chế về cả quy

mô lẫn tính chất. Còn một số vấn đề nóng chưa được đi sâu tìm hiểu để cụ thể hóa hơn, ở những nghiên cứu tiếp theo có thể thực hiện một số khuyến nghị như:

Ngoại giao văn hóa Nhật Bản với các địa phương, các thành phố lớn của hai quốc gia ví dụ như: Các hoạt động NGVH giữa Nhật Bản với Đà Nẵng, Nhật Bản với Thủ đô Hà Nội, Nhật Bản với Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương... Hay các hoạt động ngoại giao giữa các thành phố hai nước Tokyo và Hà Nội...

Ngoại giao văn hóa trong các lĩnh vực cụ thể từ năm 1993 đến 2023 như: NGVH Nhật Bản ở Việt Nam trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại, Hoạt động văn hóa trong trao đổi giáo dục nhân lực tại các trường Đại học của Việt Nam .

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- 1) Bài phát biểu “Chuyện của chúng tôi” và hành trình hợp tác Việt Nam - Nhật Bản_ Võ Hồng Phúc, nguyên Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ở Tokyo Kaikan (Đông Kinh Hội Quán), trung tâm tổ chức sự kiện bậc nhất của Tokyo, Nhật Bản.
- 2) Báo Nhân dân (2006), Tuyên bố chung Việt Nam – Nhật Bản, (số 18697).
- 3) Bùi Mạnh Hùng (2017), *Giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản trong hoạt động truyền thông VOV*, Luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Văn hóa học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- 4) Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam. Hợp tác viện trợ không hoàn lại cho các dự án NGO của Chính phủ Nhật Bản năm Reiwa thứ 2, https://www.vn.emb-japan.go.jp/itpr_ja/20210304NGO_vn.html
- 5) Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp.
- 6) Hoàng Khắc Nam (2008), *Hợp tác đa phương ASEAN +3: Vấn đề và triển vọng*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
- 7) Hoàng Thị Hạnh Dương (2017). *Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Việt Nam từ năm 1992 đến nay*, luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội,
- 8) Irie Akira (2012), *Ngoại giao Nhật Bản: sự chọn lọc của Nhật Bản trong thời đại toàn cầu hóa*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- 9) Kazumi Inami (2013), *Giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam và trên Thế giới*, Hội thảo “Nghiên cứu, dạy – học tiếng Nhật và Nhật Bản học trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực quốc tế”, ngày 27/09/2013 tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kỷ yếu hội thảo, tr 137.

- 10)Luận Thùy Dương (2017), *Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN*, Nxb Chính Trị Quốc Gia – Sự Thật, Hà Nội.
- 11)Ngô Lan Hương (2012), Quan hệ văn hóa Việt Nam – Nhật Bản giai đoạn từ 1993 đến nay, Tạp chí Viện Nghiên cứu Nhật Bản, truy cập 12/04/2023 <http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=623>
- 12)Ngô Xuân Bình – Trần Quang Minh (2005), *Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
- 13)Ngô Xuân Bình (2003), Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản và tác động tới quan hệ Việt Nam – Nhật Bản, *Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, (số 4) 46, tr.41-49.
- 14)Ngô Xuân Bình (2008), Nhận diện quan hệ Việt Nam – Nhật Bản, *Tạp chí Đông Bắc Á*, (số 11) 93, tr.4-8.
- 15)Nguyễn Cao Đàm (1994), *Nhật Bản – Việt Nam, Những vấn đề văn hóa*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
- 16)Nguyễn Danh Chai (1993), *Chính sách của Nhật Bản đối với các nước Đông Nam Á*, Học viện hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
- 17)Nguyễn Duy Dũng (2005), *Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong bối cảnh hợp tác khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Những bài học về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- 18)Nguyễn Quang Tuấn – Trần Quang Minh (2014), *Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản: 40 năm nhìn lại và định hướng tương lai*, Nxb Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
- 19)Nguyễn Thị Quế - Nguyễn Tất Giáp (2013), *Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản sau chiến tranh lạnh*, Nxb Chính Trị Quốc Gia – Sự Thật, Hà Nội.

- 20) Phạm Bình Minh (2011), *Đường lối Chính sách Đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 21) Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản JapanFoundation, truy cập 20/05/2023, <https://jpf.org.vn/thong-tin-chung-cua-giao-duc-tieng-nhat>
- 22) Trần Mạnh Cát (1991), *Giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản những năm gần đây, 25 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản (1973 – 1998)*, Nxb Khoa học xã hội, tr.152 - 242.
- 23) Trần Mạnh Cát (1991), *Giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản những năm gần đây, 25 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản (1973 – 1998)*, Nxb Khoa học Xã hội.
- 24) Trần Mỹ Hoa – Nguyễn Ngọc Phương Trang (2016). Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục, *Tạp chí Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*, truy cập 20/06/2023.
- 25) Trần Quang Minh (2015), Quan hệ thương mại Việt Nam – Nhật Bản: Thành tựu, vấn đề và giải pháp, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* số 5.
- 26) Trần Quang Minh (2015), *Thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Nhật Bản trong bối cảnh mới ở Đông Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 27) Umeda Kunio (2021), *Việt Nam Và Nhật Bản Là Đồng Minh Tự Nhiên*, Nxb Thế giới.
- 28) Viêt Luân Chu (2003), *30 năm hợp tác hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 29) Vũ Dương Huân (2018), *Ngoại giao và công tác ngoại giao*, Nxb Chính Trị Quốc Gia – Sự Thật, Hà Nội.
- 30) Vũ Trọng Lâm – Lê Thanh Bình (2015), *Văn hóa đối ngoại Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*, Nxb Chính Trị Quốc Gia – Sự Thật, Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

- 31) Kazuo Ogoura (2009), *Japan's cultural diplomacy*, The Japan Foundation.
- 32) Makoto Iokibe (2005), *Japan's Role in a New World Order*, <http://www.iips.org/en/publications/data/05japanroleIokibe.pdf> truy cập 20/07/2023.
- 33) Ministry of Foreign Affairs of Japan. *Japan's Foreign Policy to Promote National and Worldwide Interests*, <https://www.mofa.go.jp/policy/other/bluebook/2017/html/chapter3/c030402.html>, truy cập 20/07/2023.
- 34) Ministry of Foreign Affairs of Japan. *Public Diplomacy* https://www.mofa.go.jp/policy/culture/public_diplomacy.html, truy cập 26/06/2023.
- 35) Natsuko Akagawa, *Japan and the Rise of Heritage in Cultural Diplomacy: Where Are We Heading?* *Journal of Historic Preservation, History, Theory, and Criticism*, Vol. 13, No. 1 (Summer 2016), pp. 125-139 (16 pages)
- 36) The conversation (2018). *Japan is using cultural diplomacy to reassert its place in the world – but is the message too exclusive?*, <https://theconversation.com/japan-is-using-cultural-diplomacy-to-reassert-its-place-in-the-world-but-is-the-message-too-exclusive-106463> truy cập 20/07/2023.

Trang web điện tử

- 37) Anh Minh (2020). Xúc tiến du lịch song phương Việt Nam – Nhật Bản, Tạp chí Điện tử Du lịch, truy cập 27/05/2023 <https://www.vtr.org.vn/xuc-tien-du-lich-song-phuong-viet-nam-nhat-ban.html>
- 38) Báo cáo Phát triển con người năm 2019, Bất bình đẳng trong Phát triển con người ở thế kỷ 21, truy cập ngày 16/06/2023 https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/vn/2.-Brief-Viet-Nam---HDI-update_VN.pdf
- 39) Bộ Ngoại Giao: Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc, NXB Chính Trị Quốc Gia Hà Nội, 1995, 18-20.
- 40) Bùi Việt Hương (2014). ‘Quyền lực cứng, quyền lực mềm, quyền lực thông minh trong nền dân chủ’. *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, truy cập 20/06/2023 <https://tcnn.vn/news/detail/5468/Quyen-luc-cung-quyen-luc-mem-quyen-luc-thong-minh-trong-nen-dan-chuall.html>
- 41) Cẩm Tú – Quỳnh Thương (2023). 2022 nhìn lại GDP cao kỷ lục và điểm sáng kinh tế Việt Nam, *Báo Thanh Niên*, Thời sự 01/01/2023. <https://thanhnien.vn/2022-nhin-lai-gdp-cao-ky-luc-va-diem-sang-kinh-te-viet-nam-1851537768.htm>
- 42) Đức Lê (2011). Đôi nét về “Quyền lực mềm” trong quan hệ quốc tế, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, truy cập ngày 20/07/2023 <http://tapchiquptd.vn/vi/an-pham-tap-chi-in/doi-net-ve-quyen-luc-mem-trong-quan-he-quoc-te/3410.html>
- 43) Duy Linh (2023) Nhật Bản viện trợ không hoàn lại 9 dự án cho Việt Nam, Báo Tuổi trẻ online, truy cập ngày 30/06/2023 <https://tuoitre.vn/nhat-ban-vien-tro-khong-hoan-lai-9-du-an-cho-viet-nam-20230310121109294.ht>

- 44)H. Thanh (2022). Thúc đẩy hợp tác du lịch Việt Nam và Nhật Bản, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Kinh tế, 17/11/2022 Truy cập 30/06/2023)
<https://dangcongsan.vn/kinh-te/thuc-day-hop-tac-du-lich-viet-nam-va-nhat-ban-624822.html>
- 45)Học bổng Jasso – Jasso Việt Nam. Truy cập 25/05/2023 <https://jasso.org.vn/hoc-bong-jasso/>
- 46)Học bổng toàn phần chính phủ Nhật Bản JDS. Truy cập 25/05/2023
<https://scholarshipplanet.info/vi/hoc-bong-du-hoc-nhat-ban-jds/>
- 47)Mikasa Juku Nhật Bản. truy cập 21/05/2023 <https://mikasajyuku.jp/>
- 48)Minh Khang (2022). Liên hoan phim Nhật Bản tại Việt Nam, Trang tin điện tử Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh, truy cập 17/04/2023
<https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/lien-hoan-phim-nhat-ban-tai-viet-nam-2022-1491900468>
- 49)Ngoại giao Việt Nam Nâng tầm vị thế quốc gia – Mega Story, truy cập 16/07/2023
- 50)Nguồn Học bổng chính phủ Nhật Bản MEXT. Truy cập 25/05/2023
<https://jasso.org.vn/hoc-bong-chinh-phu-nhat-ban-mext-truong-dai-hoc-tien-cu/>
- 51)Nguồn Thông tấn xã Việt Nam (2021). Việt Nam đứng thứ 2 về số lượng du học sinh đang theo học tại Nhật Bản, *Báo Tuổi trẻ*, truy cập 25/05/2023
<https://tuoitre.vn/viet-nam-dung-thu-2-ve-so-luong-du-hoc-sinh-dang-theo-hoc-tai-nhat-ban-20210813145022972.htm>
- 52)Nguyễn Ngọc Nghiệp (2016). Hiệp ước an ninh Nhật – Mỹ và tác động đối với Nhật Bản, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 11 (189) 11-2016, truy cập ngày 15/06/2023
https://sti.vista.gov.vn/file_DuLieu/dataTLKHHCN//CVv183/2016/CVv183S112016003.pdf
- 53)Phạm Sanh Châu. ‘Ngoại giao văn hóa – Một trụ cột quan trọng nền ngoại giao toàn diện Việt Nam’. *Tạp chí đối ngoại*, số 3-2009, truy cập ngày 20.06.2023

- 54) Phùng Văn Khai (2022). Bác sĩ Đặng Văn Ngữ, thực học, thực hành biết máy huân công, *Tạp chí Công an nhân dân*, truy cập 20/05/2023 <https://cand.com.vn/nguoi-trong-cuoc/bac-si-dang-van-ngu-thuc-hoc-thuc-hanh-biet-may-huan-cong-i676053/>
- 55) Phương Lan (2021) Việt Nam đứng thứ 6 thế giới về số người học Tiếng Nhật, *VOV2 Văn hóa – Xã hội*, Giáo dục – Đào tạo 28/11/2021. truy cập 20/05/2023. <https://vov2.vov.vn/giao-duc-dao-tao/viet-nam-dung-thu-6-the-gioi-ve-so-nguoi-hoc-tieng-nhat-31029.vov2#>.
- 56) Quan hệ Nhật Bản – Việt Nam, Wikipedia. Truy cập ngày 26/06/2023 https://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_h%E1%BB%87_Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n_%E2%80%93_Vi%E1%BB%87t_Nam#:~:text=Vi%E1%BB%87t%20Nam%20ch%C3%ADnh%20th%E1%BB%A9c%20l%E1%BA%ADp,v%C3%A0%20C4%91i%20v%C3%A0o%20chi%E1%BB%81u%20s%C3%A2u.
- 57) Sách trắng Du lịch năm 2019. Việt Nam đứng đầu tăng trưởng khách du lịch tới Nhật Bản, *Tạp chí Thế giới và Việt Nam*, truy cập 27/05/2023 <https://baoquocte.vn/viet-nam-dung-dau-tang-truong-khach-du-lich-toi-nhat-ban-96288.html>
- 58) Thống kê lượng khách quốc tế đến Nhật Bản, truy cập 26/05/2023 https://view.officeapps.live.com/op/view.aspx?src=https%3A%2F%2Fwww.jnto.go.jp%2Fstatistics%2Fdata%2Fsince2003_visitor_arrivals_May_2023.xlsx&wdOrigin=BROWSELINK
- 59) Thu Thủy (2017). Việt Nam và Nhật Bản ký kết hợp tác phát triển du lịch, Sở du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế, Sự kiện, 30/03/2017 truy cập 30/06/2023 <https://sdl.thuathienhue.gov.vn/?gd=4&cn=28&tc=1723>

- 60) Trải nghiệm tại Nhật Bản. Số lượng khách du lịch tới Nhật hằng năm, truy cập 27/05/2023 <https://trainghiemnhatban.net/so-luong-khach-du-lich-toi-nhat-hang-nam/>
- 61) Trần Văn An (2022). Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu với Hội An, Nguồn Trung tâm quản lí bảo tồn di sản văn hóa Hội An, truy cập 16/07/2023. <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/quoc-chua-nguyen-phuc-chu-voi-hoi-an-997.html>
- 62) VTV Báo điện tử NEWS (2023) Sôi nổi hoạt động giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản, truy cập 30/06/2023 <https://vtv.vn/xa-hoi/soi-noi-hoat-dong-giao-luu-van-hoa-viet-nam-nhat-ban-20230514204208895.htm>
- 63) Wikipedia Tiếng Việt, truy cập 15/07/2023 https://vi.wikipedia.org/wiki/Trang_Ch%C3%ADnh